

BÀI 7: QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Tiết 67,68, 69: NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN

Ngày soạn: 5/2/2026

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nắm được nội dung, vị trí của đoạn trích trong tác phẩm; hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.
- HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba thể hiện ở mức độ thấu suốt diễn biến của câu chuyện cũng như mọi thay đổi tinh vi trong hành động, suy nghĩ của nhân vật; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

2. Năng lực

- Năng lực phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- Năng lực đọc hiểu, phân tích, đánh giá... văn bản truyện.

3. Phẩm chất

- Yêu thương và trân trọng con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
- Video, tranh ảnh liên quan

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG/ MỞ ĐẦU	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: GV chuẩn bị trích đoạn nhạc kịch “Les Misérables” – Mĩ từ phút 40.23 đến 45.09 (https://www.studyphim.vn/movies/les-miserables-2012/play?episode=1) Hoặc trích đoạn nhạc kịch “Les Misérables” - Tây Ban Nha, chiếu từ phút 38.00 đến 42.49 (https://www.youtube.com/watch?v=wE2gU6nIFxU&t=2653s) tương ứng đoạn trích: “Người cầm quyền khôi phục uy quyền” trong “Những người khốn khổ” (trang 39-43)	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh xem trích đoạn nhạc kịch <i>Những người khốn khổ</i> (Les Misérables) GV nêu câu hỏi: <i>Trong trích đoạn nhạc kịch đã xem, em hình dung như thế nào về con người có uy quyền? Hãy chia sẻ ấn tượng của mình về nhân vật ấy.</i> Tranh biện: <i>Ai là người cầm quyền- Giăng Van-giăng hay Gia-ve? Lí giải.</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hình dung và cảm nhận Bước 3. Báo cáo, thảo luận	HS nêu hình dung và chia sẻ ấn tượng của bản thân của mình về người có uy quyền trong trích đoạn nhạc kịch. HS có được tâm thế chủ động, tích cực để chuẩn bị tiếp xúc với cách thể hiện uy quyền của nhân vật và sức mạnh của nhân vật trong đoạn trích.

Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, phân biện chéo hoặc tranh biện: <i>Ai là người cầm quyền- Giảng Van-giăng hay Gia-ve? Vì sao người cầm quyền cần khôi phục uy quyền?</i> Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm hiểu quyền năng của người kể chuyện trong tác phẩm tự sự qua trích đoạn tiểu thuyết “Người cầm quyền khôi phục uy quyền”																	
HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI																	
A. TRI THỨC NGỮ VĂN																	
a. Mục tiêu																	
HS tóm tắt được và nắm vững những thông tin then chốt nhất trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> .																	
b. Nội dung																	
- Đọc nội dung phần <i>Tri thức ngữ văn</i> , gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin																	
- Tóm tắt tri thức về người kể chuyện, ngôi kể và quyền năng của người kể chuyện.																	
- Thảo luận, trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập																	
c. Sản phẩm																	
- Phiếu học tập – Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm/ Slide trình chiếu trò chơi học tập																	
- Chốt kiến thức chuẩn																	
d. Tổ chức thực hiện																	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về truyện kể, người kể chuyện - Hoàn thành phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân - HS tương tác trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới hình thức trò chơi học tập ❖ GV chuẩn bị trò chơi học tập khởi động: “Ai nhanh hơn” Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ, suy nghĩ chọn câu trả lời đúng Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn, chọn đáp án đúng Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: một số yếu tố của truyện, quyền năng của người kể chuyện trong tác phẩm tự sự	Phụ lục 1. Phiếu học tập số 1 Phụ lục 2. Bộ câu hỏi trắc nghiệm củng cố tri thức ngữ văn Chốt đáp án: <table><tr><td>Câu 1</td><td>C</td><td>Câu 5</td><td>D</td></tr><tr><td>Câu 2</td><td>A</td><td>Câu 6</td><td>A</td></tr><tr><td>Câu 3</td><td>B</td><td>Câu 7</td><td>B</td></tr><tr><td>Câu 4</td><td>A</td><td>Câu 8</td><td>A</td></tr></table>	Câu 1	C	Câu 5	D	Câu 2	A	Câu 6	A	Câu 3	B	Câu 7	B	Câu 4	A	Câu 8	A
Câu 1	C	Câu 5	D														
Câu 2	A	Câu 6	A														
Câu 3	B	Câu 7	B														
Câu 4	A	Câu 8	A														

GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu văn bản	1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba - Người kể chuyện ngôi thứ nhất là người kể xưng “tôi” hoặc dùng một hình thức tự xưng tương đương. - Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm, không tham gia vào các sự việc, chỉ được nhận biết qua lời kể. - Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, có chức năng khắc hoạ bối cảnh, thời gian, không gian, miêu tả sự việc, nhân vật, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật. - Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc hoạ trong tác phẩm văn học. 2. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra.
---	--

B. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu

- HS nắm được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả
- Thấy được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Vích-to Huy-gô
- Tóm tắt được tác phẩm, xác định vị trí, nội dung của đoạn trích

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện

Tiến trình hoạt động

Dự kiến sản phẩm

* Nhiệm vụ 1:

I. Tìm hiểu chung

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

1. Tác giả

Trường THPT Đỗ Thị Thu Thủy

Năm học 2025-2026

- Đọc, phân tích thông tin qua phần giới thiệu khái quát về nhà văn Vích-to Huy-gô

- Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về Vích-to Huy-gô, hãy khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả.

- Thuyết minh sáng tạo về tác phẩm

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

- Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá

- Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm

B3: Báo cáo thảo luận

- HS báo cáo kết quả, thuyết minh sáng tạo (Phụ lục 4)

- Thảo luận, phản biện chéo

B4: Kết luận, nhận định

- GV kết luận

- Nhận xét, đánh giá HS

1.1. Con người và cuộc đời

- V. Huygô (1802- 1885) là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp TK XIX

- Ông sinh ra trong một gia đình phức tạp về tư tưởng, trong một thời đại nước Pháp bão tố rồi ren về chính trị.

- Tư tưởng có sự chuyển biến từ tư tưởng quân chủ sang tư tưởng dân chủ đứng về phía nhân dân, mang một niềm khát khao tự do và trái tim tràn đầy yêu thương

- Là nhà văn được công nhận là danh nhân văn hóa thế giới 9/1985

1.2. Sự nghiệp

- Là một trong những nhà văn, nhà thơ lãng mạn tiêu biểu ở Pháp ở thế kỉ XIX; hướng ngòi bút vào những người khốn khổ, phát hiện những mâu thuẫn của xã hội và giải quyết trên nguyên tắc tình thương.

+ Đánh giá: “thần đồng thơ ca”, “người khổng lồ” và “một thiên tài sáng tạo”

+ Phong cách sáng tác hướng ngòi bút vào những người khốn khổ, phát hiện những mâu thuẫn của xã hội và giải quyết trên nguyên tắc tình thương.

=> V. Huy-gô chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử văn học Pháp. Các tác phẩm của ông đa dạng về thể loại và trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Tác phẩm tiêu biểu: (SGK)

2. Tiểu thuyết: “Những người khốn khổ”

*** Nhiệm vụ 2:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS đọc phần tóm tắt tác phẩm, nêu xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác

- Xác định vị trí của đoạn trích, nội dung bao trùm, tâm vóc, giá trị của tác phẩm.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ

- Hoàn thiện câu trả lời

B3: Báo cáo thảo luận

- HS báo cáo kết quả

(sản phẩm thuyết minh sáng tạo – Phụ lục 4)

- Thảo luận, bổ sung, đánh giá

B4: Kết luận, nhận định

- GV kết luận, chốt kiến thức

- Nhận xét, khuyến khích hs tích cực

2.1.. Xuất xứ:

Người cầm quyền khôi phục uy quyền” được trích trong tiểu thuyết lãng mạn nổi tiếng “*Những người khốn khổ*”.

2.2. Hoàn cảnh sáng tác

+ Ngay từ 1829,V.Huy-gô đã có ý định viết một cuốn tiểu thuyết về người tù khổ sai. Sau năm 1830 Huy-gô đặc biệt chú ý đến các vấn đề xã hội (phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, những bất công xã hội, sự sa đoạ của con người). Huy-gô bắt tay vào việc sưu tầm tài liệu và bắt đầu viết bộ tiểu thuyết này vào năm 1840, thoát đầu gọi là “*Những cảnh cùng khổ*” và hoàn thành vào năm 1861.

+ Được xuất bản năm 1862.

c. Tóm tắt tác phẩm

Tác phẩm gồm 5 phần

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu

- HS nắm được hoàn cảnh, số phận, tính cách từng nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật; tư tưởng nhân văn cao đẹp của tác giả thể hiện ở quan niệm về các giá trị của con người.

– HS hiểu được quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ; sự chuyển dịch linh hoạt điểm nhìn trong kể chuyện; khả năng chi phối cách nhìn nhận, đánh giá của người đọc về sự việc, nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.

- HS phân tích được những giá trị nghệ thuật đặc sắc và các thông điệp chính trong văn bản.

- HS liên hệ văn bản với bản thân, với đời sống.

b. Nội dung

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi và phiếu học tập

c. Sản phẩm

- Phiếu học tập của HS khi đọc văn bản

- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Tiến trình hoạt động

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức HS đọc phân vai: lời người kể chuyện, lời của Giăng Van-giăng (Jean Valjean), Gia-ve (Javert), Phăng-tin (Fantine).

Xác định bố cục, sắp xếp các sự việc chính và tóm tắt đoạn trích

Đoạn trích thể chia đoạn trích làm mấy phần? Hãy xác định mối liên hệ giữa các phần trong đoạn trích.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc nối tiếp văn bản, xác định bố cục, thực hiện các nhiệm vụ trong khi đọc.
- Ghi chú các thẻ ở các box bên phải văn bản vào vở bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS thảo luận và thống nhất cách phân chia bố cục trong văn bản
- Thực hiện các nhiệm vụ ở các box bên phải văn bản

B4: Kết luận, nhận định

GV chốt bố cục văn bản và phân tích mối liên hệ giữa các phần trong đoạn trích.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Cốt truyện

Gia- ve đến bắt Giăng- Van- giăng

- Phăng- tin đang ốm nặng chứng kiến cảnh người bảo trợ của mình bị bắt sự hãi đến chết.

Giăng- Van- giăng vốn là thị trưởng thì giờ đây lại là tù khổ sai. Gia- ve trước đây vốn dưới quyền Giăng Van- giăng giờ đây ra oai hách dịch

2. Bố cục: 2 phần

+ Phần đầu từ câu “Từ ngày ông Ma-đơ-len (Madeleine) gỡ cho Phăng-tin thoát khỏi bàn tay Gia-ve, chị không gặp lại hân lần nào nữa” đến câu “Phăng-tin đã tắt thở”. → nghe những lời lẽ của Gia-ve nói về “ông thị trưởng Ma-đơ-len” đồng thời chứng kiến hành động đầy quyền uy của hắn, Phăng-tin hoảng sợ, ngã đập đầu vào thành giường và tắt thở.

+ Phần còn lại: Giăng Van-giăng thể hiện thái độ quyết liệt khiến Gia-ve phải sợ hãi, nhờ đó, ông ngồi xuống thì thầm bên tai Phăng-tin những lời cuối cùng và sửa soạn cho người đã chết.

► Hai phần có quan hệ nhân quả. Chính thái độ, lời lẽ và hành động của Gia-ve đã gây ra cái chết của Phăng-tin, đúng như Giăng Van-giăng khẳng định: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”. Và cũng chính sự hung hăng, sắt đá của Gia-ve (quyết bắt Giăng Van-giăng) đã buộc ông phải giật một thanh sắt từ cái giường, lăm lăm trong tay, ngăn sự quấy rầy của Gia-ve để thực hiện bổn phận lương tâm đối với Phăng-tin.

Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản

Tìm hiểu nhân vật Giăng Van - giăng

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 4
- Thời gian: 10'
- Sản phẩm: phiếu học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 5
- Thời gian: 10 phút

1. Nhân vật Giăng Van- giăng**a. Thái độ với Phăng-tin**

Hoàn cảnh và tâm trạng:

- Không muốn sống giả dối, giàu sang mà lương tâm day dứt (không muốn một người vô tội vì mình mà bị kết án oan) → Tự thú
- Nhưng ông lại không có điều kiện để cứu mẹ con Phăng- tin khi ông tự thú, nộp mình cho cảnh sát

→ Giăng-Van- giăng bị đẩy vào tình cảnh ngặt nghèo Đấu tranh giữa cái cao cả >< cái thấp hèn, giữa tội lỗi>< lòng nhân ái

→ Chấp nhận tự thú và nài nỉ Gia- ve cho 3 ngày để lo việc cho Phăng- tin

Thái độ và hành động đối với Gia- ve:

- Trước sự hùng hổ hung hãn của Gia- ve:
 - + Cử chỉ điềm tĩnh, nhẫn nhịn, tránh xung đột, cầu xin
 - + Thái độ không hề tỏ ra khiếp sợ trước Gia- ve, trước uy quyền
- Nhún nhường vì Phăng- tin → Tấm lòng cao đẹp của tình thương.
- Trước thái độ tàn bạo của Gia- ve làm Phăng- tin sợ hãi đến chết:(D/c)
 - + Cử chỉ dứt khoát, lời lẽ từ tốn nhưng có sức mạnh lên án tố cáo mạnh mẽ quyết liệt như một lời kết án của quan tòa
 - + Thái độ phần nộ nhưng hết sức kiềm chế với lời lẽ nghiêm khắc, bình tĩnh, chủ động làm Gia- ve khiếp sợ => Lương tri, đạo đức con người đã mang lại cho Giăng- Van- giăng sức mạnh vô song. Vì lẽ đó một nghịch lí xuất hiện: Tuy là kẻ cầm quyền nhưng Gia- ve không phải là kẻ mạnh, kẻ mạnh là Giăng- van- giăng, không phải sức mạnh từ bàn tay mà là sức mạnh từ tâm hồn → Uy quyền thuộc về Giăng- Van- giăng. Cái thiện giành được uy quyền, sức mạnh đẩy lùi cái ác

Thái độ đối với Phăng-tin:

- Trước nội sợ hãi của Phăng- tin khi Gia-ve xuất hiện:

+ Nhẹ nhàng điềm tĩnh, trù mẫn, làm yên lòng Phăng- tin, trấn an... → Làm chỗ dựa tinh thần cho Phăng- tin

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ cảm nhận về nhân vật

=> Nhận xét: Giăng Van-giăng thấu hiểu, xót thương vô hạn trước nỗi đau và sự bất hạnh của Phăng-tin. Trong tình huống đối mặt với Gia-ve, dù sắp bị bắt nhưng ông hoàn toàn không bận tâm số phận của bản thân, chỉ dành trọn sự quan tâm, lo lắng cho Phăng-tin. Phăng-tin chết đau đớn trước khi gặp lại đứa con gái tội nghiệp khiến Giăng Van-giăng tự thấy mình có phần trách nhiệm.

- Hành động nói với người đã khuất:

Giăng Van-giăng đã nói những gì với Phăng-tin? Khó có thể trả lời dứt khoát câu hỏi đó. Chính người kể chuyện ngôi thứ ba (kiểu người kể chuyện toàn tri) mà vẫn không thể biết hết mọi điều: “Ông nói gì? Con người khổ sở ấy có thể nói gì với người đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? [...] Kẻ đã chết có nghe thấy không?”. Ta biết rằng, mối quan tâm cuối cùng của Phăng-tin không phải là sự sống chết của bản thân, mà là số phận của đứa con gái tội nghiệp. Khi nghe Giăng Van-giăng xin Gia-ve ba ngày để đi tìm Cô-dét (Cossette), Phăng-tin đã run lên bần bật vì biết con gái mình chưa có mặt ở đây như lời người ta đã nói. Phăng-tin chết khi chưa được gặp con đã khiến Giăng Van-giăng cảm thấy hết sức ân hận, khổ sở. Có thể suy đoán rằng, những lời thì thầm cuối cùng của ông bên tai Phăng-tin là lời hứa bảo vệ Cô-dét. Chỉ những lời như thế mới có thể tác động một cách kì lạ, khiến Phăng-tin – một người đã chết – vẫn mỉm cười và gương mặt “sáng rõ lên một cách lạ thường”.

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt kiến thức

- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt

- Rút kinh nghiệm

b. Thái độ với Gia-ve

- Ban đầu, Giăng Van-giăng nói năng bình tĩnh, không chút sợ hãi, mặc dù ông

Phân tích sự thay đổi trong ngôn ngữ và thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve theo diễn biến của đoạn trích.

biết mình đã rơi vào tay Gia-ve: “Tôi biết là anh muốn gì rồi”.

- Khi Gia-ve cầm cổ áo ông (hành động khiến Phăng-tin “tưởng như cả thế giới đang tan biến”), Giăng Van-giăng không gỡ tay hắn ra, mà chỉ gọi trần trụi, đích danh “Gia-ve...” với tất cả sự coi thường.

- Nhưng rồi, vì muốn được đi tìm con gái cho Phăng-tin, Giăng Van-giăng sẵn sàng hạ mình trước kẻ mà ông khinh bỉ: “Thưa ông, tôi muốn nói riêng với ông câu này”, “Tôi cầu xin ông có một điều...”.

- Trước sự việc đau thương xảy ra ngoài ý muốn: Phăng-tin ngã đập đầu vào thành giường vì tuyệt vọng, Giăng Van-giăng đã kết tội Gia-ve một cách đanh thép: “Anh đã giết chết người đàn bà này rồi đó”.

- Muốn có không khí tĩnh lặng để thì thầm những lời cuối cùng với linh hồn Phăng-tin và sửa soạn cho chị, ông không ngần ngại thể hiện thái độ cứng rắn trước Gia-ve: cầm thanh sắt và nói một câu tưởng nhẹ nhàng mà chứa đầy sức mạnh của một người có thể làm bất cứ điều gì khi cần thiết: “Tôi khuyên anh đừng có quấy rầy tôi lúc này”. Chính câu nói đó đã khiến Gia-ve phải run sợ.

- Mọi việc xong xuôi, Giăng Van-giăng đã chấp nhận tình thế một cách chủ động, bình tĩnh: “Giờ anh muốn làm gì thì làm”. Ấy là câu nói của một người sẵn sàng đi vào cuộc tuần nạn.

→ Như vậy, ngôn ngữ và thái độ của Giăng Van-giăng đối với Gia-ve thay đổi liên tục, gồm đủ sắc thái, cung bậc, nhưng rất phù hợp, bởi đó là hệ quả sự tác động của tình huống, nhất là từ cách hành xử tàn nhẫn của chính Gia-ve.

Tìm hiểu nhân vật Gia-ve

2. Nhân vật Gia-ve

* *Ngoại hình:*

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Bộ mặt gớm ghiếc, đáng sợ.

- Giọng nói hách dịch, “man rợ, điên

Qua lời của người kể chuyện, nhân vật Gia-ve hiện lên như thế nào? Nhận xét về thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật này.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu.

B3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày
- Phản biện và trao đổi

B4: Kết luận, nhận định

- GV chốt kiến thức
- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt
- Rút kinh nghiệm

cuồng”.

- Thái độ đắc thắng khi cảm thấy cuộc săn đuổi Giăng Van-giăng – một đối thủ xứng tầm – đã kết thúc (“Phá lên cười; Ở đây làm gì còn có ông thị trưởng nữa!”).

- Cái nhìn lạnh lùng, độc ác “như có móc, móc vào người”, như “đi thâu vào đến tận xương tủy” của đối thủ.

- Hành động trịch thượng (“túm cổ áo Giăng Van-giăng”), muốn đối thủ khuất phục trước quyền uy của mình (“Gọi ta là ông thanh tra”).

- Muốn thể hiện ta đây làm việc minh bạch, không khuất tất (“Nói to, nói to lên! Ai nói gì với ta thì phải nói to!”).

- Với sự vô cảm, vô tình, Gia-ve đã gián tiếp gây ra cái chết của Phăng-tin (qua kết luận đanh thép của Giăng Van-giăng).

– Sợ hãi trước thái độ cứng rắn của Giăng Van-giăng (“Sự thật Gia-ve run sợ”).

* Thái độ và cách ứng xử:

- Đối với Phăng- tin:

+ Quát tháo làm náo loạn cả phòng bệnh

+ Dùng lời lẽ thô bỉ, tàn nhẫn, mặt sát Phăng- tin

+ Tàn nhẫn chà đạp lên niềm hi vọng tìm gặp con của Phăng- tin

+ Trước cái chết của Phăng- tin: tiếp tục quát tháo giục Giăng-Van- giăng

→ *Lạnh lùng, độc ác, tàn nhẫn trước nỗi đau khổ của con người.*

- Đối với Giăng- Van- giăng:

+ Trước sự chứng kiến của Phăng- tin: Đe dọa, uy hiếp, hống hách

+ Trước hành động của Giăng- Van giăng khi Phăng – tin chết- Bị áp đảo thì run sợ, hèn nhát

Nhận xét

Gia-ve đã bộc lộ bản chất của một tên hung thần, một con thú dữ, một con chó nhà trung thành của XH tư bản tàn bạo sẵn sàng bóp chết một cách tàn nhẫn niềm hi vọng, nguyện vọng nhỏ bé nhất, nhân đạo nhất, thậm chí cả mạng sống đã mong manh như chiếc lá rụng của con người khôn cùng. Tuy nhiên hắn cũng tỏ ra hết sức hèn nhát và hoàn toàn bất lực trước cái uy thế áp đảo, cái lớn lao, cái cao cả và những hành động vô cùng nhân đạo và cao thượng của Giăng Van- giăng.

+ Như vậy, dưới ngòi bút của V. Huy-gô, Gia-ve hiện lên như một kẻ không tim. Đó là một “cỗ máy”, một thứ công cụ phi nhân tính, chỉ biết thực thi phận sự một cách tàn nhẫn, lạnh lùng, không có tình người.

+ Khi nói về Gia-ve, người kể chuyện không giấu giếm thái độ căm ghét. Qua lời kể hoặc qua cách nhìn của nhân vật khác trong tác phẩm, con người Gia-ve được định danh bằng những cụm từ như: “bộ mặt góm ghiếc”, “tên chó săn Gia-ve”; “không phải là tiếng người nói mà là tiếng ác thú gầm”... Toàn bộ con người Gia-ve toát lên vẻ độc ác, tàn nhẫn, lạnh lùng. Ấn tượng đó được tạo nên bởi cách tái hiện nhân vật của người kể chuyện.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi:

- Trong đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*, nhân vật nào thật sự có uy quyền? Do đâu bạn khẳng định như vậy?

- Trong đoạn trích này, theo em, điều gì mới làm nên uy quyền của một con người?

3. Người cầm quyền khôi phục uy quyền

*Đoạn trích miêu tả uy quyền của hai nhân vật: Gia-ve và Giăng Van-giăng. Mỗi nhân vật có cách thể hiện uy quyền riêng của mình.

– Uy quyền của Gia-ve:

Gia-ve là người của nhà nước, một viên thanh tra đang thực thi pháp luật. Bấy lâu, Gia-ve nghi ngờ ông thị trưởng Ma-đơ-len chính là người tù khổ sai Giăng Van-giăng – người mà hắn để cả một đời để tìm kiếm. Giờ đây, sự thật về người tù khổ sai mang tên khác để trốn tránh truy nã đã được làm sáng tỏ. Nắm trong tay sức mạnh của pháp luật, Gia-ve có toàn quyền đối với Giăng Van-giăng. Ý thức được điều đó, Gia-ve

đắc thắng, “túm lấy cổ áo” của Giăng Van-giăng khiến ông cúi đầu chịu đựng; quát tháo, chửi bới Giăng Van-giăng một cách thô bỉ; ra lệnh bắt Giăng Van-giăng phục tùng; nhạo báng lời đề nghị khẩn thiết của Giăng Van-giăng; sẵn sàng gọi lính vào cùm tay Giăng Van-giăng để tống vào nhà tù,... Như vậy, giờ đây Gia-ve đang khôi phục uy quyền của mình đối với Giăng Van-giăng – điều bấy lâu hoàn toàn vô hiệu trước ông thị trưởng Ma-đơ-len.

– Uy quyền của Giăng Van-giăng:

Trước khi tình huống truyện xảy ra, ông Ma-đơ-len (chính Giăng Van-giăng) là người cầm quyền. Ông là một thị trưởng giỏi giang, đáng kính, khiến Gia-ve phải phục tùng. Nhưng lúc bị phát giác, ông trở lại thân phận của kẻ phạm pháp. Mọi quyền lực sẽ bị tước bỏ, buộc phải chấp nhận số kiếp của người tù khổ sai. Tuy nhiên, trong tình huống ở đoạn trích, Giăng Van-giăng đã làm đảo lộn vị thế giữa ông và Gia-ve: ông cảm thanh sát để thể hiện sức mạnh nhằm trấn áp kẻ độc ác, lạnh lùng. Giăng Van-giăng khôi phục uy quyền của mình: uy quyền của một người dám hi sinh bản thân để thực hiện nghĩa vụ của lương tâm. Gia-ve đã phải run sợ trước Giăng Van-giăng, điều đó chứng tỏ Giăng Van-giăng mới là người thực sự có uy quyền.

* Uy quyền của con người có thể được tạo nên bởi vị thế xã hội (chẳng hạn chức thị trưởng), hoặc bởi vai trò của người thực thi pháp luật (ví dụ viên thanh tra). Tuy nhiên, ở đây, những uy quyền kiểu đó đã không hề được thể hiện. Giăng Van-giăng không còn là ông thị trưởng khiến Gia-ve tuân phục như trước đây; ở chiều ngược lại, viên thanh tra Gia-ve cũng không khiến Giăng Van-giăng sợ hãi dù ông đang ở vị trí kẻ phạm pháp lần trốn bấy lâu giờ đây sắp bị bắt. Khi Giăng Van-giăng khiến Gia-ve run sợ, ấy là lúc ông đã khôi phục uy quyền của mình. Quyền uy ấy của Giăng Van-giăng được tạo nên bởi sức mạnh của tình

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời.

B3: Báo cáo thảo luận

- Trình bày, phản biện và trao đổi

B4: Kết luận, nhận định

- **GV chốt kiến thức**

Câu 1: *Tại sao Giăng Van-Giăng lại hết sức hạ mình trước Gia-ve?*

A. Vì ông đã mất hết quyền lực.

B. Vì sợ Gia-ve.

C. Vì thương Phăng-tin sắp chết, muốn

kéo dài sự sống cho người phụ nữ bất hạnh.

thương, sức mạnh của lương tâm, của đức hi sinh vì người khác.

D. Vì mang tâm lí của người tù vượt ngục che giấu tung tích.

Câu 2: *Qua đoạn trích Người cầm quyền khôi phục uy quyền, Huy-go quan niệm như thế nào về người cầm quyền?*

A. Người có quyền lực.

B. Người đại diện chính nghĩa.

C. Người bảo vệ công lí .

D. Người che chở, bảo vệ những người yếu đuối.

- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt

- Rút kinh nghiệm

Nhiệm vụ 3: Tổng kết về quyền năng của người kể chuyện

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Ngôi kể: lời của người kể chuyện ngôi thứ ba – kiểu người kể chuyện có tính chất toàn tri.

Trong đoạn trích, quyền năng có giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ ba, biểu hiện rõ nhất là đoạn miêu tả những lời thì thầm của Giăng Van-giăng bên tai Phăng-tin (“Ông nói gì? Con người khôn khổ ấy có thể nói gì với người đã chết?... Kẻ chết có nghe thấy không?”). Hoàn toàn có khả năng tồn tại một cách xử lí nghệ thuật khác: người kể chuyện ngôi thứ ba “nghe” hết và nói lại tường tận cho người đọc biết những lời của Giăng Van-giăng. Nhưng ở đây, Vích-to Huy-gô đã không “cấp” cho người kể chuyện cái quyền năng đặc biệt ấy. Như vậy, trong truyện, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba được thể hiện đến đâu hoàn toàn phụ thuộc vào dụng ý nghệ thuật của tác giả.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba có được thể hiện trong đoạn trích này không? Vì sao?

- Bằng hiểu biết của mình, hãy nhận xét những đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả?

- Ý nghĩa của văn bản?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành câu trả lời.

- Thời gian: 2 phút

B3: Báo cáo thảo luận

- Chia sẻ: 3 phút

- Kết hợp bút pháp hiện thực và lãng mạn

- Kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật: so

- Phản biện và trao đổi: 2 phút

sánh, phóng đại, ẩn dụ, miêu tả trực tiếp, gián tiếp, trữ tình ngoại đề

B4: Kết luận, nhận định

- Xây dựng nhân vật: đối lập, tương phản

- GV chốt kiến thức

2. Nội dung

- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt

Tô đậm, ca ngợi con người phi thường với trái tim tràn ngập yêu thương.

- Rút kinh nghiệm

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Kết nối đọc – viết

- Học sinh trình bày được sức hấp dẫn của truyện kể ở ngôi thứ 3

b. Nội dung

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu

- Thực hiện tại lớp: 15 phút

c. Sản phẩm

- Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Tiến trình hoạt động

Dự kiến sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Em có cảm thấy hứng thú khi đọc những tác phẩm tự sự được kể bởi người kể chuyện toàn tri hay không? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề này.

– Để viết đúng yêu cầu, HS cần có chủ kiến.

- Đoạn văn được viết làm sáng tỏ một số khía cạnh: *Tác phẩm tự sự được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba có gì hấp dẫn? Được nương theo lời người kể chuyện để kiểm soát mọi sự kiện xảy ra, biết hết những diễn biến tinh vi trong nội tâm nhân vật, định hướng cho người đọc về các giá trị sống,... có phải là điều thú vị?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết.

- Thời gian: 15 phút

B3: Báo cáo thảo luận

- Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi

- Nếu cảm thấy không thích truyện kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ ba, HS cần trình bày rõ lí do trong đoạn văn được viết.

B4: Kết luận, nhận định

- GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định.
- GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Đọc mở rộng

Văn bản: Ngày cuối cùng của một tử tù (V. Huy-gô)

Hoặc văn bản khác GV lựa chọn

- HS vận dụng tri thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản dịch.
- Hiểu được vai trò quan trọng của người kể chuyện

b. Nội dung

- Đọc văn bản mở rộng
- Nhận biết và phân tích được các yếu tố đặc trưng của truyện, quyền năng của người kể chuyện.

c. Sản phẩm

- Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Tiến trình hoạt động	Dự kiến sản phẩm
HS đọc văn bản theo mô hình thể loại, nhận biết và phân tích các yếu tố đặc trưng của truyện, quyền năng của người kể chuyện	Sản phẩm: bài viết, bài thuyết minh sáng tạo, trình chiếu của HS

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, phiếu học tập đọc hiểu văn bản

Người cầm quyền khôi phục uy quyền

Mục tiêu (Yêu cầu cần đạt)

Hệ thống câu hỏi, phiếu học tập

Nhận biết và phân tích được đặc điểm cơ bản của truyện thể hiện qua nhân vật: câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật; phân tích được ngôn ngữ, hành động nhân vật

Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản

Câu 1. Câu 1. Theo mức độ tham gia vào mạch vận động cốt truyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất KHÔNG phải là:

- A. Nhân vật trung tâm, nhân vật chính, nhân vật phụ trong tác phẩm
- B. Người chứng kiến câu chuyện, người kể lại câu chuyện được nghe từ người khác
- C. Người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật.
- D. Người xuất hiện với vai trò tác giả “lộ diện” vận dụng quyền năng “biết hết” của mình

Câu 2. Phương án nào sau đây KHÔNG phải là quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong tác phẩm tự sự?

- A. Vừa bị giới hạn năng lực quan sát đối với các nhân vật khác vừa có hiểu biết hạn chế khi kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật ngoài mình.
- B. Có khả năng khơi gợi sự chân thật, gần gũi, tạo sự đồng cảm ở người đọc, gợi cảm giác như người đọc đang trực tiếp nghe người kể chuyện tâm sự với mình
- C. Người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi có thể quan sát, kể, tả, bình luận, bày tỏ ý nghĩ, cảm giác của mình về các nhân vật khác
- D. Khả năng quan sát toàn tri đối với bản thân kể chuyện thông qua cảm giác, ý nghĩ của mình nhưng lại hạn tri khi kể câu chuyện cuộc đời của nhân vật khác.

Câu 3. Phương án nào sau đây KHÔNG chính xác khi nhận diện đặc điểm của người kể chuyện ngôi thứ ba?

- A. Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, không trực tiếp xuất hiện trong tác phẩm như một nhân vật, không tham gia vào mạch vận động của cốt truyện và chỉ được nhận biết qua lời kể.
- B. Người kể chuyện ngôi thứ ba có thể quan sát, kể, tả, bình luận, bày tỏ trực tiếp ý nghĩ, cảm giác của mình về các nhân vật khác; có khả năng khơi gợi sự chân thật, gần gũi, tạo sự đồng cảm ở người đọc.
- C. Người kể chuyện ngôi thứ ba có khả năng nắm bắt tất cả những gì diễn ra trong câu chuyện, kể cả những biểu hiện sâu kín trong nội tâm nhân vật, do vậy có khả năng trở thành người kể chuyện toàn tri
- D. Người kể chuyện ngôi thứ ba là người kể chuyện ẩn danh, có khả năng trở thành người kể biết hết mọi chuyện song có sử dụng quyền năng toàn tri hay không còn tùy thuộc vào nguyên tắc tổ chức truyện kể của từng tác phẩm.

Câu 4. Vì sao điểm nhìn của ngôi kể thứ ba bao gồm cả điểm nhìn toàn tri và điểm nhìn hạn tri?

- A. Điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba không phải lúc nào cũng là điểm nhìn toàn tri bởi đôi khi có hiểu biết hạn chế đối với các sự việc, sự vật được quan sát, không biết đến ý nghĩ, cảm giác thầm kín của các nhân vật.
- B. Điểm nhìn toàn tri là điểm nhìn của một người có cái nhìn thông suốt, biết hết mọi chuyện, biết rõ hành động, lời nói cho đến những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm

kín của nhân vật.

- C.** Người kể chuyện không phải là một nhân vật trong truyện, không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng từ bên ngoài; biết hết những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm kín của nhiều nhân vật, có sự di chuyển điểm nhìn linh hoạt, từ điểm quan sát ở bên ngoài di chuyển vào bên trong, kể ra ý nghĩ, tâm trạng thầm kín của nhân vật.
- D.** Điểm nhìn hạn tri là điểm nhìn đặt ở đôi mắt của người kể có thể biết hết mọi thứ về nhiều nhân vật trừ những suy nghĩ, cảm giác thầm kín; có thể biết hết thông tin về các nhân vật nhưng không biết những ý nghĩ, cảm giác riêng tư, có thể ghi lại lời nói, miêu tả hành động, bình luận về các nhân vật nhưng không thâm nhập vào đời sống tâm lí của các nhân vật; hoặc chỉ biết mọi thứ về một nhân vật mà không thể biết mọi thứ về các nhân vật khác

Câu 5. Phương án nào phân biệt chính xác nhất lời người kể chuyện và lời nhân vật?

- A.** Người kể chuyện, dù ở ngôi thứ nhất hay thứ ba, đều kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, qua hệ thống lời kể, miêu tả, bình luận
- B.** Lời người kể chuyện xuất phát từ điểm nhìn và hệ thống lời người kể chuyện, lời nhân vật, các phương diện của bức tranh đời sống và nhân vật được hiển hiện để người đọc tri nhận
- C.** Lời nhân vật là thuật ngữ chỉ lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật bằng hình thức lời nói trực tiếp (đối thoại) hay gián tiếp (độc thoại, độc thoại nội tâm)
- D.** Lời người kể chuyện là lời kể, tả, bình luận của người kể chuyện, thể hiện cách nhìn nhận, thái độ đánh giá đối với sự việc, nhân vật; còn lời của nhân vật là lời nói gắn với ý thức và cách thể hiện của nhân vật

Câu 6. Theo anh/ chị, phương án nào nêu đầy đủ và chính xác các phương diện thể hiện quyền năng của người kể chuyện?

- A.** Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải và mức độ định hướng đọc trong việc cắt nghĩa, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm văn học
- B.** Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở cái nhìn thông suốt, biết rõ hành động, lời nói cho đến những cảm giác riêng tư và ý nghĩ thầm kín của nhân vật cũng như đi đến tận cùng trong cắt nghĩa bản thân
- C.** Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở khả năng biết hết mọi chuyện và sự linh hoạt di chuyển điểm nhìn từ điểm quan sát ở bên ngoài di chuyển vào bên trong
- D.** Quyền năng của người kể chuyện thể hiện ở những giới hạn trong thâm nhập vào đời sống tâm lí sâu kín của các nhân vật, những bất lực của nghệ thuật trước sự phong phú của cuộc đời.

Câu 7. Phương án nào sau đây thể hiện cách hiểu KHÔNG chính xác về cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học?

- A.** Là tình cảm, thái độ được thể hiện xuyên suốt tác phẩm đối với những vấn đề cuộc sống được nêu ra
- B.** Cảm hứng chủ đạo thể hiện ở phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải, nhân vật được khắc

họa trong tác phẩm văn học

C. Cảm hứng chủ đạo chi phối hình thức thể hiện, toát lên từ toàn bộ tác phẩm cả nội dung và hình thức

D. Cảm hứng chủ đạo của một tác phẩm văn học có khả năng tác động mạnh vào cảm xúc của người tiếp nhận

Câu 8. Phương án nào phân biệt chính xác sự khác nhau giữa tư tưởng chủ đề và cảm hứng chủ đạo của tác phẩm?

A. Tư tưởng chủ đề là của một tác phẩm văn học là **nội** dung tư tưởng xuyên suốt toàn bộ tác phẩm; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, thái độ nổi bật lên qua toàn bộ tác phẩm.

B. Tư tưởng chủ đề của một tác phẩm văn học là phạm vi miêu tả, phân tích, lí giải cuộc sống; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, cảm xúc chi phối quá trình sáng tác của nhà văn.

C. Tư tưởng chủ đề là thông điệp mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm; cảm hứng chủ đạo là tình cảm, cảm xúc của nhà văn xuyên suốt trong tác phẩm văn chương.

D. Tư tưởng chủ đề là bức tranh đời sống được phản ánh; cảm hứng chủ đạo là thái độ của nhà văn khi cất ngòi, đánh giá sự kiện, nhân vật được khắc họa trong tác phẩm

.....

Tiết 70,71: DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

(Thạch Lam)

Ngày soạn:13/2/2026

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức

- Nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản về một loại truyện ngắn có cốt truyện đơn giản, chỉ xoay quanh những sự kiện bình thường trong cuộc sống.
- Hiểu vai trò, quyền năng của người kể chuyện ngôi thứ ba với sự phối hợp điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong.

2. Năng lực

***Năng lực chung:**

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm.
- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo.
- Năng lực trình bày trước tập thể.

*** Năng lực riêng**

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt.
- Năng lực thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện

3. Phẩm chất

Ý thức sống có khát vọng, có hoài bão, và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần

2. Học liệu

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
 - *Thiết bị dạy học*: SGK, SGV Ngữ văn 10 (tập 2); Tài liệu chuẩn kiến thức – kỹ năng Ngữ văn 10; Bài soạn; Bài giảng Powerpoint; phiếu học tập
 - *Tư liệu tham khảo*: *Tuyển tập Thạch Lam* (NXB Văn học 2002); video Cuộc đời và sự nghiệp Thạch Lam
 (<https://www.youtube.com/watch?v=TKU75LW5QyA>)

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: HS hứng thú, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân của HS

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV định hướng cho HS tạo tâm thế qua 2 câu hỏi: - Với cảnh vật xung quanh và với những người thân yêu, kỉ niệm nào mỗi khi nhớ lại, bạn thấy thật ám áp, dễ chịu? Nếu được yêu cầu kể lại, bạn sẽ kể như thế nào? - Đã bao giờ bạn có nhu cầu được sống chậm lại để cảm nhận sâu sắc hơn ý nghĩa của những điều vốn rất bình dị hằng ngày? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, ghi nhanh một số từ khóa liên quan đến kỷ niệm sâu sắc về những người thân. HS thảo luận theo nhóm về cách lựa chọn âm thanh sống động bối cảnh thực tại sôi động, gấp gáp hiện nay B3: Báo cáo thảo luận <i>Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</i> B4: Kết luận, nhận định	- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Quê hương là nơi gắn bó với con người với những cung bậc kỷ niệm dịu dàng. <i>Có thể nói, trong số các nhà văn Tự lực văn đoàn, Thạch Lam là cây bút tuy đương thời không được chú ý nhiều, nhưng những truyện ngắn của ông có chất lượng nghệ thuật cao, đặc biệt là ở Thạch Lam có nghệ thuật viết truyện nhưng không có cốt truyện, tác phẩm của anh như một bài thơ dài của cảm xúc, tâm trạng. Truyện ngắn “Dưới bóng hoàng lan” là một trong những tác phẩm như vậy.</i>

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**I. Nội dung 1: TÌM HIỂU CHUNG**

- a. Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm
- b. Nội dung:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
- HS sử dụng bảng KWL (<i>Knew – Want – Learn</i>) đã chuẩn bị ở nhà để trao đổi về những vấn đề các em đã biết và muốn biết về văn bản. - GV hỏi một số nội dung sau: + Các em đã từng biết đến nhà văn Thạch Lam qua tác phẩm nào học ở cấp THCS? (Cốm- một món quà từ lúa non) + Các em đã biết gì về văn bản Dưới bóng hoàng lan trước khi đọc nó? + Trước khi đọc văn bản, các em có muốn biết thêm gì về văn bản này không? - GV ghi tóm tắt những điều các em đã biết và muốn biết về văn bản vào bảng phụ). - GV hướng dẫn HS trong quá trình học bổ sung thêm vào cột L (những gì đã học được). * Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả Thạch Lam <i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> Tìm hiểu những nét chính về nhà văn Thạch Lam (quê quán, sáng tác, quan niệm về sáng tác, phong cách sáng tác, sự nghiệp sáng tác) <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ</i> HS nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV GV quan sát, theo dõi HS trả lời các câu hỏi, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp <i>B3: Báo cáo thảo luận</i> GV gọi từ 2 – 3 HS trả lời câu hỏi GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời: <i>B4: Kết luận, nhận định</i> * Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu khái quát Tác phẩm <i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> Tìm hiểu những nét chính về tác phẩm: Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, tóm	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Cuộc đời: + Tên khai sinh: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), 1910 – 1942. + Là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn. + Là con người điềm đạm, nồng hậu và rất đổi tinh tế. - Có biệt tài về truyện ngắn, truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác nội tâm nhân vật. - Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm, chứa đựng tình cảm chân thành và sự nhạy cảm tinh tế của nhà văn. - Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc. - Các tác phẩm chính: + Các tập truyện ngắn: <i>Gió đầu mùa</i> (1937), <i>Nắng trong vườn</i> (1938), <i>Sợi tóc</i> (1942) + <i>Tiểu thuyết Ngày mới</i> (1939) + <i>Tập tiểu luận Theo dòng</i> (1941) + <i>Tùy bút Hà Nội ba sáu phố phường</i> (1943)

tất tác phẩm theo sơ đồ B2: Thực hiện nhiệm vụ HS nghe câu hỏi và chuẩn bị câu trả lời các câu hỏi của GV GV quan sát, theo dõi HS trả lời các câu hỏi, GV chú ý bao quát HS trong toàn lớp B3: Báo cáo thảo luận GV gọi từ 2 – 3 HS trả lời câu hỏi GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời: Cây Hoàng lan còn gọi là cây ngọc lan tây, cây công chúa (hoa của các loài hoa – để nói bóng gió tới mùi thơm dễ chịu). Hoàng Lan than gỗ lớn có tán rộng hình trụ, cao khoảng 10 – 15m được lựa chọn trồng lấy bóng mát sân vườn. Hoa hoàng lan mọc thành cụm trên các cành ngắn. Mỗi bông nhỏ được tạo thành từ 6 cánh hoa thuần dài, lượn song đỉnh nhọn. Khi còn non, cánh hoa màu xanh sau mới chuyển dần sang màu vàng. Hương hoa rất thơm, nồng nàn, quyến rũ, tinh dầu hoa là một trong những thành phần của nước hoa Chanel 5. B4: Kết luận, nhận định GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS	2. Tác phẩm a. Thể loại: Truyện ngắn b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: In trong Tuyển tập Thạch Lam c. Phương thức biểu đạt: Tự tự d. Tóm tắt văn bản Dưới bóng hoàng lan “Dưới bóng hoàng lan” là truyện ngắn không có cốt truyện. “Dưới bóng hoàng lan” có 4 nhân vật: hai bà cháu, cô thôn nữ Nga và cây hoàng lan. Thanh là một đứa trẻ mồ côi, một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh đi tỉnh làm, lần trở về thăm bà gần nhất cách đó đã hai năm. Mái nhà xưa và bóng bà “che mát” tâm hồn đứa cháu; hương thơm và bóng hoàng lan ướp hương và ủ ấp cho một mối tình êm đẹp “dịu ngọt chẳng tơ...” e. Ý nghĩa nhan đề: - Gọi sự tò mò của người đọc về nội dung câu chuyện liên quan đến cây hoàng lan. - Nói đến nhân chứng cho tình cảm giữa Thanh và Nga.
--	---

II. Nội dung 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

a. Mục tiêu:

- HS chia được bố cục của văn bản, tóm tắt được những nội dung chính trong VB.
- HS hiểu được các đặc điểm của ngôi kể thứ nhất trong văn bản.
- HS phân tích được những giá trị nghệ thuật đặc sắc và các thông điệp chính trong VB.
- HS liên hệ VB với bản thân, với đời sống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
1. Nhiệm vụ 1: Đọc – chú thích – Bố cục a. Mục tiêu: HS chia được bố cục của văn bản, tóm tắt được những nội dung chính trong VB.	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc chú thích 2. Bố cục

a. Mục tiêu: HS đọc và xác định bố cục b. Nội dung: Yêu cầu học sinh đọc, xác định bố cục văn bản c. Sản phẩm: HS đọc rõ ràng, diễn cảm d. Tổ chức thực hiện: <i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> GV gọi đọc một HS đọc văn bản tác phẩm trong khoảng 1 phút <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ</i> - Học sinh làm việc nhóm, thảo luận, trả lời hỏi GV quan sát, theo dõi HS trả lời các câu hỏi chú ý bao quát HS trong toàn lớp <i>B3: Báo cáo thảo luận</i> - GV gọi hs nhận xét, bổ sung <i>B4: Kết luận, nhận định</i> Định hướng cách đọc: Giọng đọc chậm, nhẹ nhàng, chú ý diễn tả tâm trạng của nhân vật Thanh 2. Nhiệm vụ 2: Phân tích a. Nội dung 1: Tìm hiểu ngôi kể chuyện B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV định hướng cho HS tìm hiểu ngôi kể chuyện và điểm nhìn ? Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Ngôi kể ấy có nhất quán từ đầu đến cuối câu chuyện không? ? Những dấu hiệu nào giúp em xác định được ngôi của người kể chuyện? Đọc qua một số đoạn của truyện, em có nhận thấy chỗ nào xuất hiện người kể chuyện xưng “tôi” không? ? Hình ảnh thiên nhiên, con người, cảnh sinh hoạt,... hiện ra qua đôi mắt của nhân vật nào? Việc chọn điểm nhìn như vậy có ý nghĩa gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu và trả lời câu hỏi B3: Báo cáo thảo luận Những đối tượng được nói đến trong	+ Đoạn 1, từ câu mở đầu đến “Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát”: cảm xúc của Thanh khi trở về nhà bà và những biểu hiện tình cảm của bà dành cho cháu. + Đoạn 2, từ “Bà cụ đi ra” đến “Chàng đến trường kỉ ngời ở bên đèn”: Thanh gặp lại Nga – người bạn gái thuở ấu thơ – và sự chớm nở tình cảm giữa đôi bạn trẻ. + Đoạn 3, từ “Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh” đến “cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương”: Thanh ra đi, cảm thấy trong lòng trĩu nặng một niềm vương vấn về Nga. 3. Phân tích 3.1. Ngôi kể chuyện - Truyện <i>Dưới bóng hoàng lan</i> được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba; ngôi kể này nhất quán trong toàn bộ tác phẩm. - Điểm nhìn: + Từ người kể chuyện + Từ nhân vật Thanh ⇒ Tạo không khí trữ tình cho câu chuyện.
--	--

tác phẩm <i>Dưới bóng hoàng lan</i> (Thanh, bà của Thanh, bác Nhân, cô Nga, con mèo, căn nhà, khu vườn, cây hoàng lan) đều hiện lên qua lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba. Điểm nhìn từ người kể chuyện – đó là điều dễ dàng xác định. Tuy nhiên, người kể chuyện ngôi thứ ba ẩn danh như thế này đòi hỏi khi hoà nhập với một nhân vật nào đó trong truyện để nhìn và miêu tả. Ở trường hợp như vậy, nhân vật của truyện – lẽ ra chỉ là đối tượng được quan sát và tái hiện – bỗng nhiên lại trở thành người quan sát và biểu lộ tình cảm đối với con người, cảnh vật xung quanh. Có một số đoạn của truyện ngắn này thể hiện rất rõ dấu hiệu điểm nhìn từ nhân vật Thanh. <i>B4: Kết luận, nhận định</i>	
b. Nội dung 2: Nhân vật Thanh khi trở không gian quen thuộc <i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> GV định hướng cho HS tìm hiểu tâm trạng nhân vật Thanh khi trở về thăm ngôi nhà của bà <i>? Dựa theo văn bản, em hãy xác định hoàn cảnh nhân vật Thanh?</i> - Chia lớp thành 3 nhóm: <i>Nhóm 1: phân tích tâm trạng của Thanh khi trở về không gian ngôi nhà của bà. (Khi bước vào khu vườn có ngôi nhà của bà, điều gì đã khiến Thanh cảm thấy ghen hòng, mừng rỡ, bình yên, thư thái, dịu ngọt...? Điều đó cho thấy sự khác biệt thế nào giữa không gian bên trong và bên ngoài khu vườn?)</i> <i>Nhóm 2: phân tích tâm trạng của Thanh trong đối thoại với bà. (Lời đối thoại giữa bà và Thanh trong phần đầu của tác phẩm chủ yếu xoay quanh những chuyện gì? Tình cảm của các nhân vật bộc lộ như thế nào qua những lời đối thoại đó?)</i> <i>Nhóm 3: phân tích tâm trạng nhân vật Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. (Trạng thái tình cảm của Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. Chú ý những chi tiết về cây hoàng lan trong toàn câu chuyện.)</i> <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ</i> - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. <i>B3: Báo cáo thảo luận</i> - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả	3.2. Tâm trạng của Thanh khi trở về nhà bà a. Hoàn cảnh: - Cha mẹ Thanh đã qua đời, người thân duy nhất là bà. - Tuổi thơ là cuộc sống vất vả nhưng tràn đầy tình yêu, hơi ấm, chở che của bà. => Bà vừa là cha, vừa là mẹ. * Không gian thân thuộc - ngôi nhà của bà + Yên tĩnh, không một tiếng động + Chẳng thay đổi như tình yêu thương nơi người bà + Gọi lên cho Thanh biết bao tư vị, khiến anh ghen hòng -> Thanh lúc nào cũng thấy bình yên và thông thả, bởi vì căn nhà có thửa vườn này đối với Thanh là một nơi mát mẻ và hiền lành. -> Tâm trạng vui sướng, hạnh phúc -> Người con xa quê.

trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

B4: Kết luận, nhận định

• **Củng cố - Dặn dò:**

- GV hướng dẫn HS nhắc lại kiến thức theo hệ thống dàn ý, sơ đồ.
- Yêu cầu: HS tiếp tục tìm hiểu nội dung Cảm xúc tâm trạng của nhân vật Thanh khi trở về nhà

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
b. Nội dung 2: Nhân vật Thanh khi trở về không gian quen thuộc <i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV cho HS báo cáo nội dung nhóm 2 và 3 <i>Nhóm 2: phân tích tâm trạng của Thanh trong đối thoại với bà. (Lời đối thoại giữa bà và Thanh trong phần đầu của tác phẩm chủ yếu xoay quanh những chuyện gì? Tình cảm của các nhân vật bộc lộ như thế nào qua những lời đối thoại đó?)</i> <i>Nhóm 3: phân tích tâm trạng nhân vật Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. (Trạng thái tình cảm của Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. Chú ý những chi tiết về cây hoàng lan trong toàn câu chuyện.)</i> <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ</i> - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.	3.2. Tâm trạng của Thanh khi trở về nhà bà a. Hoàn cảnh: b. Thanh khi trở về với không gian thân thuộc * Cảm nhận trong tình cảm của bà - Nhân vật đối thoại: Bà của Thanh và Thanh. - Bối cảnh đối thoại: Rời xa cái bức nóng phở xá, Thanh tranh thủ về thăm bà. Lời đối thoại diễn ra khi cháu vừa gặp lại bà. - Nội dung cuộc đối thoại xoay quanh chuyện Thanh từ trên tỉnh về, bà cháu thể hiện sự quan tâm về nhau. -> Tình cảm của các nhân vật qua lời đối thoại: Cả bà và cháu bộc lộ tình cảm thân thương, trù mến. - Hành động của bà: Lại gần, buông màn, nhìn cháu... -> Cảm nhận mình như một đứa trẻ, xúc động -> Có cảm giác như vẫn ở nhà => Sự xa cách thời gian không làm thay đổi cảnh vật, ngôi nhà, tình bà cháu. * Thanh khi nhận ra cây hoàng lan - Thanh cảm nhận: + Khi nhìn ngoài khung cửa sổ - trời xanh -> thân cây cao vút. + Lảo bảo nhận ra + Nhớ lại ngày cha mẹ hãy còn, khi còn

B3: Báo cáo thảo luận - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. B4: Kết luận, nhận định	một bà một cháu. + Xúc động khi nhận ra cây nay đã lớn. - Hình ảnh cây hoàng lan: + Lá cây rung động trong gió, thân cây cao vút lên trời. + Mùi thơm của hoa thoảng thoảng bay vào. -> Đây là trạng thái của sự hoài niệm ở nhân vật.
c. Nội dung 3: Tình cảm của Thanh và Nga B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV định hướng cho HS tìm hiểu tâm trạng nhân vật Thanh khi trở về thăm ngôi nhà của bà <i>? Nga là ai? Cô gái tên Nga được miêu tả như thế nào?</i> - Chia lớp thành 3 nhóm: <i>Nhóm 1: phân tích tâm trạng của Thanh khi trở về không gian ngôi nhà của bà. (Khi bước vào khu vườn có ngôi nhà của bà, điều gì đã khiến Thanh cảm thấy ghen hòng, mừng rỡ, bình yên, thư thái, dịu ngọt...? Điều đó cho thấy sự khác biệt thế nào giữa không gian bên trong và bên ngoài khu vườn?)</i> <i>Nhóm 2: phân tích tâm trạng của Thanh trong đối thoại với bà. (Lời đối thoại giữa bà và Thanh trong phần đầu của tác phẩm chủ yếu xoay quanh những chuyện gì? Tình cảm của các nhân vật bộc lộ như thế nào qua những lời đối thoại đó?)</i> <i>Nhóm 3: phân tích tâm trạng nhân vật Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. (Trạng thái tình cảm của Thanh khi nhận ra cây hoàng lan. Chú ý những chi tiết về cây hoàng lan trong toàn câu chuyện.)</i> B2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo thảo luận - Nga là cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, mỗi lần về lại gặp B4: Kết luận, nhận định	3.2. Tình cảm của Thanh và Nga <i>* Hai nhân vật:</i> + Là hàng xóm, quen thân từ nhỏ, như một người trong nhà. + Cô gái đã lớn, mang hương thơm hoa hoàng lan. <i>* Cuộc nói chuyện giữa Nga và Thanh:</i> + Lời nói: “<i>những ngày em ... hái hoa, em nhớ anh</i>” – tâm tình nhẹ nhàng. + Hành động: Thanh dắt tay Nga ra vườn, với cành hoa thấp cho Nga tìm hoa, cài lên mái tóc Nga bông hoa. -> cũng giản dị, đều là những chuyện vụn vặt (“anh chóng lớn quá”, “tôi vẫn thế chứ chứ”) + Thanh có lúc lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình. - Sự biến đổi trong tình cảm của hai nhân vật: từ thân mật đến mức Thanh lầm tưởng Nga là em gái ruột, đến việc Thanh đã bắt đầu nhìn đôi môi thắm của Nga, đã nhớ đến hai bàn chân xinh xắn của Nga. Còn Nga đã biểu thị trực tiếp tình cảm của mình thông qua xưng hô “anh-em” và câu “em nhớ anh quá”.

	- Những biểu hiện tình cảm giữa hai nhân vật gắn liền với hình ảnh hoa hoàng lan: + Khi trông thấy bóng cây hoàng lan, Thanh đã nghĩ đến Nga và gọi vui về: “Cô Nga”. Người thiếu nữ cùng vội ngừng đầu và nở nụ cười: “Anh Thanh! Anh đã về đây à?” + Kỷ niệm đáng nhớ là ngày cả hai cùng nhặt hoàng lan rơi: Thanh hỏi cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không, Nga đáp rằng: “Vẫn nhặt đấy. Nhưng không còn ai tranh nữa.” + Hai người dẫn nhau xem cây hoàng lan, Thanh như thoảng ngửi thấy hương hoàng lan trên tóc Nga. + Trong mùi hoàng lan thoảng thoảng bay, Thanh cầm lấy tay Nga. - Câu chuyện kết thúc trong cảnh Thanh phải trở về tỉnh và không biết bao giờ mới quay trở về thăm nhà, nhưng đã hé lộ những tiến triển trong tình cảm giữa Thanh và Nga: Thanh đã gửi nhờ chào Nga.
--	--

3.Nội dung 3. TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

b. Nội dung: Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> - GV chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ <i>B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</i>	III. Tổng kết 1. Nội dung - Cảm hứng lãng mạn khắc họa bức tranh quê hương gần gũi với hình ảnh cây hoa hoàng lan gắn với tuổi thơ nhân vật chính.

<i>vụ</i> - GV quan sát, hướng dẫn - HS suy nghĩ <i>B3: Báo cáo kết quả và thảo luận</i> - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <i>B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</i> - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức	- Khơi gợi tình yêu quê hương đất nước. 2. Nghệ thuật - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả; - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ; - Miêu tả tinh tế
---	---

Hoạt động 3: Luyện tập

b. Nội dung: Dựa vào nội dung tìm hiểu về ba truyện thần thoại đã học, thực hành viết kết nối đọc-viết

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng nhân vật Thanh ở đoạn cuối của phần kết truyện. <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ</i> GV cho HS tìm hiểu ý nghĩa lời nhận xét của Thê Lữ. Hai từ khoá quan trọng của lời nhận xét là <i>nhân từ</i> và <i>yên ủi</i> <i>B3: Báo cáo thảo luận</i> <i>B4: Kết luận, nhận định</i> GV gợi ý để HS phân tích những nét đẹp trong tình cảm, cách ứng xử giữa các nhân vật với nhau, sự nâng niu, trân trọng đối với từng cảnh vật, từng kỉ niệm cũng như những biểu hiện tinh tế, mơ hồ nhưng dịu ngọt trong tình yêu mới chớm của đôi bạn trẻ,... Chính tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với cuộc sống và con người là yếu tố tạo nên hiệu quả nghệ thuật này cho tác phẩm	

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Học sinh vận dụng liên hệ với tác phẩm khác của Thạch Lam để

c. Sản phẩm: HS thực hiện một bài luận ngắn

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm cần đạt
<i>B1: Chuyển giao nhiệm vụ</i> Viết một bài văn ngắn so sánh tác phẩm Gió lạnh đầu mùa (Ngữ văn 6 – KNTT) và Dưới bóng hoàng lan để thấy nghệ thuật sáng tác truyện theo ngôi kể thứ 3 <i>B2: Thực hiện nhiệm vụ</i> <i>B3: Báo cáo thảo luận</i> <i>B4: Kết luận, nhận định</i>	

Phụ lục (Phiếu học tập)

Các biểu hiện	Nhân vật Thanh	Nhân vật Nga	Phân tích
Lời nói			
Cử chỉ			
Suy nghĩ, cảm xúc			
Nhận xét chung về tình cảm hai nhân vật dành cho nhau			

BÀI 7. QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN**Tiết 72,73: MỘT CHUYỆN ĐÙA NHO NHỎ****(An-tôn Sê-khốp)****Ngày soạn: 17/2/2026****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm loại truyện ngắn hồi ức về một tình huống – cơ hội lẽ ra có thể trở thành bước ngoặt trong cuộc đời hai nhân vật, nhưng dưới áp lực tâm lí đời thường bị biến thành một chuyện đùa, trở thành nỗi niềm trần trối, nuối tiếc.

- Nhận biết và đánh giá được vai trò, quyền năng và những giới hạn của người kể chuyện ngôi thứ nhất là một trong hai nhân vật chính của câu chuyện.

- Nhận biết và phân tích được vai trò quan trọng của những biến động tâm lí, nhận thức của người kể chuyện ngôi thứ nhất trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, cảm hứng chủ đạo phổ biến cho loại truyện ngắn hồi ức này.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Một chuyện đùa nho nhỏ*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Một chuyện đùa nho nhỏ*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất

- Yêu thiên nhiên;
- Trung thực với tình cảm và cảm xúc của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Bảng;
- Máy tính;
- Máy chiếu.

2. Học liệu

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Thảo luận: Kể lại kỉ niệm về một tình huống vô tình biến một chuyện hệ trọng nào đó thành một chuyện đùa đáng tiếc.

c. Sản phẩm: Câu chuyện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Học sinh chuẩn bị ở nhà 1 câu chuyện về kỉ niệm cũ. Chuyện đó là một chuyện hệ trọng nhưng vô tình nó lại biến thành một chuyện đùa đáng tiếc. Gv chọn 1-2 câu chuyện, yêu cầu học sinh trình bày trước lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chuẩn bị câu chuyện của bản thân

Bước 3: Báo cáo thảo luận: HS kể lại chuyện của bản thân

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nêu nhận xét về phần trình bày của các nhóm và ghi nhận những đóng góp tích cực và tôn trọng các ý tưởng khác biệt của HS. GV có thể giới thiệu thêm một số câu chuyện.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả.
- HS nắm được xuất xứ tác phẩm.

b. Nội dung: Kiến thức chung về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần tác giả Sê-khốp, trình bày những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Sê-khốp	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Cuộc đời: + An-tôn Sê-khốp (1860 – 1904) sinh ra và lớn lên trong một gia đình buôn bán nhỏ tại

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

NV2:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc phần tác giả Sê-khốp, trình bày những nét chính xuất xứ của tác phẩm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

thị trấn Ta-gan-róc (Taganrog), miền nam nước Nga – Môi trường tiểu thị dân với những biểu hiện nếp sống, tâm lí đời thường,... trở thành đối tượng miêu tả chủ yếu trong sáng tác của nhà văn.

+ Sê-khốp “theo học ngành y” và đã từng hành nghề bác sĩ. Khi sáng tác văn chương trong “thời buổi đau ốm”, nhà văn luôn muốn chẩn đoán “căn bệnh” bắt nguồn từ tâm lí đời thường của những con người bình thường xung quanh mình. Ông hiểu, để chữa được bệnh thì chính người bệnh cũng phải ý thức được căn bệnh của mình và mong muốn khỏi bệnh. Từ đó, trong sáng tác của mình, nhà văn tập trung mô tả sự bức bối của những con người bình thường bị trói buộc bởi tâm lí đời thường và nhen nhóm lên trong lòng nhân vật (và cả người đọc) khát vọng đổi thay cuộc sống.

- Về đặc điểm sáng tác truyện ngắn của Sê-khốp:

+ Văn phong Sê-khốp hàm súc, cô đọng. + Phần lớn truyện ngắn của ông là những “truyện không có chuyện”, mở đầu thường dẫn người đọc nhập thẳng vào khung cảnh câu chuyện, tâm trạng nhân vật, kết thúc thường gây cảm giác “chưa có chuyện gì xảy ra cả” như trong một sự đợi chờ khắc khoải”.

2. Tác phẩm

Truyện ngắn Một chuyện đùa nho nhỏ của Sê-khốp in lần đầu tiên trên tạp chí Dế mèn của Nga, số 10, ngày 12/3/1886. Năm 1899, Sê-khốp chỉnh lí, bổ sung một số câu chữ, thay đổi phần kết truyện để đưa vào tuyển tập Truyện ngắn Sê-khốp.

(Ở đây, cần lưu ý thêm: Bản in trên tạp chí năm 1886 có một kết thúc hài hước: sau đoạn gửi lời theo gió lần cuối, chàng trai “đi ra từ phía sau bụi rậm, không để Na-đi-a kịp bỏ tay xuống và há miệng vì ngạc nhiên, chạy tới bên cô...” và sau đó cưới cô làm vợ. Sê-khốp, trong bản chỉnh lí năm 1899, đã thay đổi kết truyện và tăng cường ý thức trần trụi về cuộc sống cho truyện ngắn này.)

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản**a. Mục tiêu:**

- HS chia được bố cục của văn bản, tóm tắt được những nội dung chính trong VB.
- HS hiểu được các đặc điểm của ngôi kể thứ nhất trong văn bản.
- HS phân tích được những giá trị nghệ thuật đặc sắc và các thông điệp chính trong VB.

• HS liên hệ VB với bản thân, với đời sống.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc nhanh văn bản, kết hợp phần chuẩn bị ở nhà chia bố cục văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	II. Đọc hiểu văn bản 1. Đọc, bố cục - Đoạn 1, từ đầu đến “...không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!”: Lời yêu thương chân thành bột phát của nhân vật “tôi” bất giác trở thành một chuyện đùa, song lại nhen lên lòng Na-đi-a khát vọng hạnh phúc cùng những băn khoăn. - Đoạn 2, từ “Sáng hôm sau...” đến “...không còn khả năng hiểu nữa...”: Na-đi-a say sưa với khát vọng yêu thương, rồi quyết tâm vượt qua nỗi sợ, truy tìm sự thật một mình. - Đoạn 3, từ “Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới...” đến “Còn tôi trở vào nhà thu xếp đồ đạc...”: cảnh chia tay lúc xuân sang – khoảnh khắc giao cảm một lần nữa bùng lên rồi vụt tắt. - Đoạn 4, từ “Chuyện ấy đã qua lâu rồi” cho đến hết: Những suy tư, nuối tiếc, trăn trở nhiều năm sau, khi tất cả chỉ còn là kỉ niệm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định ngôi kể, nhân vật chính của tác phẩm. - Chia lớp thành 4 nhóm: Nhóm 1: phân tích điểm nhìn và tâm trạng nhân vật “tôi” ở lần trượt tuyết thứ nhất Nhóm 2: phân tích điểm nhìn và tâm trạng nhân vật “tôi” ở lần trượt tuyết thứ hai và sau đó Nhóm 3: phân tích điểm nhìn và tâm trạng nhân vật “tôi” khi Na-đi-a trượt tuyết một mình Nhóm 4: phân tích điểm nhìn và tâm trạng nhân vật “tôi” trong lần chia tay và khi gặp lại Na-đi-a. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức	2. Tìm hiểu văn bản 2.1. Người kể chuyện, nhân vật “tôi” * Ngôi kể: - Câu chuyện Một chuyện đùa nho nhỏ được kể bằng lời người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Người kể chuyện trong truyện ngắn này là nhân vật tham gia hành động chính - nhân vật “tôi”. * Nhân vật “tôi” và sự dịch chuyển điểm nhìn - Ở lần trượt tuyết thứ nhất + Điểm nhìn: Chúng tôi + Chủ thể cảm nhận: . Na-đi-a: nàng “<i>thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận</i>”; “<i>sợ hết hồn, không thở được nữa</i>”. Huống hồ nếu nàng “<i>liều mạng lao xuống cái vực sâu kia</i>” thì không biết rồi ra sao! Nàng “<i>sẽ chết mất, sẽ phát điên mất</i>”. . Trên bề mặt câu chữ là nhân vật “tôi”, song anh ta trực tiếp thể hiện sự đồng cảm của mình với nàng trong cùng một nỗi sợ trượt tuyết chung cho cả “chúng tôi”: <i>Gió ép mạnh, đến nghẹt thở. Tưởng chừng “như có một con quỷ nào” đang giơ tay nắm lấy</i>

	<i>chúng tôi và “vừa rú lên vừa kéo xuống địa ngục”. Mọi vật chung quanh nhập lại thành một vệt dài “vun vút” lao về phía sau... Chỉ “một giây lát nữa thôi có lẽ chúng tôi sẽ chết!”</i> ->Những từ ngữ cùng trường nghĩa ở cả hai đoạn văn cho thấy lần trượt tuyết đầu tiên được Na-đi-a và nhân vật “tôi” cùng cảm nhận không chỉ là tình huống nguy hiểm, đáng sợ, mà còn thực sự hệ trọng. Lời yêu thương được nói ra trong cảm nhận chung yêu thương đó xuất phát từ tình cảm chân thành. - Ở lần trượt tuyết thứ 2 và sau đó + Điểm nhìn: nhân vật “tôi”. Nhân vật “tôi” đứng ngoài để quan sát, đánh giá thái độ cũng như cảm xúc của Na-đi-a. + Trong lần trượt tuyết thứ hai, nhân vật bắt đầu tính toán “đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói” và sau đó lại thể hiện giọng thờ ơ, lạnh nhạt - Lần thứ ba, anh ta cẩn thận “lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ hắng lên mấy tiếng” => Nhân vật “tôi” không đủ dũng khí thú nhận tình yêu đích thực của mình mà biến nó trở thành một trò đùa cợt, khiến hạnh phúc biến mất trong tầm tay. - Ở lần Na-đi-a trượt tuyết một mình + Điểm nhìn: nhân vật “tôi” + “Độ vênh” trong suy nghĩ của nhân vật tôi với hành động của Na-đi-a. . Người kể chuyện suy đoán rằng một người sợ độ cao và nhát gan như Na-đi-a sẽ không trượt tuyết một mình vì mặt nàng nhìn trắng bệch, chân thì run rẩy khi đứng nhìn đỉnh đồi. . Hành động của Na-đi-a là nàng run rẩy, sợ hãi nhưng vẫn xăm xăm đi bước lên bậc thang lên đỉnh đồi và quyết định một mình
--	---

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Vì sao Nadia rất sợ mà vẫn đồng ý ngồi lên xe trượt cùng nv Tôi? Đã bao giờ em làm điều tương tự trong cs? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Nhận xét, đánh giá - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - “Đối với Na-đi-a, “gió nói” ở đây là gì? Đó là tiếng nói chủ quan hay khách quan?” Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ.	trượt xuống dưới để xem có còn nghe thấy câu nói ấy không. ➔ Ở ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện không phải là toàn năng, biết tuốt nên góc nhìn đôi khi mang tính chủ quan. Đó cũng chính là hạn chế của ngôi kể thứ nhất. + Hành động chứng tỏ nhân vật “tôi” không còn khả năng đồng cảm với Na-đi-a nữa: . Hành động thờ ơ đứng nhìn Na-đi-a tự leo lên những bậc thang và trượt tuyết một mình trong nỗi sợ hãi. . Những cử chỉ xa cách, đứng nhìn nàng từ xa và lời nói thì lãnh đạm, không còn sự nồng nhiệt, đắm say như xưa nữa. - Khi chia tay + Hàng rào cao có đỉnh nhọn chính là cản trở ngăn cách 2 nhân vật + Hành động “ghé nhìn qua khe hở” của nhân vật “tôi” đã cho thấy sự tò mò, muốn tìm hiểu Na-đi-a - Sau nhiều năm gặp lại + Điểm nhìn: Nhân vật “tôi” + Tâm trạng hoài niệm, đầy phức tạp, có nhiều nuối tiếc 2.2. Nhân vật Na-đi-a Mặc dù sợ nhưng N vẫn qđ trượt tuyết cùng nv Tôi là có thể là vì N tôn trọng nv Tôi, có thể N không muốn Tôi buồn, có thể N có tình cảm với nv Tôi nên đã vượt qua nỗi sợ.
--	---

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Vì sao Na-đi-a bất chấp nỗi sợ, cô quyết định ngồi vào xe trượt xuống "một mình"?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Em thấy Na-đi-a là người ntn? Em học được điều gì ở nhân vật?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- “Gió” ở đây chính là tiếng lòng, khát vọng được yêu thương tiềm ẩn có lẽ đã vang lên trong lòng cô gái từ lâu. Trong khát vọng hạnh phúc, cô gái dường như vẫn nghe thấy những lời yêu thương ấy, song cô vẫn muốn đó không phải chỉ là “gió nói” mà phải là lời “anh ấy nói” như một sự thực khách quan để khẳng định hạnh phúc hiện hữu chứ không phải là ảo giác.

- Câu nói “Na-đi-a, anh yêu em!” với Na-đi-a là một câu nói hệ trọng, và là một câu nói đem lại cho Na-đi-a hạnh phúc cũng như sự đau khổ.

- Bất chấp nỗi sợ, cô quyết định ngồi vào xe trượt xuống "một mình" để "thử xem có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không" vì cô muốn xác nhận lời nói đó có phải là của nhân vật "tôi" hay không.

- Một con người mạnh mẽ, có khát vọng về một tình yêu mãnh liệt
- Một cô gái dũng cảm dám chấp nhận mạo hiểm để đi tìm sự thật.
- Phải biết tôn trọng sự thật và dũng cảm để tìm hiểu sự thật.

III. Tổng kết

1. Nội dung

Cảm hứng chủ đạo của truyện ngắn xuất phát từ tình yêu thương, lòng đồng cảm, thấu hiểu giữa người với người. Trong cuộc sống, chúng ta phải thấu hiểu, yêu thương mọi người và sẵn sàng bày tỏ tình cảm một cách chân thành nhất.

2. Nghệ thuật

- Ngôi kể thứ nhất
- Ngôn ngữ giản dị, gần gũi

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS viết được đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh “hàng rào” trong truyện ngắn *Một chuyện đùa nho nhỏ*.

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: viết đoạn văn về một điều bạn nhận thức được sau khi đọc VB. GV lưu ý HS về kiểu loại VB, cấu trúc của đoạn văn. Bước 2: HS thảo luận nhóm, chia sẻ quan điểm của mình về câu hỏi: thời điểm xuất hiện của hình ảnh “hàng rào”; phân tích ý nghĩa hình ảnh “hàng rào” trong văn bản? HS viết đoạn văn. Bước 3: GV thu lại một số bài viết của HS, đọc trước cả lớp và cho HS nhận xét về các bài viết. Bước 4: GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết.	- Hình ảnh hàng rào xuất hiện trong cảnh chia li ở đoạn văn gần cuối tác phẩm trở thành biểu tượng nhấn mạnh trường nghĩa rào cản – chuyển từ rào cản tinh thần giữa hai nhân vật sang rào cản vật chất của hoàn cảnh. - Lưu ý không chỉ phân tích hình tượng “hàng rào” mà còn cần phân tích hành động “đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở” của nhân vật “tôi cùng sự giao cảm của hai nhân vật qua việc “gửi lời theo gió”.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Tìm đọc một số truyện có sử dụng ngôi kể thứ nhất và khái quát ngắn gọn chủ đề của truyện.

c. Sản phẩm: một số truyện có ngôi kể thứ nhất

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Về nhà tìm đọc một số truyện có ngôi kể thứ nhất.
- Xác định chủ đề của truyện.
- Hoàn thành Phiếu học tập số 1.

B2: Hs thực hiện nhiệm vụ

B3: Học sinh nộp sản phẩm trên Padlet

B4: Giáo viên nhận xét, đánh giá sản phẩm của học sinh trên Padlet.

e. Giao nhiệm vụ về nhà, hướng dẫn đọc văn bản mở rộng, chuẩn bị cho tiết 12 – Thực hành đọc mở rộng

Phụ lục (Phiếu học tập số 1)

Nội dung	Con khướu sổ lồng	Chuyện con mèo dạy hải âu bay
Ngôi của người kể chuyện		
Nhân vật chính		
Điểm nhìn		
Chủ đề		
Thông điệp rút ra từ đoạn trích		

.....

Tiết 74: BIỆN PHÁP CHÊM XEN, BIỆN PHÁP LIỆT KÊ*Ngày soạn: 20/2/2026***I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Đặc điểm hình thức của bộ phận chêm xen và bộ phận liệt kê trong câu.
- Chức năng cơ bản của biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê.

2. Năng lực*** Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ):**

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.
- Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê để đọc hiểu và viết VB.

*** Năng lực chung:****NL giao tiếp, hợp tác:** thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm.**3. Phẩm chất**

Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Thiết bị dạy học**

Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra****3. Bài mới****Hoạt động 1: Mở đầu****a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.
- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi về phép tu từ và đọc yêu cầu trong SGK về bài Thực hành tiếng Việt.**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

(1). Kể tên các phép tu từ em đã học.

(2) Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ (1), đọc nhanh nội dung phần *Tri thức Ngữ văn* (SGK/tr.37, 61) để xác định nhiệm vụ học tập.**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

– Trước tiên, cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (1).

– Sau khi báo cáo, nghe kết luận về nhiệm vụ (1), cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (2).

B3: Báo cáo thảo luận

1,2 HS trả lời, các HS khác bổ sung nếu có.

B4: Kết luận, nhận định

– Đối với nhiệm vụ (1): GV ghi nhận những nội dung HS đã biết về biện pháp tu từ.

– Đối với nhiệm vụ (2): GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và luyện tập**1. Hình thành kiến thức về biện pháp chêm xen và luyện tập.****1.1. Hình thành kiến thức về phép chêm xen****a. Mục tiêu:** Nhận biết các đặc điểm hình thức, chức năng của phép chêm xen.**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi của GV.**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu nhóm đôi HS quan sát ngữ liệu trong mục Nhận biết biện pháp chêm xen trang 59 SGK sau và trả lời các câu hỏi:

1. Sáng nay, thằng lớn của tôi - **mười lăm tuổi**, lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi.

(Nguyễn Quang Sáng, Con khướu sỏ lông).

2. Bởi vì...bởi vì...(**San cúi mặt và bỏ tiếng Nam dùng tiếng Pháp**), người ta lừa dối anh.

(Nam Cao, Sống mòn).

3. Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, **con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước**.

(Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)

4. Cô bé nhà bên (**có ai ngờ**)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (**thương thương quá đi thôi**)

Giang Nam, Quê hương)

4. Đã nhìn thấy cây đàn ấy thì phải đánh - **đánh cái cuộc đời mình vào đấy**- để rồi xem nó ra được thành tiếng gì.

(Nguyễn Tuân, Chùa Đàn).

Nhiệm vụ

+ *Xác định vị trí và vai trò ngữ pháp của các cụm in đậm trong các ngữ liệu trên?*

+ *Tìm dấu câu tách biệt bộ phận đó.*

+ *Nêu tác dụng của bộ phận đó đối với việc bổ sung thông tin, biểu thị tình cảm, cảm xúc?*

2: Từ việc hoàn thành nhiệm vụ 1 hãy rút ra kết luận về khái niệm, dấu hiệu nhận biết của phép tu từ chêm xen.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận

Đại diện 1–2 nhóm HS trình bày. Các nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định

I. Biện pháp chêm xen

1. Tìm hiểu ngữ liệu

- Vị trí: Ở giữa câu (ngữ liệu 1,2), cuối câu (ngữ liệu 3).

- Vai trò ngữ pháp: Đi kèm với chủ ngữ (ngữ liệu 1,4), vị ngữ (ngữ liệu 3,4,5), trạng ngữ (ngữ liệu 2); bổ sung ý nghĩa cho danh từ (ngữ liệu 1,3,4), cho quan hệ từ (ngữ liệu 2), cho động từ (ngữ liệu 5).

- Dấu câu tách biệt: Dấu gạch ngang và dấu phẩy (ngữ liệu 1), dấu ngoặc đơn (ngữ liệu 2), dấu phẩy (ngữ liệu 3)...

- Tác dụng:

+ *Bổ sung thông tin:* ngữ liệu 1,3,5

+ *Biểu thị tình cảm, cảm xúc:* ngữ liệu 2,4

2. Kết luận

- *Khái niệm:* Chêm xen là xen một từ, một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ.

- *Dấu hiệu nhận biết:* Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.

1.2. Luyện tập về phép chêm xen

c. Mục tiêu:

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen.

– Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen để đọc hiểu và viết VB.

d. Nội dung: Hoàn thành bài tập 1,2 trong SGK/tr.59

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời bài tập 1,2 trong SGK/tr.59.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Làm việc theo nhóm 4 -6 HS để trả lời bài tập 1 (SGK/tr.59).

Nhiệm vụ 2: Làm việc cá nhân để trả lời bài tập 2 (SGK/tr.59).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Làm việc theo nhóm 4 -6 HS để trả lời bài tập 1 (SGK/tr.59).

Nhiệm vụ 2: Làm việc cá nhân để trả lời bài tập 2 (SGK/tr.59).

B3: Báo cáo thảo luận

- Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện 1–2 nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi lại (nếu có).

- Nhiệm vụ 2: GV gọi 1–2 HS trình bày. Các HS còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi lại (nếu có). Dùng bảng kiểm 1 Đánh giá sản phẩm viết câu có sử dụng biện pháp chêm xen để nhận xét bài của bạn (đánh giá nhóm).

B4: Kết luận, nhận định

3. Luyện tập

Bài tập 1:

a) Biện pháp chêm xen trong cụm “bên ngoài trời nắng gắt” bổ sung thông tin cho hiện tượng nói đến trong vế trước: giải thích vì sao Thanh đồ mồ hôi.

b) Biện pháp chêm xen trong cụm “ngày nào” bổ sung thông tin về thời gian. Đồng thời, cụm “ngày nào” thể hiện trạng thái hồi tưởng, hoài niệm ở nhân vật. Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó” sống động hơn trong kí ức Thanh.

c) Biện pháp chêm xen trong cụm “người luôn ngò vức về nhân thân của ông” bổ sung thông tin về đặc điểm của nhân vật Gia-ve. Giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia -ve cũng như thái độ của Gia - ve đối với Giăng Van - giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia - ve đối với Giăng Van Giăng trở nên dễ hiểu hơn.

Bài tập 2: Gọi ý sản phẩm:

- Nhân vật Phăng-tin luôn khao khát gặp con – đứa con gái đã thất lạc của chị - trước khi qua đời.

- Đối với Na-đi-a, dù sau này nàng đã có chồng – một viên thư ký hội đồng giám hộ quý tộc, thì kỷ niệm về ngày trượt tuyết cùng nhân vật “tôi” và những tiếng “anh yêu em” vẫn là những phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời nàng.

- Nhân vật Thanh vẫn luôn cảm thấy bình yên và thông thả mỗi khi trở về ngôi nhà của bà – không gian thân thuộc đối với chàng.

Tiêu chí đánh giá

Bảng kiểm 1: Đánh giá sản phẩm viết câu có sử dụng biện pháp chêm xen

STT		Có	Không
1	Sử dụng biện pháp chêm xen một cách hợp lí (có bổ sung thông tin, giải thích, nêu tình cảm, cảm xúc,...)		
2	Câu đảm bảo về ngữ pháp.		
3	Nội dung đề cập đến vấn đề liên quan đến ba văn bản đã đọc trong bài.		

Nội dung 2. Hình thành kiến thức mới về phép liệt kê và luyện tập

2.1. Hình thành kiến thức mới về phép liệt kê.

a. Mục tiêu:

Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê.

b. Nội dung

Tìm hiểu mục Nhận biết biện pháp liệt kê SGK trang 60

c. Sản phẩm

Phiếu học tập 1: Tìm hiểu ngữ liệu về phép liệt kê

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Hoàn thành phiếu HT 1: **Tìm hiểu ngữ liệu về phép liệt kê (Phụ lục 1)**

Nhiệm vụ 2: Từ việc hoàn thành phiếu HT 1, em hãy khái quát những đặc điểm của phép liệt kê vào bảng sau:

Phép liệt kê		
Khái niệm	Dấu hiệu nhận diện	Mục đích (tác dụng)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 5 HS hoàn thành.

B3: Báo cáo thảo luận

Đại diện 1-2 nhóm báo cáo; các nhóm khác bổ sung (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định

II. Phép liệt kê

1. Tìm hiểu ngữ liệu

STT	Ngữ liệu	Thống kê số lượng đối tượng trong phần in đậm	Dấu hiệu hình thức để đánh dấu phần in đậm	Vị trí phần in đậm trong câu	Mục đích phần in đậm
1	Con vẫn định ninh ghi khắc công ơn sinh thành, dưỡng dục của gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên , con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi, nảy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn)	4	Dấu phẩy	Giữa câu	Nêu rõ những người mà “con” khắc ghi công ơn sinh thành, dưỡng dục. -> Cung cấp thông tin.
2	Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng... (Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt)	4	Dấu gạch ngang, dấu phẩy, dấu ba chấm	Cuối câu	Cụ thể hóa những đặc điểm của mùa xuân Hà Nội. -> Cung cấp thông tin.

3	Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sướng miệng”: cay phồng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,... (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hên)	7	Dấu hai chấm, dấu phẩy, dấu ba chấm	Cuối câu	Cụ thể hóa các từ để diễn tả vị cay của người Huế. -> Cung cấp thông tin.
4	Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc,v.v. (Nguyễn Văn Huyền, Văn minh Việt Nam)	4	Dấu hai chấm, dấu phẩy, kí hiệu v.v.	Cuối câu	Cụ thể hóa cho ý: một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng. -> Cung cấp thông tin.
5	Nhưng một điều bố thấy: khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên, đang nói nhiều, trở thành im lặng; đang nghịch ngợm rong chơi trở nên hiền hậu chuyên cần; bài tập nham nhở trở thành chỉnh chu; đang ăn mặc lòi thối, diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị... (Duy Khán, Tuổi thơ im lặng).	4	Dấu chấm phẩy, dấu ba chấm	Cuối câu	Thể hiện cảm xúc, thái độ: bộc lộ những cảm xúc, sự thay đổi của nhân vật Khánh khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố.
6	Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu. (Thép Mới, Cây tre Việt Nam)	6	Dấu chấm	Trong nhiều câu của đoạn văn	Cung cấp thông tin về những ý nghĩa của tre. Bộc lộ cảm xúc tự hào về vai trò của cây tre Việt Nam.

2. Kết luận

Phép liệt kê		
Khái niệm	Dấu hiệu nhận diện	Mục đích (tác dụng)
Là nêu một chuỗi các thông tin cùng loại	Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu.	- Cung cấp thông tin cụ thể hơn cho câu. - Thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết.

2.2. Luyện tập về phép liệt kê

a. Mục tiêu:

- Phân tích được tác dụng của phép liệt kê.

Trường THPT Đỗ Thị Thu Thủy

Năm học 2025-2026

- Vận dụng phép liệt kê vào đọc hiểu và viết văn bản.

b. Nội dung

Hoàn thành bài tập 1,2 SGK trang 61

c. Sản phẩm

Nội dung trả lời các bài tập 1,2 trong SGK/tr.61

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu cá nhân HS làm bài tập 2 & 3 trong SGK/tr.61.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận

2–3 HS trình bày lần lượt kết quả làm bài tập 2 & 3 (SGK/tr.61

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét nội dung trả lời các bài tập của HS theo định hướng tham khảo sau. Dùng bảng kiểm 2 để cá nhân tự đánh giá bài làm của mình.

Bài 1 (trang 60, SGK Ngữ văn 10, tập 2)

a) Phép liệt kê: Liệt kê hàng loạt những việc làm xấu xa của tên tướng giặc: chiếm miếu đền, giả mạo họ tên, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược, Thượng Đế bị bùng bít, hạ dân bị quấy rầy,...

Tác dụng: Liệt kê kể ra hàng loạt các việc làm của tên tướng giặc nhằm mục đích nhấn mạnh những tội ác mà hắn đã gây ra.

b) Phép liệt kê: Liệt kê hàng loạt món ăn: gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, súp lơ xào thịt bò; gà quay ướp húng lủi, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây.

Tác dụng: Liệt kê hàng loạt các món ăn nhằm nhấn mạnh sự phong phú, đa dạng của nền ẩm thực nước nhà mỗi dịp tết đến.

c) Phép liệt kê: liệt kê ngày tháng cùng các trận đánh.

Tác dụng: Việc liệt kê hàng loạt ngày tháng cùng các trận đánh tương ứng nhằm nhấn mạnh thời gian và sự việc diễn ra, thể hiện niềm tự hào về những chiến công của quân và dân ta.

Bài 2 (trang 61, SGK Ngữ văn 10, tập 2)

- Đọc *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, ta càng thêm tự hào vì những chiến công hiển hách của nghĩa quân Lam Sơn qua các trận đánh: trận Chi Lăng, trận Mã An, trận Tây Kinh, Đông Đô, Tốt Động...

- Trong *Bảo kính cảnh giới*, Nguyễn Trãi đã đem đến cho độc giả một cái nhìn mới về mùa hè, không còn là nắng gắt, phượng hồng, mà là hộc lục, thạch lựu hiên, hồng liên trì,...

- Tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan* đã đem đến cho người đọc một khung cảnh yên bình qua vùng thiên nhiên vùng quê với con đường gạch rêu phủ, bức hoa tường thấp yên tĩnh, giàn thiên lí hoa thơm, cùng cây hoàng lan bóng tỏa.

Bảng kiểm 2: Đánh giá sản phẩm viết câu có sử dụng biện pháp liệt kê

STT		Có	Không
1	Sử dụng biện pháp liệt kê một cách hợp lí (có bổ sung thông tin, giải thích, nêu tình cảm, thái độ,...)		
2	Câu đảm bảo về ngữ pháp.		

3	Nội dung đề cập đến vấn đề liên quan đến ba văn bản đã đọc trong bài.		
---	---	--	--

Hoạt động 4: Vận dụng**a. Mục tiêu:**

- Khái quát được nội dung chính của bài học.
- Rút ra được những lưu ý khi vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê và đoạn văn vào thực tế giao tiếp (đọc hiểu và viết VB)

b. Nội dung

Trả lời câu hỏi khái quát nội dung chính bài học

c. Sản phẩm

Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu nhóm đôi HS và trả lời câu hỏi:

+ Em đã rút ra được những lưu ý gì khi sử dụng hiểu biết về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê trong khi đọc và viết VB?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận

Đại diện 1–2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm HS khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét sản phẩm học tập của HS; trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý tham khảo sau:

- Khi đọc, HS chú ý dấu hiệu nhận biết của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê:

Biện pháp tu từ	Dấu hiệu nhận biết
Chêm xen	Đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.
Liệt kê	Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu.

Biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê hỗ trợ tốt cho quá trình đọc suy luận, nắm bắt được thông tin một cách chính xác, hiểu được cảm xúc được thể hiện trong văn bản.

...

- Khi viết:

+ Muốn bổ sung thông tin cần thiết hoặc bộc lộ **cảm xúc của cá nhân** => dùng biện pháp tu từ chêm xen.

+ Muốn diễn tả những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng, tình cảm; tạo ấn tượng mạnh về hình ảnh và **cảm xúc cho người đọc** => dùng biện pháp tu từ liệt kê.

Phụ lục (Phiếu học tập)**Phiếu 1: Tìm hiểu ngữ liệu về phép liệt kê**

STT	Ngữ liệu	Thống kê số lượng đối tượng trong phần in đậm	Dấu hiệu hình thức để đánh dấu phần in đậm	Vị trí phần in đậm trong câu	Mục đích phần in đậm
1	Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành, dưỡng dục của gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên , con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi, nảy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn)	4	Dấu phẩy	Giữa câu	Nêu rõ những người mà “con” khắc ghi công ơn sinh thành, dưỡng dục. -> Cung cấp thông tin.
2	Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng... (Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt)				
3	Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sương miệng”: cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,... (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)				
4	Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc, v.v. (Nguyễn Văn Huyền, Văn minh Việt Nam)				
5	Nhưng một điều bố thấy: khi				

	nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên, đang nói nhiều, trở thành im lặng; đang nghịch ngợm rong chơi trở nên hiền hậu chuyên cần; bài tập nham nhở trở thành chỉn chu; đang ăn mặc lòi thôi, diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị... (Duy Khán, Tuổi thơ im lặng).				
6	Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu. (Thép Mới, Cây tre Việt Nam)				

VIẾT

Tiết 75: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

(Chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện)

Ngày soạn: 23/2/2026

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ HS có thể viết được một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về chủ đề và nhân vật của tác phẩm.
- ❖ HS giới thiệu được ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về giá trị tác phẩm.
- ❖ HS tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính)
- ❖ HS phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề và nhân vật) với những ngữ liệu sinh động.
- ❖ HS đánh giá được tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.
- ❖ HS khẳng định được giá trị của tác phẩm

2. Về năng lực

- ❖ Vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để tạo lập văn bản phân tích, đánh giá

3. Về phẩm chất

- ❖ HS có khả năng rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. CHUẨN BỊ**1. Giáo viên**

- Phương tiện, thiết bị:

- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ văn 10, thiết kế bài học, phiếu học tập...
- + Máy tính, máy chiếu, loa...

- Phương pháp dạy học: Nêu vấn đề, thảo luận nhóm,...

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, bài soạn, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra bài cũ****3. Bài mới**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ	
❖ Huy động vốn sống, trải nghiệm cá nhân. GV tổ chức cho HS chơi: TÔI MÊ ĐỌC SÁCH	
❖ Nội dung: GV chia cả lớp thành 2 nhóm theo dãy bàn, chiếu hình ảnh liên quan đến một tác phẩm truyện. HS nhanh chóng đoán tên tác phẩm và đưa ra được tên nhân vật chính/ chủ đề của tác phẩm đó. Đội nào trả lời nhanh hơn sẽ được điểm. Đội được nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.	
❖ Từ trò chơi, GV nêu vấn đề: Giống như trò chơi vừa rồi, trong cuộc sống, đôi lúc chúng ta muốn được bày tỏ hoặc theo yêu cầu của mọi người xung quanh, chúng ta phải viết một văn bản thể hiện những cảm nhận, đánh giá của mình về một chủ đề và nhân vật trong tác phẩm truyện nói riêng, văn học nói chung mà mình đã đọc. + Hãy nhớ lại và chia sẻ những kinh nghiệm, cảm xúc của mình khi đó.	

+ Theo em, khi viết một văn bản như vậy, chúng ta cần đáp ứng những yêu cầu như thế nào?

- Học sinh chia sẻ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

(1) Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

Yêu cầu của kiểu bài viết đã được nêu thành các điểm cụ thể trong SGK. GV định hướng cho HS nắm vững hơn qua các định hướng:

+ Quan điểm của nhà văn thể hiện như thế nào qua chủ đề của truyện?

+ Các nhân vật được miêu tả như thế nào để tập trung vào việc làm nổi bật chủ đề của truyện?

+ Với chủ đề và đặc điểm của nhân vật như thế, tác phẩm toát lên giá trị gì?

(2) Đọc và phân tích bài viết tham khảo:

- GV yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu HS đọc thật kĩ các bước, thao tác được diễn giải trong SGK.

GV có thể yêu cầu HS vừa đọc văn bản, vừa đối chiếu với nội dung viết trong các thẻ chỉ dẫn, ghi chép vào tất những thông tin cần thiết.

- GV hướng dẫn HS suy nghĩ về ba câu hỏi có tính chất chỉ dẫn ngay sau bài viết tham khảo trong SGK để HS rút ra được những thao tác viết cơ bản:

I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

- Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm.

- Nêu được nhận xét khái quát về giá trị tác phẩm.

- Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm.

- Phân tích được mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm (chủ đề đã chi phối sự lựa chọn, miêu tả nhân vật như thế nào; nhân vật đã phát triển và khơi sâu chủ đề ra sao...).

- Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật.

- Phát biểu được những tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân.

II. Tìm hiểu ngữ liệu SGK

1. Vấn đề chính được văn bản bàn luận

Vấn đề chính được bàn luận là chủ đề và nhân vật của tác phẩm “Chữ người tử tù” - Nguyễn Tuân.

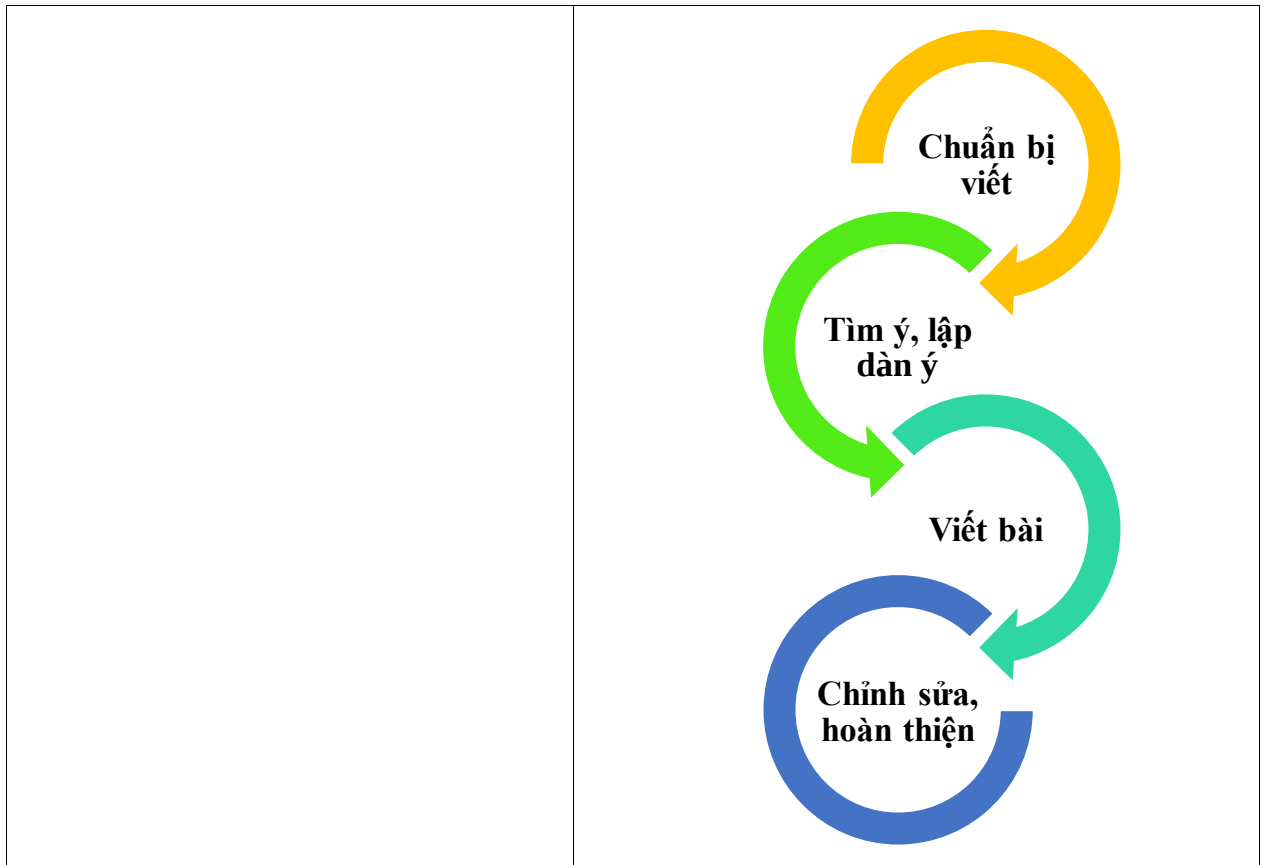
2. Bài nghị luận: Lại đọc *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân

- Nội dung: Bài nghị luận giúp chúng ta hiểu được thêm về nội dung truyện ngắn, thông tin tác giả, tác phẩm, cốt truyện, nhân vật, tình huống, chủ đề truyện, trải nghiệm của người đọc và giá trị của tác phẩm.

- Các câu hỏi định hướng:

+ Chủ đề của *Chữ người tử tù* được tác giả khái quát qua câu: Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái tài, cái đẹp đối với cái nhem

+ Chủ đề của <i>Chữ người tử tù</i> được tác giả viết khái quát qua những câu nào? + Để tô đậm ý tưởng của bài viết, tác giả đã chọn cách dẫn dắt như thế nào? + Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định như thế nào qua bài viết? Như vậy, sau khi đọc xong bài viết tham khảo, HS đã có thể nhận biết được các nội dung cơ bản và trình tự sắp xếp trong bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật của truyện. HS thực hành viết, chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm - GV chốt những kiến thức	nhuốc, tục tằn, của thiên lương đối với tội ác. + Để tô đậm ý tưởng của bài viết, tác giả đã dẫn dắt độc giả đi từ những hiểu biết về phong cách nghệ thuật của nhà văn đến việc nắm bắt các biểu hiện sinh động của phong cách đó trong truyện ngắn <i>Chữ người tử tù</i>; kết hợp phân tích tác phẩm với mở rộng bình luận về những giá trị cao quý ở đời nhằm tạo điểm nhấn cho bài viết. + Ý nghĩa của chủ đề và nhân vật được khẳng định qua bài viết: Muốn nên người, phải biết kính sợ ba điều này: Cái tài, cái đẹp, cái thiên tính tốt đẹp của con người (thiên lương). 3. Các thao tác và kĩ năng khi viết bài - Trước khi viết: + Xác định mục đích viết và người đọc. + Lựa chọn chủ đề và nhân vật sẽ nói đến trong văn bản. + Viết nháp câu chủ đề thể hiện ý tưởng chính. + Thu thập thông tin cho bài viết. + Bắt đầu sắp xếp lại các thông tin. - Viết: + Viết nháp phần mở bài (giới thiệu). + Cung cấp thông tin nền. + Viết theo dàn ý. + Triển khai luận điểm bằng các luận cứ. + Viết phần kết bài. - Sửa lại: Tự đánh giá lại bài viết/ HS đánh giá cho nhau; Sửa lại để hoàn thiện nội dung, cấu trúc và phong cách viết. - Công bố: Chia sẻ bài viết với người đọc, chiêm nghiệm để có kinh nghiệm viết.
--	--



3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT

(1) Chuẩn bị viết

HS rà soát lại trong trí nhớ, lựa chọn truyện có chủ đề nổi bật và các nhân vật gây được ấn tượng mạnh, để lại những bài học sâu sắc về thái độ sống.

(2) Tìm ý, lập dàn ý

Theo phụ lục 1

(3) Viết

- GV giao nhiệm vụ.
- HS thực hành viết, trình bày phần bài làm của mình.
- GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.

(4) Chỉnh sửa, hoàn thiện

Theo phụ lục 2

HS có năng lực tự viết và đánh giá, chỉnh sửa sản phẩm của bản thân.

* Văn bản nghị luận mà HS viết ở đây có yêu cầu là phân tích, đánh giá về chủ đề và nhân vật một tác phẩm truyện. Ngoài việc tuân theo các quy chuẩn của loại văn bản nghị luận, HS phải chú ý đến các yêu cầu đối với kiểu bài được trình bày ở SGK, đồng thời liên hệ với các kiến thức về thể loại truyện trong phần Tri thức ngữ văn của bài học và với các văn bản truyện đã học ở phần Đọc của bài học. Trong bài viết, HS cần xác định, phân tích và đánh giá được các đặc điểm chủ đề và nhân vật mà mình lựa chọn trình bày, đồng thời thể hiện được sự tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

GV giao nhiệm vụ HS thảo luận và thực hiện HS thực hiện thảo luận, tranh biện HS trình bày phần bài làm của mình GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo - GV nhắc lại yêu cầu chung của bài nghị luận và những yêu cầu cụ thể của kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện. – GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở các bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS rút ra những kinh nghiệm cần thiết. – Trả bài cho HS, hướng dẫn HS tự chỉnh sửa bài viết theo hướng dẫn trong SGK.	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS
---	--

Phụ lục 1: Phiếu tìm ý

PHIẾU TÌM Ý	
Họ và tên: Lớp: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc của nhân vật trong tác phẩm truyện. Em hãy đọc lại truyện mà mình yêu thích, suy nghĩ và tìm ý để điền vào các ô sau:	
Tên truyện, tác giả	
Vấn đề đời sống được truyện đề cập	
Chủ đề của truyện (khái quát)	
Đặc điểm nổi bật của các nhân vật cần phân tích	
Sự chi phối của chủ đề đối với các nhân vật (hoặc vai trò của các nhân vật trong	

việc thể hiện chủ đề)

Dựa vào phiếu trên, HS lập dàn ý cụ thể theo bảng sau:

Mở bài	- Giới thiệu tác phẩm truyện (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).
	- Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá. (Tác phẩm được chọn phân tích có gì đặc sắc? Nhân vật nào đáng chú ý?)
Thân bài	- Tóm tắt tác phẩm (ngắn gọn)
	- Chọn những chi tiết tiêu biểu, quan trọng, cần thiết cho phân phân tích.
	- Xác định và nêu chủ đề của tác phẩm.
	- Phân tích, đánh giá các khía cạnh của chủ đề của tác phẩm.
	- Phân tích một số nhân vật nổi bật của truyện Dùng lí lẽ thuyết phục và bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.
Kết bài	- Qua phân tích nhân vật, nêu bật chủ đề của truyện.
	- Thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về tác phẩm.
	- Khẳng định lại một cách khái quát đặc sắc của tác phẩm thông qua chủ đề và nhân vật của tác phẩm.
Kết bài	- Bài học về thái độ sống mà bản thân rút ra được.

Phụ lục 2:Hướng dẫn chỉnh sửa bài viết

HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT	
Nhiệm vụ: Rà soát lại bài viết theo những mục trong bảng sau:	
1. Phần mở bài đã giới thiệu nhan đề tác phẩm và tác giả chưa? Mở bài đã khái quát được vấn đề cần bàn luận?	- Khoanh tròn vào tên bài thơ và tác giả. - Gạch chân dưới câu/ một số câu khái quát vấn đề cần bàn luận.
2. Phần thân bài đã phân tích được nhân vật và mối quan hệ giữa nhân vật với chủ	Đánh dấu vào từ khoá nêu lên mối quan hệ đó.

đề?	
3. Mỗi đoạn văn trong phần thân bài có nêu luận điểm của bài viết không?	- Gạch chân dưới câu nêu luận điểm của bài văn. - Nên chuyển câu nêu luận điểm lên vị trí đầu đoạn văn.
4. Mỗi luận điểm có được làm sáng tỏ bằng các dẫn chứng và lí lẽ không?	- Khoanh tròn vào dẫn chứng được trích từ văn bản. - Gạch chân dưới các lí lẽ. - Nếu có thể, bổ sung thêm dẫn chứng, lí lẽ để bài viết sâu sắc và thuyết phục hơn.
5. Phần kết bài đã tóm tắt lại nội dung chính đã phân tích chưa? Đã chỉ ra mối liên hệ giữa tác phẩm và cuộc sống?	- Đánh dấu một ngôi sao bên cạnh câu khái quát.
6. Bản thảo có mắc lỗi diễn đạt không?	- Rà soát và sửa lại lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, sử dụng các từ nối liên kết... trong bài viết

.....

BÀI 7: QUYỀN NĂNG CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN

Tết 76: NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Ngày soạn: 25/2/2026

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực đặc thù

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

- Nêu được vấn đề văn học có những ý kiến khác nhau
- Phân tích được ưu điểm và nhược điểm của những ý kiến khác nhau về vấn đề
- Trình bày được quan điểm của bản thân về vấn đề, làm rõ sự tương đồng và khác biệt giữa ý kiến của bản thân với các ý kiến đã có.
- Tạo được sự đồng thuận tích cực giữa bản thân với những người tham gia thảo luận.

2. Năng lực chung

- NL giao tiếp và hợp tác: xác định được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm và của bản thân.

- NL giải quyết vấn đề: Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến vấn đề, đưa ra hướng để giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực trong việc tìm kiếm thông tin để xây dựng nội dung tham gia thảo luận.
- Trách nhiệm: Có tinh thần tích cực khi phối hợp trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Tivi, máy tính xách tay hoặc để bàn
- Điện thoại của GV, HS; máy ghi âm (nếu có)
- Phần mềm zalo, google from...

2. Học liệu

- Phiếu giao nhiệm vụ
- Bảng kiểm
- Bài giảng điện tử
- Video thảo luận của HS

III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1. Ổn định tổ chức :

2. Kiểm tra: 2 phút

GV kiểm tra tình hình chuẩn bị bài của HS, có thể lựa chọn theo 2 cách:

Cách 1: Yêu cầu các nhóm trưởng báo cáo về tình hình chuẩn bị bài, kết quả làm việc (sản phẩm) của nhóm.

Cách 2: GV đi một vòng quan sát sản phẩm của các nhóm đã chuẩn bị

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu: 5 phút

a. Mục tiêu:

- Kích hoạt kiến thức nền và kĩ năng NÓI trước tập thể mà HS đã được biết và thực hành ở lớp dưới.
- Tạo tâm thế hào hứng, tích cực tham gia bài học ở HS
- Tạo không khí vui vẻ, sôi nổi trong tập thể lớp học

b. Nội dung

- Tổ chức trò chơi THỬ LÀM MC

c. Sản phẩm

- Đoạn giới thiệu ngắn của các HS tham gia trò chơi trong khoảng thời gian tối đa 1 phút/ mỗi HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phổ biến luật chơi:

+ Hãy tưởng tượng bạn đang tham gia một buổi sinh hoạt tập thể với tư cách là người dẫn chương trình/ hoặc người điều hành. Bạn sẽ giới thiệu chương trình như thế nào để kết nối mọi người và để không khí trở nên sôi động ngay từ đầu

+ Những người tham gia trò chơi theo hình thức xung phong hoặc do các nhóm đề cử (mỗi nhóm 1 người)

+ Tập thể lớp: lắng nghe và bình chọn người xuất sắc nhất

Ghi chú: GV có thể giao nhiệm vụ và phổ biến luật chơi ở tiết trước để HS có thời gian chuẩn bị và tập dượt ở nhà. Như vậy sẽ tranh thủ được thời gian ở trên lớp và sản phẩm của HS cũng có chất lượng cao hơn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-Mỗi HS tham gia trò chơi sẽ có thời gian tối đa là 1 phút để thể hiện khả năng làm MC của mình trước tập thể.

- Toàn thể HS trong lớp lắng nghe đoạn giới thiệu của các ứng viên

- Trong thời gian này GV trình chiếu bảng tiêu chí đánh giá để HS có cơ sở thống nhất cho việc bình chọn

B3: Báo cáo thảo luận

- HS thảo luận nhanh với nhau trong bàn hoặc trong nhóm để tìm ra ứng viên xuất sắc nhất.
- Hoạt động thảo luận trong thời gian các ứng viên thể hiện hoặc trong khoảng 1 phút sau khi kết thúc các phần thi

B4: Kết luận, nhận định

- Lớp trưởng tạo mục bình chọn trong group zalo của tập thể lớp

- Tất cả thành viên trong lớp sẽ tham gia bình chọn trên điện thoại cá nhân

- Ứng viên có số lượt bình chọn cao nhất sẽ là người chiến thắng.

- GV chủ nhiệm biểu dương người chiến thắng và cho điểm cộng khuyến khích đối với các ứng viên.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới: 20 phút

Nội dung 1. Chuẩn bị nói và nghe: 5 phút

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các yêu cầu về mặt kiến thức và kỹ năng của việc thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.

b. Nội dung:

HS thảo luận về một vấn đề cụ thể, HS hình thành kiến thức: cần lưu ý những gì khi tham gia thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.

c. Sản phẩm

- Ý kiến chuẩn bị của cá nhân HS để tham gia thảo luận (thể hiện trong vở soạn hoặc vở nháp)

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (Bước này thực hiện trước tiết học, HS chuẩn bị ở nhà)

-Đọc lại truyện ngắn “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân và truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam (TP này có thể hướng dẫn ở phần đọc mở rộng của bài 1: SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ)

- Suy nghĩ để thảo luận, trả lời cho câu hỏi: ***Truyện ngắn không có cốt truyện li kì, hấp dẫn có thể là một truyện hay được không ?***

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-HS chuẩn bị ở nhà, bao gồm cả chuẩn bị nói và chuẩn bị nghe, gồm:

+ Suy nghĩ, tìm hiểu trước về vấn đề được thảo luận

+ Chuẩn bị ý kiến của mình để phát biểu (thể hiện ở dàn ý trong vở soạn)

+ Sẵn sàng tranh luận lại với những ý kiến khác khi nảy sinh những điểm thiếu thống nhất.

-Đến lớp, HS tự rà soát những nội dung đã chuẩn bị ở nhà theo yêu cầu nêu ở SGK và sự hướng dẫn của GV

-GV kiểm tra nhanh phần chuẩn bị trong vở soạn của HS

B3: Báo cáo thảo luận

-HS các nhóm có thể trao đổi, thảo luận trong nhóm để đưa ra ý kiến thống nhất của nhóm mình, hoặc để mỗi HS có thể bổ sung những ý mà mình còn thiếu sót

-HS có thể nêu những băn khoăn và đề nghị GV giải đáp

B4: Kết luận, nhận định

-GV nhắc lại yêu cầu thảo luận của bài học, giải đáp những vướng mắc mà HS nêu ra sau quá trình chuẩn bị.

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ SỐ 1

1.Đọc lại một số truyện ngắn ở Bài 1: SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ (bao gồm cả văn bản ĐỌC trong SGK và văn bản đọc mở rộng do GV gợi ý)

2. Suy nghĩ và trình bày ý kiến của anh/chị về câu hỏi sau:

Theo anh/chị, truyện ngắn không có cốt truyện li kì, hấp dẫn có thể là một truyện hay được không ?

Nội dung 2. Thực hành nói và nghe (15 phút)

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các yêu cầu về mặt kiến thức và kỹ năng của việc thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.

b. Nội dung: Tổ chức buổi TỌA ĐÀM VĂN CHƯƠNG (Sử dụng phương pháp đóng vai)

c. Sản phẩm

- Nội dung dẫn dắt của người dẫn chương trình

-Những đoạn nói thể hiện quan điểm, ý kiến khác nhau của HS về vấn đề được đưa ra thảo luận

- Phần thảo luận, tranh luận của HS trong vai khách mời và khán giả

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

-GV cử HS vừa chiến thắng ở phần thi THỬ LÀM MC làm người điều hành cuộc thảo luận; cử 1 HS làm thư kí cuộc thảo luận

- GV lựa chọn ngẫu nhiên mỗi nhóm 1 thành viên đóng vai khách mời của buổi tọa đàm

-Tất cả các thành viên còn lại trong lớp đóng vai khán giả của buổi tọa đàm

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-Người dẫn chương trình nêu vấn đề thảo luận, yêu cầu các khách mời lần lượt phát biểu ý kiến của mình. Đề nghị người tham gia thảo luận phát biểu ngắn gọn, tập trung vào trọng tâm vấn đề và thể hiện rõ ràng ý kiến riêng của cá nhân.

-Người điều hành định hướng để người phát biểu tiếp theo bám sát nội dung trình bày của người nói trước. Người sau phân tích ý kiến của người trước trên các khía cạnh: *Đã đi vào trọng tâm của vấn đề chưa ? Lập luận có sức thuyết phục không ? Ý kiến có điểm nào chưa thỏa đáng ?* Từ đó, người thảo luận đưa ra ý kiến riêng của mình về vấn đề.

-Các thành viên được mời tham gia phát biểu, dù phản bác hay đồng tình đều phải xoay quanh vấn đề đang thảo luận: ***Truyện ngắn không có cốt truyện li kì, hấp dẫn có thể là một truyện hay được không ?***

-GV theo dõi, nắm bắt diễn biến cuộc thảo luận để kết luận sau khi kết thúc; nhắc nhở HS tập trung, động viên khích lệ HS tự tin hơn khi phát biểu; khuyến khích HS trình bày suy nghĩ, quan điểm riêng của cá nhân về vấn đề đang bàn luận.

B3: Báo cáo thảo luận

-Người điều hành dựa vào tình hình diễn biến của cuộc thảo luận (được ghi chép lại trong biên bản của thư kí), xâu chuỗi các ý kiến, điểm lại các nội dung có sự thống nhất cao giữa các ý kiến; nhận xét những ý kiến có chỗ khác biệt, có thể gợi ý để mọi người tranh luận thêm.

- Sau khoảng thời gian cho phép, người điều hành kết thúc cuộc thảo luận với những ý kiến có sự đồng thuận cao.

-GV phát phiếu và hướng dẫn HS điền kết quả tự đánh giá cuộc thảo luận theo các tiêu chí và nội dung sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được vấn đề văn học có các ý kiến đánh giá khác nhau để thảo luận		
2	Thể hiện được quan điểm nhìn nhận về vấn đề văn học một cách rõ ràng		
3	Nắm bắt được chính xác những ý kiến đánh giá khác nhau về vấn đề văn học		
4	Xác định được những điểm có sự đồng thuận giữa các ý kiến		
5	Gợi mở được những vấn đề mới cần tìm hiểu tiếp		
6	Tạo được không khí đối thoại thoải mái, bình đẳng		

B4: Kết luận, nhận định

- GV kết luận về vấn đề thảo luận: ***Truyện ngắn không có cốt truyện li kì, hấp dẫn có thể là một truyện hay được không ?***

2. GV nhận định, đánh giá về cuộc thảo luận của HS trên cơ sở các tiêu chí đã nêu trong bảng kiểm trên. Biểu dương những HS trình bày tốt, góp ý đối với những lỗi trong cách trình bày của HS
3. GV khuyến khích HS rút ra những điểm cần lưu ý; từ đó GV kết luận về những yêu cầu khi tham gia thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI THAM GIA THẢO LUẬN

Người nói:

- Ý kiến đưa ra phải tập trung vào đề tài của cuộc thảo luận
- Khi nói cần đề cập, tóm tắt các ý kiến đã có về vấn đề, nêu quan điểm của riêng mình và làm rõ cơ sở của quan điểm đó
- Trình bày ý kiến của bản thân, nêu những điểm cần được đồng thuận, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận

Người nghe:

- Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra ý kiến hồi đáp của mình để thúc đẩy cuộc thảo luận đạt kết quả tích cực
- Ghi vắn tắt vào sổ tay hay vở ghi những điểm cần tranh luận với người nói

Hoạt động 3: Luyện tập (15 phút)

a. Mục tiêu: HS biết áp dụng kiến thức được hình thành ở hoạt động 2 để luyện tập tổ chức một cuộc thảo luận về một vấn đề văn học

b. Nội dung: HS thực hành hoạt động thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm

Nội dung thảo luận của các nhóm được ghi lại vào biên bản

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu vấn đề cần thảo luận

Trình bày ý kiến của anh/chị để trả lời câu hỏi: **Để hiểu đúng về một nhân vật trong tác phẩm văn học, có nhất thiết phải biết tường tận về nhân vật có thật ngoài đời mà tác giả chọn làm nguyên mẫu ?**

-Cách tiến hành giống như ở hoạt động khám phá kiến thức nhưng trong phạm vi các nhóm

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-Nhóm trưởng điều hành thảo luận, cử thư kí ghi lại diễn biến nội dung

- Lần lượt các thành viên trong nhóm trình bày ý kiến của mình, với các tiêu chí như bảng kiểm ở hoạt động 2

-GV quan sát các nhóm, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận, nhắc nhở về thời gian, giải đáp những thắc mắc của HS nếu có

B3: Báo cáo, thảo luận

-Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận

B4: Kết luận, nhận định

-GV nhận xét, đánh giá về:

+ Tinh thần, ý thức làm việc của các nhóm (từ kết quả quan sát các nhóm thảo luận)

+ Nội dung thảo luận về vấn đề đặt ra

-GV nhắc lại, nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt của việc thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu

HS biết cách vận dụng những kiến thức đã học được trong bài học để thực hành thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS dựa trên hướng dẫn của GV để thực hiện nhiệm vụ; HS báo cáo trao đổi về những khó khăn thuận lợi và yêu cầu sự trợ giúp của GV nếu có.

c. Sản phẩm

Video thảo luận của các nhóm HS về vấn đề cần thảo luận.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

-GV nêu vấn đề thảo luận: *Anh/chị có nhận xét như thế nào về nhân vật Tấm trong truyện cổ tích Tấm Cám qua hành động Tấm cho quân đội nước sôi giết chết Cám và đem xác muối mắm gửi cho mẹ dì ghẻ ?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

-HS thực hiện nhiệm vụ ở bên ngoài lớp học (ở nhà, hoặc ở một không gian khác do HS tự chọn)

-Ghi lại video cuộc thảo luận của nhóm, gửi sản phẩm lên padlet của lớp do GV cung cấp địa chỉ và hướng dẫn cách nộp bài

-GV cung cấp rubric đánh giá sản phẩm gửi cho HS qua các nhóm zalo hoặc gửi lên padlet

-Thời gian thực hiện: 1 tuần sau khi tiến hành bài học

B3: Báo cáo, thảo luận

-Các nhóm tự nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn trên padlet

B4: Kết luận, nhận định

-HS tự rút ra kinh nghiệm cho bản thân khi tham gia thảo luận về một vấn đề văn học có ý kiến khác nhau.

-GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HS và tổ chức cho HS đề xuất ý tưởng, cải tiến sản phẩm và rút kinh nghiệm.

.....

Tiết 77: TRẢ BÀI VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Ngày soạn: 1/3/2026

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Thấy rõ những ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của HS.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác (tương tác với giáo viên, học sinh trong lớp)
- Năng lực tự chủ và tự học (chủ động xây dựng phương án trả lời câu hỏi, phản biện khoa học);
- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ (sử dụng ngôn ngữ để tìm hiểu, trao đổi bài học theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập);

3. Về phẩm chất:

- Sống tự chủ, tích cực, trách nhiệm, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu Projector.
- Học liệu: SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 10, Thiết kế bài học (một số tài liệu đọc trên internet).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra:****3. Bài mới****HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN XÉT CHUNG****1.1. Mục tiêu:**

- Nhận xét các ưu, khuyết điểm trong bài viết của HS.
- Rút kinh nghiệm, bổ sung, định hướng cách viết

1.2. Nội dung:

- Học sinh thấy được ưu, khuyết điểm trong bài viết của mình.

1.3. Sản phẩm:

- Kết quả bài viết của học sinh.

1.4. Tổ chức thực hiện:**I. Nhận xét chung:**

- Đa số là mắc các lỗi chủ yếu sau: chính tả, dùng từ sai, viết câu sai, bài giống nhau trừu tượng, một số bài thì cảm xúc không thực, bỏ trống một hàng...
- Lỗi lập luận, diễn đạt, luận điểm chưa thuyết phục.
- Chữ viết, trình bày còn cầu thả, thiếu logic...

HOẠT ĐỘNG 2: XÁC ĐỊNH YÊU CẦU BÀI VIẾT**2.1. Mục tiêu:**

- Giúp HS thấy được yêu cầu cơ bản khi triển khai vấn đề xã hội. Từ đó, giúp HS có kỹ năng xử lý các kiểu bài khác nhau.

2.2. Nội dung

- Xác định được các yêu cầu cơ bản của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội

2.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

2.4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS

Sản phẩm dự kiến

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát đề, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân.
- Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân và phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).
- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

II. Xác định yêu cầu:

- Bài viết cần nêu lên những suy nghĩ về: *Thái độ thờ ơ của con người đối với môi trường.*

- Vấn đề là gì? Vì sao lựa chọn vấn đề đó? Vấn đề đó có ý nghĩa thế nào với cá nhân và cộng đồng?

→ Vấn đề thái độ thờ ơ của con người đối với môi trường vẫn luôn là một vấn đề đáng suy ngẫm, bởi thái độ đối với môi trường sẽ quyết định hành động của con người cũng như sự sống của con người.

- Bạn có quan điểm như thế nào về vấn đề này? Có những lí lẽ, bằng chứng nào để chứng minh quan điểm và thuyết phục người khác đồng tình với mình?

→ Tôi thấy hiện nay vẫn có những người vẫn thờ ơ với tình trạng môi trường nguy cấp. Đây là một thái độ không đúng, để lại nhiều hậu quả, cần phải thay đổi.

- Đề xuất giải pháp.

HOẠT ĐỘNG 3: GỢI Ý LÀM BÀI

3.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được những luận điểm, những ý chính khi triển khai vấn đề xã hội.

3.2. Nội dung

- Xác định được các luận điểm cơ bản của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội

3.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

3.4. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS

Sản phẩm dự kiến

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS quan sát đề, đặt câu hỏi để HS phát hiện vấn đề.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: Làm việc cá nhân.
- Giáo viên: Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân

- **Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- **Thân bài:**

+Chủ đề của chuyện là gì? chủ đề đó có đặc điểm nào không?

+Bài viết cần khái quát được chủ đề của truyện, có thể nêu chủ đề trước hoặc sau khi phân tích nhân vật

+Các nhân vật trong truyện có đặc điểm gì

Năm học 2025-2026

và phát biểu.

Bước 3. Thảo luận, trao đổi, báo cáo

Học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy nháp, học sinh phát biểu trước lớp; học sinh còn lại lắng nghe, nhận xét và phát biểu bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- Giáo viên đánh giá qua phần trình bày của học sinh (Thái độ làm việc, kỹ năng trình bày).
- Học sinh đánh giá từ phần trình bày của bạn trong lớp và bổ sung ý kiến.

nổi bật? ngoại hình, lời nói, hành động, nội tâm của nhân vật hướng tới việc thể hiện chủ đề như thế nào?

+Bài viết cần tập trung phân tích các nét độc đáo của nhân vật trong truyện cũng như mối quan hệ giữa các nhân vật qua đó làm nổi bật chủ đề

+Nhìn từ chủ đề và nhân vật tác phẩm có gì đặc sắc bài viết cần tập trung phân tích những nét đặc sắc của chủ đề cách thể hiện chủ đề qua các nhân vật và những điều đó tạo nên giá trị của truyện

- **Kết bài:** Tóm lược được các nhận định trong tác phẩm phân thân bài

HOẠT ĐỘNG 4: NHẬN XÉT ƯU – KHUYẾT ĐIỂM VÀ TRẢ BÀI

4.1. Mục tiêu:

- Giúp HS thấy được những ưu điểm, khuyết điểm trong bài viết của mình.

4.2. Nội dung

- Xác định được các ưu điểm, khuyết điểm của bản thân để kịp thời điều chỉnh.

4.3. Sản phẩm

- Kết quả làm việc cá nhân của học sinh.

4.4. Tổ chức thực hiện:

III. Nhận xét ưu – khuyết điểm:

1. Sửa lỗi

- Chính tả:
- Dùng từ không phù hợp:
- “ ”
- Câu sai:

2. Đọc và tuyên dương đoạn, bài hay, có cảm xúc

- Mở bài hay, ngắn gọn (.....).
- Mở bài và kết bài thật mộc mạc, đơn sơ như cảm xúc thật (.....).

⇒ **Bài hay:**

3. Rút kinh nghiệm

- Cần lập dàn ý trước khi làm bài.
- Việc nêu lên cảm xúc cần có những tình cảm chân thực (yêu / ghét). Tránh việc tưởng tượng ra để viết (không hay) vì sẽ làm cho việc biểu lộ tình cảm sai lệch.
- Chú ý các vấn đề ngữ pháp khi viết câu, đoạn....

4. Trả bài

IV. Luyện tập

- Từ nhận xét kết hợp với phần chấm chữa của GV, yêu cầu HS viết lại bài hoàn chỉnh (Thực hiện tại nhà)

.....

Tiết: 78,79 ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

Ngày soạn: 10/3/2026

I. Mức độ tiêu đạt

1. Kiến thức:

- Nắm được một cách có hệ thống các tri thức về đặc trưng, thể loại, giá trị của thơ Nguyên Trãi và kỹ năng viết bài NLXH
- Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm đọc hiểu các tác phẩm thơ cụ thể

2. Phẩm chất: Nhận biết một cách có ý thức về các tác phẩm thơ Nguyễn Trãi.

3. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề - Năng lực hợp tác - Năng lực tự quản bản thân - Năng lực giao tiếp tiếng Việt - Năng lực hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng.

II. Chuẩn bị của GV và HS

1. Giáo viên: - Sách giáo khoa, sách giáo viên- Thiết kế bài học - Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức.- Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng

2. Học sinh: - Ôn lại những kiến thức đã học, soạn các câu hỏi SGK

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động (5P)

- Phương pháp: Dạy học theo HĐ cá nhân, Giải quyết vấn đề
- Kỹ thuật: Giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, động não, trình bày một phút...

HD CỦA GIÁO VIÊN	HD CỦA HỌC SINH	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
GV giao nhiệm vụ: - Suu tầm các bài thơ trong “Quốc âm thi tập” của NG Trãi	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ	Hướng đến nội dung bài học

2. Hoạt động ôn tập (15p)

- * Phương pháp: Dạy học theo nhóm, Giải quyết vấn đề...
- * Kỹ thuật: Chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, động não, trình bày một phút, hỏi và trả lời...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
------------------	------------------	------------------

* Phát vấn: ? Nêu những hiểu biết về “Quốc âm thi tập” ? Nội dung của tập “Quốc âm thi tập” ? Nghệ thuật của tập “Quốc âm thi tập” * Cho HS thảo luận nhóm (4HS) và ghi vào PHT. * Gv chốt lại vấn đề sau khi Hs trả lời. * Hướng dẫn HS làm việc theo tổ - Tổ 1: BT1 - Tổ 2: BT 2 - Tổ 3: BT 3 - Tổ 4: BT 4 * Phát vấn sau đó chốt lại vấn đề.	Trả lời cá nhân Trả lời cá nhân * Làm việc nhóm (theo tổ) sau đó cử đại diện trả lời.	I. ÔN TẬP ĐỌC HIỂU : “Quốc âm thi tập” là tập thơ Nôm của Nguyễn Trãi, cũng là tập thơ Nôm cổ nhất, phong phú nhất của Việt Nam còn lại đến nay. Tập thơ gồm 254 bài chia thành 4 mục: Vô đề (ngôn chí, mạn thuật, trần tình, thuật hứng, tự thuật...); Thi lệnh môn; Hoa mộc môn; cầm thú môn. Phần lớn các bài thơ trong "Quốc âm thi tập" không có nhan đề. Đa phần là thơ tâm sự, tỏ chí hướng, rất khó để biết thời gian sáng tác của từng tác phẩm. Nội dung của tập thơ hướng đến việc ca tụng thú thanh nhàn, tự hào mình đã “đổi công danh lấy một căn câu”... và cũng đề lộ nỗi đau không che giấu là không có cơ hội giúp nước, không gặp người cùng mình thực hiện chí lớn. Ngoài ra, có một số bài làm đề tự răn mình, khuyên bảo con cháu trong nhà giữ vững đạo đức, nhân phẩm, theo đúng lời dạy của thánh hiền (Bảo kính cảnh giới). Cũng là một khía cạnh của thơ tâm sự, thơ về thiên nhiên là một mảng nội dung lớn trong “Quốc âm thi tập”. Thơ thiên nhiên của Nguyễn Trãi hợp với thú an nhàn, làm dịu bớt nỗi đau, trở nên nhẹ nhàng, thanh thoát. Thể thơ trong “Quốc âm thi tập” rất đặc biệt. Có bài thất ngôn bát cú, có bài thất ngôn tứ tuyệt; nhiều bài giữa những câu 7 tiếng, xen 1 - 2 câu 6 tiếng. Đó là thể thơ riêng của thế kỉ XV. Nguyễn Trãi dùng nhiều ca dao, tục ngữ, nhiều từ cổ, và có ý thức dùng từ thuần Việt thay từ Hán Việt. Đặc điểm nổi bật nhất và cũng là thành công lớn nhất về nghệ thuật của tập thơ là đã sử dụng thành công ngôn ngữ tiếng Việt, chữ Nôm. Từ ngữ trong <i>Quốc âm thi tập</i> được tiếp thu từ những thành tựu văn Nôm đời Trần, cải biên từ ngữ liệu Trung Quốc, song chủ yếu là chuốt lọc và phát triển từ tiếng nói của nhân dân. Trong tập thơ này, từ thuần Việt chiếm ưu thế hơn so với từ Hán - Việt, từ đơn âm được dùng với số lượt cao, sử dụng hư từ với tỉ lệ cao... Với lượng từ phong phú, có giá trị nghệ thuật, tác giả <i>Quốc âm thi tập</i> không chỉ thành công trong việc diễn tả những trạng huống tình cảm của bản thân mà còn góp phần thúc đẩy ngôn ngữ văn học viết bằng tiếng Việt phát triển. Không chỉ vậy, sáng tác thơ Nôm, Nguyễn Trãi dựa vào thể thơ
--	--	--

Các bước lập dàn ý bài văn NLXH? - Yêu cầu?		Đường luật song ông chủ trương 285 phát huy cao độ những yếu tố dân tộc về mặt hình thức như cách gieo vần theo gốc dân gian; lối ngắt nhịp câu thơ khiến nhịp ở cuối câu là nhịp chẵn; đưa câu lục vào trong thơ, dùng xen với câu thất ngôn làm cho bài thơ giàu có về tiết điệu. Đó là điều ít gặp trong thơ Đường luật. Có thể xem đây là biểu hiện nỗ lực của Nguyễn Trãi trong hành trình đi tìm một lối thơ dân tộc. II.VIẾT: NLXH 1, Mở bài. – Nêu vấn đề XH cần bàn luận 2, Thân bài * <i>Giải thích vấn đề</i> – Giải thích khái niệm, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề. * <i>Phân tích và chứng minh các khía cạnh của vấn đề</i> Bản chất của thao tác này là nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ; dùng các luận cứ, luận chứng để làm sáng tỏ bản chất của vấn đề. * <i>Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến...) vấn đề:</i> – Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề,– Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm... – Đề xuất giải pháp 3, Kết bài – Khẳng định ý nghĩa -Bài học rút ra
--	--	--

4.Vận dụng (15P)

- Phương pháp dạy học: giao nhiệm vụ
- Kỹ thuật dạy học: giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, trình bày một phút,...

ĐỀ 1:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

Của thết(1) người là của còn,

Khó khăn phải đạo(2) cháo càng ngon.

Thấy ăn chạy đến thì no dạ,

Trợ(3) đánh bênh nhau ắt phải đòn.

Chớ lấy hại người làm ích kỷ,

Trường THPT Đỗ Thị Thu Thủy

Năm học 2025-2026

Hãy năng(4) tích đức để cho con.

Tay ai thì lại làm nuôi miệng,

Làm biếng ngồi ăn lỗ núi non.

(Bảo kính cảnh giới, bài 22, [Nguyễn Trãi](#))

Chú thích: (1) thết: cho, giúp, thết đãi người; (2) đạo: lấy, dùng; (3) trợ: giúp, hộ; (4) năng: thường xuyên.

Câu 1:(0.5 điểm). Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: (0.5 điểm). Bài thơ được trích từ tập thơ nào của Nguyễn Trãi?

Câu 3: (0.5 điểm). Nghĩa của từ “*tích đức*” trong câu thơ *Hãy năng tích đức để cho con* được hiểu như thế nào?

Câu 4:(1.0 điểm). Câu thơ nào trong bài thơ được Nguyễn Trãi vận dụng từ câu thành ngữ: *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ*?

Câu 5: (1.0 điểm). Câu thơ *Trợ đánh bênh nhau ắt phải đòn được* hiểu như thế nào?

Câu 6: (1.0 điểm). Chỉ ra và Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu sau:

Chớ lấy hại người làm ích kỷ,

Hãy năng tích đức để cho con.

Câu 7:(1.0 điểm). Nội dung chính của bài thơ trên?

Câu 8: (0.5 điểm). Anh(chị) rút ra được bài học gì về cách ứng xử do bài thơ gợi ra?

II. VIẾT: (4.0 điểm)

Hãy viết một bài văn (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ về lối sống là chính mình.

ĐỀ 2:

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thầy(1).

Có thân chớ phải(2) lợi danh vầy.

Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén,

Ngày vắng xem hoa bọ (3) cây.

Cây rợp chồi cành chim kết tổ,

Ao quang mầu ầu (4) cá nên bầy.

Ít nhiều tiêu sái (5) lòng ngoài thế(6),

Năng(7) một ông này đẹp thú này

(Ngôn chí 10, Nguyễn Trãi)

Chú thích:(1) Thầy: Sư thầy, sư trụ trì của chùa;(2) : Chớ phải: Chớ bị, chớ phụ thuộc; (3)

Bọ cây:Chăm nom, săn sóc cây; (4) Mầu ầu: Mầm cây củ ầu

(5) Tiêu sái: Thành thoi, thoát tục; (6) Ngoài thế: Tránh xa sự đời bon chen, sát phạt; (7)

Năng (nùng) : Chỉ có

Câu 1: (0.5 điểm). Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: (0.5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ ?

Câu 3: (0.5 điểm). Chỉ ra ngắt nhịp, gieo vần trong hai câu thơ sau:

Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thầy(1).

Có thân chớ phải(2) lợi danh vầy.

Câu 4: (1.0 điểm). Câu thơ *Cảnh tựa chùa chiền, lòng tựa thầy* được hiểu như thế nào?

Câu 5: (1.0 điểm). Phân tích hiệu quả của phép đối được sử dụng trong hai câu thực:

Đêm thanh hợp nguyệt nghiêng chén,

Ngày vắng xem hoa bọ (3) cây.

Câu 6: (1.0 điểm). Nhận xét bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong hai câu thơ sau:

Cây rợp chồi cành chim kết tổ,

Trường THPT Đỗ Thị Thu Thủy

Năm học 2025-2026

Ao quang máu ấu (4) cá nên bày.

Câu 7: (1.0 điểm). Đọc bài thơ, anh(chị) cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn của tác giả?

Câu 8: (0.5 điểm). Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với anh(chị) rút ra được từ nội dung bài thơ?

II. VIẾT: (4.0 điểm)

Hãy viết một bài văn (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh(chị) về lối sống nhàn.

IV. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 PHÚT)

- Yêu cầu HS học thuộc bài.
- Thường xuyên rèn luyện kĩ năng làm văn nghị luận
- Chuẩn bị bài: Ô tập kiểm tra giữa kì II

V.Rút kinh nghiệm:

Tiết 80: TRI THỨC NGỮ VĂN

Ngày soạn: 20/3/2026

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách đặt nhan đề của tác giả nhận biết được mục đích của người viết; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin.
- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin có sự lồng ghép giữa thuyết minh với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và giải thích được mục đích của sự lồng ghép đó; nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.
- Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.
- Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Biết thảo luận về văn bản nội quy

2. Về năng lực

- **Học sinh phát triển:** Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
- **Học sinh viết** được một văn bản thông tin, đánh giá được vấn đề trọng tâm mà thông tin cần có.
- **Học sinh thuyết trình** (giới thiệu, đánh giá) về nội dung văn bản thông tin

3. Về phẩm chất:

- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**1. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập**2. Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: • GV chuẩn bị slide khởi động: Hs quan sát các bức hình. • Học sinh trả lời câu hỏi: Khi quan sát các bức hình, người viết muốn nói với chúng ta thông tin gì?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thiện phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và mong muốn về bài học Bước 4. Kết luận, nhận định	Phân chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên.

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm hiểu truyện kể nói chung và đặc biệt là thể giới thần thoại.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: - Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách đặt nhan đề của tác giả nhận biết được mục đích của người viết; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin. - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin có sự lồng ghép giữa thuyết minh với một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và giải thích được mục đích của sự lồng ghép đó; nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ. - Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin. b. Nội dung thực hiện: • Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa • Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về đặc trưng của VBTT, Bản tin, Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng, sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao phiếu và chia lớp thành 4 nhóm theo dạng KHĂN TRẢI BÀN Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về tri thức ngữ văn.	Phiếu học tập Phân chia sẻ của Học sinh I. Tri thức ngữ văn 1. Đặc trưng của văn bản thông tin. - Là văn bản cung cấp thông tin. - Ghi nhớ thông tin bằng các tiêu chí: Địa điểm thời gian, số liệu xác thực có thể kiểm chứng được. - VBTT có thể lồng ghép với các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... 2. Bản tin - Là văn bản thông tin. - Bản tin là các sự kiện cập nhật. - Ngôn ngữ bản tin thường ngắn gọn, sáng rõ, đơn giản. - Tuy nhiên, để gây ấn tượng mạnh người viết vẫn sử dụng các biện pháp tu từ. - Người tiếp nhận thông tin cần biết đặt câu hỏi: + Tác giả của bản tin là ai? + Lập trường thái độ của người viết là gì? + Các nhân vật, sự kiện, số liệu...trong bản tin được sắp xếp theo trình tự nào? Vì sao tác giả lại có sắp xếp đó? + Những thông tin có đáng tin cậy không? 3. Văn bản nội quy, văn bản hướng dẫn nơi công cộng. - Văn bản nội quy văn bản hướng, dẫn nơi công cộng thường xuất hiện ở những không gian như bảo tàng, di tích, trường học, thư viện người giúp người đọc có thể hiểu rõ các yêu cầu quy định cần Được tuân thủ từ đó có những hành vi đúng đắn phù hợp - Văn bản nội quy văn bản hướng dẫn nơi công cộng có cấu trúc chặt chẽ mạch lạc ngôn ngữ khách quan chính xác rõ ràng dễ hiểu.

GV chiếu một số slide cho học sinh hiểu hơn về 4 nội dung kiến thức trên.	4. Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ. - Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt nghĩa khác nhau các số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể chính xác . - Các đường nối giữa các hình vẽ thường được dùng để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin các biểu đồ sơ đồ dùng trình bày thông tin một cách hệ thống - Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin ,... - Tùy theo mục đích sử dụng mà người biết lựa chọn hai phương tiện ngôn ngữ phù hợp.
--	--

Tiết 81: SỰ SỐNG VÀ CÁI CHẾT

Ngày soạn: 20/3/2026

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức

- **Nhận biết và phân tích được** cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.
- HS phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, suy luận và phân tích được vai trò của các số liệu, dẫn chứng trong việc thể hiện thông tin của văn bản.
- HS nhận biết được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận, tự sự trong văn bản; giải thích được mục đích lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản.
- HS phân tích, đánh giá được quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản.
- HS thấy được mối quan hệ giữa sự sống và cái chết trên Trái Đất.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- HS phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

2.2. Năng lực đặc thù

- **Viết được** văn bản thông tin ngắn.
- **Biết thuyết trình** về một vấn đề; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

3. Phẩm chất**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. KHỞI ĐỘNG**

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học Sự sống và cái chết

b. Nội dung: GV cho HS xem một đoạn video miêu tả về sự sống trên trái đất (phim thể giới động vật) và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề:

-Bạn đã bao giờ chăm bón vun trồng 1 cái cây? Bạn đã bao giờ chăm 1 con thú cưng?

-Theo bạn, có phải trái đất là hành tinh duy nhất có sự sống? Sự sống và cái chết có mối liên hệ như thế nào với nhau?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và đáp án về tìm hiểu sự sống và cái chết

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi gợi mở: *Theo bạn, Liệu cái chết có cần thiết hay không? Trái đất sẽ thế nào nếu thiếu vắng sự sốngem có thể giới thiệu cho cả lớp biết về những cuốn sách, những bộ phim nói về hành trình sự sống và cái chết không?*

- GV mở đoạn video câu chuyện về loài chim tu hú

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS chơi trò chơi, nhìn vào hình ảnh, dự báo hành động của loài chim chích

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trả lời từng hình ảnh.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt:

- GV dẫn dắt vào bài: Sự sống và cái chết là 1 vòng tuần hoàn Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về vòng tuần hoàn đó

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, đặc điểm về văn bản thông tin

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin về sự sống và cái chết

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *sự sống và cái chết*

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả Trịnh Xuân Thuận Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV mời đại diện các nhóm dựa vào nội dung đã đọc ở nhà: <i>Trình bày những hiểu biết của em về tác giả? Em từng đọc những cuốn sách nào của ông?</i> - Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Trịnh Xuân Thuận: 1948 Tại Hà Nội, là nhà Vật lí, thiên văn học người Mỹ gốc Việt. -Ông vừa là 1 nhà khoa học, vừa là 1 nhà văn Các thông tin về khoa học vũ trụ được trình bày bằng ngôn ngữ giàu chất thơ 2. Tác phẩm -Văn bản được trích trong cuốn <i>Từ điển yêu thích bầu trời và các vì sao</i> .

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Các nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi trong SGK Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 1 nhóm lên trả lời câu hỏi, yêu cầu các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc văn đọc, cử chỉ, hành động, nắm bắt các nội dung chính của các đoạn, trả lời câu hỏi sách giáo khoa - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc thông tin trong SGK, chuẩn bị trình bày trước lớp. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 – 3 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm: HS dựa vào trả lời được câu hỏi Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	- Đây là cuốn sách có giá trị: cung cấp cho người đọc thông tin về vũ trụ, giải thích từ ngữ, khám phá vẻ đẹp của sự sống, suy ngẫm về vai trò của con người trong vũ trụ, mối quan hệ giữa cái đẹp, khoa học và thi ca.... 2. Đọc văn bản Văn bản có 4 đoạn: -Đoạn 1: 2 hướng đi cơ bản của lịch sử sự sống trên trái đất -Đoạn 2: chuyến du hành ngược thời gian về thời xa xưa của trái đất -Đoạn 3: Sự thích nghi, sinh tồn, tuyệt chủng của các loài trong quá trình tiến hóa -Đoạn 4:Mối quan hệ giữa sự sống và cái chết, vai trò của chúng đối với các loài trên trái đất
---	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được văn bản *sự sống và cái chết*

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Phân nhóm trả lời các câu hỏi giáo khoa Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia lớp thành 8 nhóm và yêu cầu HS làm việc theo nhóm tìm hiểu văn bản (thời gian: phút)	II. Tìm hiểu chi tiết 1. câu 1: - Đề tài: sự sống và cái chết - Liên hệ với các văn bản khác: <i>Hành trình về phương Đông, Muôn kiếp nhân sinh</i> của John Vũ □ Tác giả tiếp cận vấn đề sự sống và cái chết từ lịch sử tiến hóa của các sinh vật trên trái đất, để thấy

+ Nhóm 1,2: câu 1,2 + Nhóm 3,4: câu 3,4: câu 3,4 + Nhóm 5,6: Câu 5,6 + Nhóm 7,8: Câu 7,8 - Sau pháp mảnh thời gian thảo luận nhóm, các phương ghép và thảo luận cùng các nhóm thành viên trong nhóm thực hiện tách nhóm theo còn lại. - GV cho HS đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, đọc lại văn bản theo yêu cầu, suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ. Câu hỏi 3 có thể chia thành 2 bạn để vẽ sơ đồ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Tuyên dương các nhóm đã hoàn thành bài tập. - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Bước 5: Hs đưa ra ý kiến, Gv lắng nghe, trân trọng ý kiến của HS Bước 6: Nhận xét đặc điểm thể loại văn bản thông tin Yêu cầu HS liên hệ với các văn bản thông tin đã học, tìm ra các yếu tố tự sự, m tả, biểu cảm và các thao tác lập luận Câu 8 - GV yêu cầu HS từ phần tìm hiểu ba văn bản, hãy thảo luận, trả lời các câu hỏi theo cặp, thảo luận hoặc trình bày bằng hình thức tranh vẽ, clip Nhiệm vụ 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 – 3 HS trả lời, yêu cầu	được mối liên hệ giữa sự sống và cái chết cũng như tầm quan trọng như nhau của chúng 2. Câu 2: - Thông tin khái quát ở đ 1 - Triển khai thông tin ở đ 2,3 - Khái quát, mở rộng thông tin ở đoạn 4 (Chú ý các thuật ngữ khoa học, các số liệu, dẫn chứng xuất hiện chủ yếu đoạn 2,3) 3. Câu 3: - sơ đồ thể hiện sự phát triển của lịch sử bằng những con số, từ ngữ chỉ thời gian; thể hiện diện mạo cụ thể của sự sống bằng tên các loài 4. Câu 4: Mối quan hệ giữa các yếu tố như đấu tranh và sinh tồn, tiến hóa giữa sự sống và cái chết là mối quan hệ cùng tồn tại, cùng phát triển, không loại trừ nhau, cái này là 1 phần của cái kia, tương hỗ, phụ thuộc lẫn nhau 5. Câu 5: Thông điệp: niềm tin vào sự sống và cái chết, niềm tin vào tương lai tích cực. 6. Câu 6: Đặc điểm thể loại thể hiện qua văn bản thông tin: bố cục rõ ràng, cách chia đoạn theo luận điểm, mối quan hệ chặt chẽ giữa các đoạn, mức độ sử dụng thuật ngữ chuyên ngành, văn phong khách quan... 7. Câu 7: Không thể thay thế vì nhan đề Sự sống và cái chết có nội hàm rộng hơn, khái quát hơn, trừu tượng hơn, vì thế, có khả năng liên tưởng sâu rộng hơn 8. Câu 8: Kết nối đọc, viết, luyện tập • Sưu tầm, thu thập thông tin về 1 loài vật mà bạn thích. • Trình bày thành đ văn tầm 150 chữ • Lựa chọn 1 bài viết, nhận xét, đánh giá
---	---

cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
 - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức □ Ghi lên bảng.
 - GV giải thích, bổ sung:

Nhiệm vụ 3: Tổng kết

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và ý nghĩa của văn bản *Truyện kể về các vị thần sáng tạo*.

- GV đặt câu hỏi: *Hãy biết thuộc chỉ ra những dấu hiệu nhận nhóm nhận biết giúp người đọc truyện ba thần thoại suy nguyên? Chỉ ra đặc điểm nổi bật*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chốt kiến thức □ Viết lên bảng.

III. Tổng kết

1. Nội dung

– Truyện kể về các vị thần đã sáng tạo ra thế giới. Lí giải và Qua truyện, người xưa nhằm giải thích các hiện tượng tự nhiên và khát vọng nhận thức, chinh phục, sáng tạo thế giới.

2. Nghệ thuật

- Đặc trưng cho nhóm thần thoại suy nguyên:

+ Cốt truyện đơn giản.

+ Thời gian, không gian: Câu thời không gian vũ nhau trụ gian phiếm chỉ, ước lệ và với nhiều cõi khác (thiên đình chuyện mang, trần gian...)

+ Nhân vật chính: là có hình dạng dị thường, các vị thần Trụ Trời, thần Sét, thần Gió có sức mạnh phi thường, tính cách đơn giản, luôn gắn với công việc cụ thể.

+ Thủ pháp nghệ thuật: cường điệu, phóng đại.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức về văn bản *Truyện kể về các vị thần sáng tạo* đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn phân tích một chi tiết kì ảo trong truyện thần thoại đã học hoặc đã đọc.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một chi tiết kì ảo trong một truyện thần thoại đã học hoặc tự đọc thêm.

- GV hướng dẫn HS: chọn theo các bước: Giới thiệu đề tài, gợi ý phân tích giá trị của triển khai nội dung chi tiết chi tiết và lí do lựa chọn; trong việc khắc hoạ nhân vật hoặc thể hiện chủ đề của truyện kể.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV yêu cầu HS nào đã làm xong bài, có thể đem lên để GV nhận xét, chỉnh sửa.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV cho cả lớp nghe một số đoạn văn, yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thành nốt đoạn văn (nếu chưa viết xong).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được đặc điểm thần thoại.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học về thần thoại và cách phân tích đặc điểm thần thoại để phân tích một văn bản khác
- c. **Sản phẩm học tập: podcast của HS**
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Giáo viên giao nhiệm vụ:

- **Nhiệm vụ:** Sau khi đọc hiểu văn bản *Sự sống và cái chết*, các em hãy làm việc nhóm 6 người tại nhà và làm podcast với nội dung “Ngưng làm tổn thương mẹ thiên nhiên”. Podcast tối đa 10 phút và phải có hình ảnh, các phương tiện minh họa sáng tạo. GV cho HS nghe một vài podcast về chủ đề môi trường để HS hình dung ra nhiệm vụ học tập.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy ngẫm và thực hiện tại nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình thông qua group lớp

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét chất lượng từng podcast, share podcast và yêu cầu HS nhận xét chéo từng nhóm.

.....

Tiết 82,83: NGHỆ THUẬT TRUYỀN THÔNG CỦA NGƯỜI VIỆT
(Trích Văn minh Việt Nam)

Ngày soạn: 25/3/2026

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Nắm được các đặc trưng cơ bản của văn bản thông tin.
- Có tri thức về các ngành nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

2. Năng lực

- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.
- HS phân tích và đánh giá được nhan đề của văn bản, dựa vào nhan đề để suy đoán về những nội dung được trình bày trong văn bản.
- HS hiểu được mục đích, thái độ của người viết.
- HS nhận biết và phân tích được giá trị của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản.

3. Phẩm chất

- Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.
- Biết coi trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của người Việt
- Có tinh thần yêu nước và trách nhiệm với giá trị truyền thống của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép...
- SGK, SGV, giáo án...

2. Học liệu: Tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra****3. Bài mới**

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “**Ai nhanh hơn**”. Mỗi tổ sẽ ghi tên lên bảng phụ thứ tự các loại hình nghệ thuật truyền thống của Việt Nam xuất hiện trên máy chiếu hoặc hoàn thành bằng Phiếu học tập số 1. Tổ nào ghi được số lượng nhiều và chính xác, tổ đó giành chiến thắng. HS từ kiến thức qua trò chơi kết nối vào bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV nêu thể lệ trò chơi, có quy định thời gian HS chơi (3 phút)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập: Mỗi tổ là một nhóm, trả lời bằng cách ghi tên các loại hình nghệ thuật truyền thống vào vào phiếu học tập số 1.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trả lời: HS báo cáo kết quả bằng phiếu học tập số 1

Bước 4: Kết luận, nhận xét: GV nhận xét, đánh giá kết quả các tổ, biểu dương, khen thưởng. Giới thiệu thêm một số thông tin về nghệ thuật truyền thống của người Việt, vai trò và giá trị của nghệ thuật truyền thống trong đời sống văn hoá đương đại, trước xu thế giao lưu quốc tế ngày càng rộng rãi.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm**

a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung khái quát về tác giả, văn bản

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV, xem clip vận dụng các tri thức đã được cung cấp trong phần tìm hiểu tác giả, tác phẩm để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: HS nắm được nội dung khái quát về tác giả, văn bản: ý nghĩa nhan đề, nội dung cơ bản của văn bản

d. Tổ chức thực hiện:

*** Nhiệm vụ****B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV gọi HS đọc phần giới thiệu tác giả và văn bản (Trang 82/SGK)

- GV trình chiếu đoạn clip về Nguyễn Văn Huyền

- GV yêu cầu HS:

+ Nêu được một vài thông tin cơ bản về tác giả và văn bản

+ Tìm hiểu về bối cảnh ra đời của văn bản trước khi học và chia sẻ lại những thông tin mình đã thu thập được. Nhiệm vụ này có thể giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Gợi ý: Cuốn sách được viết vào năm 1938, trong thời Pháp thuộc, theo yêu cầu của Nha học chính Đông Dương. Tuy nhiên, do sự kiểm duyệt gắt gao của chính quyền thuộc địa, cuốn sách đã không được xuất bản ngay sau khi tác giả hoàn thành nó, mà phải tới năm 1944 mới được xuất bản. Xét theo bối cảnh rộng hơn, cuốn sách được công bố trong bối cảnh thuộc địa, khi chính quyền thực dân đang đề cao sứ mệnh khai hoá văn minh, và bởi vậy phủ nhận vai trò của văn hoá và truyền thống bản địa. Trong bối cảnh này, có rất ít công bố trước đó nghiên cứu về văn hoá truyền thống của người Việt. Cuốn sách *Văn minh Việt Nam* được coi là một trong những cuốn sách đầu tiên của một tác giả Việt đi sâu nghiên cứu lĩnh vực này.

- GV đặt câu hỏi: *Dựa trên những thông tin về bối cảnh ra đời của văn bản, bạn nhận xét gì về thái độ, lập trường, mục đích viết của tác giả?*

Gợi ý: Có thể nói, cuốn sách *Văn minh Việt Nam* ngầm khẳng định truyền thống lâu đời và sự độc lập của văn hoá Việt, thể hiện sự kháng cự đối với chính quyền thuộc địa và tiếng nói đấu tranh cho tự do học thuật của người Việt.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, gợi mở.

B3: Báo cáo thảo luận

- HS quan sát, tìm ý và nêu thông tin.
- GV quan sát, hỗ trợ.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

I. Tìm hiểu chung**1. Tác giả:**

- **Nguyễn Văn Huyền (1905-1975)** là một Giáo sư, tiến sĩ, nhà sử học, nhà dân tộc học, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam.
- Là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Văn khoa tại Đại học Xơóc – bon (Sorbonne), Paris.
- Ông được giới chuyên môn ở Việt Nam đánh giá là người đặt nền móng cho nghiên cứu văn hoá, văn minh Việt Nam. Các nghiên cứu của ông góp phần khẳng định người Việt Nam có tín ngưỡng của riêng mình.
- Ông có những đóng góp quan trọng và quyết định trong xây dựng nền giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- Năm 2000, được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học xã hội.

2. Văn bản

- Được hoàn thành năm 1939, đến 1944 mới được xuất bản tại Hà Nội.
- Là một phát ngôn đầy tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về văn hóa Việt trước cộng đồng thế giới.

3. Đoạn trích:

- Đoạn trích “*Nghệ thuật truyền thống của người Việt*” được trích từ phần 3, chương 12 của cuốn sách *Văn minh Việt Nam*.
- **Bố cục:** ba phần:
 - + **Đoạn 1:** Từ đầu đến “*đã đạt đến*”: Một số đặc điểm của nghệ thuật truyền thống người Việt
 - + **Đoạn 2:** Tiếp.... “*tác phẩm của họ trở thành độc đáo*”: Thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt
 - + **Đoạn 3:** Còn lại: Một số ngành nghệ thuật truyền thống người Việt

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được nội dung văn bản, xác định được bố cục văn bản, đánh giá được nhan đề của văn bản
- Nhận biết và phân tích được giá trị của những yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản.
- Hiểu được mục đích, thái độ của người viết.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, phiếu học tập, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:**d. Tổ chức thực hiện:*****Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản****Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV hướng dẫn cách đọc: Đọc thành tiếng văn bản, đọc rõ ràng, trôi chảy, rành mạch.

- GV đọc mẫu một vài đoạn.
- HS chú ý các thẻ đọc ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.
- Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.
- + GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Tổ chức trao đổi
- + HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

GV nhận xét cách đọc của HS.

II. Đọc hiểu văn bản**1. Đọc văn bản**

- Đọc
- Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK

Nhiệm vụ 2: Xác định nội dung chính và bố cục văn bản*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc kĩ văn bản, chú ý đến các thể bên phải văn bản, xác định nội dung chính và câu chủ đề của đoạn văn; tìm ra thông tin chính của văn bản.

- Thực hiện theo nhóm: Xác định thông tin chính của văn bản theo gợi ý Phiếu học tập số 2

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm, xác định nội dung chính và câu chủ đề của đoạn văn; tìm ra thông tin chính của văn bản, vẽ sơ đồ tóm tắt các thông tin chính của văn bản, có thể sử dụng sơ đồ tư duy hoặc theo phiếu học tập số 2

Bước 3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày sản phẩm
- GV nghe và hỗ trợ, chốt ý

Bước 4: Kết luận, nhận định**II. Đọc hiểu văn bản**

2. Nội dung chính: Tác giả khẳng định, tự hào đối với truyền thống lâu đời, giá trị và vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống của người Việt.

3. Sơ đồ tóm tắt thông tin văn bản

*** Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung văn bản****B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành 4 nhóm (8 -10 HS/nhóm). (4 nhóm câu hỏi)

Nhóm 1

+ Câu 1: Tác giả đã nhận định như thế nào về khiếu thẩm mỹ của người Việt?

+ Câu 2: Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt?

Nhóm 2

+ Câu 3: Điều gì ảnh hưởng đến việc bảo tồn các di sản nghệ thuật Việt?

+ Câu 4: Theo tác giả, thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt là gì?

Nhóm 3

+ Câu 5: Kiến trúc Việt có những đặc trưng gì? Đặc trưng đó được thể hiện cụ thể như thế nào?

+ Câu 6: Nền điêu khắc Việt có những điểm gì đáng chú ý?

Nhóm 4

+ Câu 7: Để khẳng định khiếu thẩm mỹ của người Việt, tác giả đã triển khai các ý như thế nào trong đoạn mở đầu văn bản? Ngoài cung cấp thông tin, tác giả đã kết hợp thêm các phương thức biểu đạt nào để tạo hiệu quả giao tiếp trong văn bản?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe yêu cầu và thực hiện

B3: Báo cáo thảo luận

- HS lần lượt đọc to, rõ ràng, diễn cảm các đoạn trong văn bản.

- Các nhóm tham gia tích cực vào hoạt động nhóm, nhóm trưởng quản lý nhóm.

+ Các thành viên thảo luận nhóm,

+ Nhóm trưởng ghi lại câu trả lời thống nhất vào Phiếu học tập của nhóm.

- GV quan sát, đánh giá quá trình HS làm việc nhóm.

- Hết thời gian thảo luận nhóm, các nhóm gắn sản phẩm lên bảng.

- Các nhóm báo cáo, trình bày sản phẩm của nhóm. Các nhóm còn lại theo dõi, tham gia thảo luận.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nghe, chốt ý

II. Đọc hiểu văn bản**2. Các đặc điểm cơ bản về nghệ thuật truyền thống người Việt****a. Một số nhận định về khiếu thẩm mỹ của người Việt**

- Nghệ thuật là biểu hiện sâu sắc nhất của tâm tính nhân dân.

- Người Việt có khiếu thưởng thức cái thanh và cái đẹp, thị hiếu vững vàng.

+ Nóc nhà, cột cổng, bình phong tươi tắn, hài hòa phong cảnh.

+ Cột nhà, vách, cửa, dầm nhà tinh vi, lóng lánh.

+ Đồ vật thông thường được trang trí tỉ mỉ.

+ Nữ trang được chế tác tinh tế, đa dạng.

→ Giới thiệu khái quát những đặc điểm chính của từng đối tượng, trước khi trình bày những chi tiết cụ thể. Cung cấp rất nhiều thông tin chi tiết, dẫn chứng để làm rõ khiếu thẩm mỹ của người Việt.

→ Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, thể hiện một cách cụ thể, sinh động vẻ đẹp độc đáo, tinh tế của nghệ thuật Việt; thái độ tự hào, ngưỡng mộ của tác giả trước vẻ đẹp và truyền thống lâu đời của văn hoá Việt.

b. Các yếu tố ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt:

- Tôn giáo, phản ánh tín ngưỡng đa dạng của dân tộc

- Sự thống nhất văn hóa, đặc biệt là Nho giáo.

→ Sự hiểu biết sâu sắc, dẫn chứng rõ ràng.

c. Việc bảo tồn các di sản nghệ thuật Việt

- Khí hậu, hỏa hoạn

- Chính trị, bất ổn...

d. Thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt.

- Không tái hiện đầy đủ và chính xác hiện thực, loại bỏ tính nhục dục.

- Coi trọng tinh thần, mang tính tượng trưng, ước lệ.

e. Một số loại hình nghệ thuật Việt

- Kiến trúc: mang tính tôn giáo, thể hiện cái vĩ đại, bí ẩn, đều đặn, cân xứng (chùa chiền, mồ mã...).

- Điêu khắc có phong cách tạo nhả, sáng tạo.

- Tạc đá, đúc đồng.

→ Nhận định đúng đắn, dẫn chứng cụ thể, rõ ràng, thể hiện sự tự hào về vẻ đẹp của nghệ thuật của truyền thống Việt một cách kín đáo.

□ Nghị luận giúp đưa ra những lập luận, chứng cứ khách quan, giàu sức thuyết phục về sự tồn tại lâu đời của văn hoá Việt.

☞ Sự kết hợp của ba yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong văn bản thông tin đã giúp cho văn bản thông tin không chỉ tác động tới lí trí, mà còn khơi gợi tưởng tượng, cảm xúc của người đọc, và bởi vậy làm gia tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc theo nhóm, thực hành viết theo chủ đề

c. Sản phẩm: Bài viết của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn khoảng 150 chữ tóm tắt được những thông tin thú vị sau khi đọc văn bản.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ và làm việc theo nhóm

B3: Báo cáo thảo luận

- HS trình bày bài viết của nhóm trước lớp.

- HS khác nghe và đóng góp ý kiến

- GV lắng nghe, bổ sung, nhận xét

B4: Kết luận, nhận định

- Sau khi HS viết xong, GV xem nhanh và nhận xét một số bài viết của HS trước cả lớp, đồng thời hướng dẫn các HS khác đọc lại và tự chỉnh sửa bài viết của mình. Khuyến khích HS trao đổi bài viết cũng như nhận xét, góp ý cho nhau.

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Đạt/Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: tóm tắt được những thông tin thú vị sau khi đọc văn bản.	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

Đoạn văn tham khảo

Cuốn sách Văn minh Việt Nam của học giả Nguyễn Văn Huyền được xem là một phát ngôn đầy tinh thần tự tôn dân tộc của người Việt về văn hóa Việt trước cộng đồng thế

giới. Văn bản *Nghệ thuật truyền thống* của người Việt được trích từ cuốn sách này, viết về những nền nghệ thuật truyền thống của người Việt, về những giá trị văn hóa lâu đời được bảo lưu đến ngày nay. Mở đầu, văn bản khẳng định về giá trị của nghệ thuật Việt, về khiếu thẩm mỹ của người Việt. Người Việt có cách thưởng thức cái đẹp độc đáo, họ có thể biến những đồ vật nhỏ bé, tầm thường thành những đồ trang trí tinh tế và đẹp mắt. Nghệ thuật Việt cũng bị ảnh hưởng đôi chút bởi tôn giáo, đặc biệt là tam giáo, tư tưởng của người nghệ sĩ cũng có sự thay đổi để tạo ra những tác phẩm nghệ thuật mang nét mới lạ và đặc trưng của người Việt. Ngoài ra, Việt Nam còn có những nền nghệ thuật tiêu biểu như nghệ thuật kiến trúc với các công trình kiến trúc đền chùa được xây dựng bởi nhu cầu thờ cúng và có tính chất thiêng liêng; hay các tác phẩm điêu khắc gỗ trong đền chùa như chùa Keo ở Thái Bình, chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh, ... đều mang phong cách tao nhã. Bên cạnh đó, nghệ thuật Việt Nam còn tiêu biểu với nghệ thuật đúc đồng có từ những thế kỉ đầu Công lịch, tiêu biểu là những vật rất lớn như bồn vạc ở Huế hay tượng Trấn Vũ ở đền Quán Thánh, Hà Nội đều là những tác phẩm lớn và kì công. Nền nghệ thuật truyền thống của Việt Nam tuy có sự đổi mới theo thời gian nhưng nó vẫn còn giữ được những nét văn hóa mang tính lâu đời, các công trình kiến trúc vẫn bảo lưu được nét đặc trưng của từng thời đại. Người Việt Nam có tinh thần gìn giữ những giá trị văn hóa ấy, bảo lưu được nền nghệ thuật truyền thống của Việt Nam.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế
- Tạo hứng thú trong việc tìm hiểu về những loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc
- Bồi dưỡng tình yêu nước, tự hào về nghệ thuật truyền thống dân tộc, tinh thần trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay đối với đất nước.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thực hiện bài tập ở nhà

c. Sản phẩm Bài báo cáo của HS (yêu cầu bài viết có hình ảnh và lời bình)

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Tìm hiểu một loại hình nghệ thuật truyền thống người Việt ở địa phương em.

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu một loại hình nghệ thuật truyền thống người Việt phổ biến ở địa phương em.
- HS làm việc cá nhân ở nhà và báo cáo tiết sau

B3: Báo cáo thảo luận:

B4: Kết luận, nhận định

PHỤ LỤC (PHIẾU HỌC TẬP)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

LỚP.....NHÓM 1

CÂU HỎI	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
+ Câu 1: Tác giả đã nhận định như thế nào về khiếu thẩm mỹ của người Việt? + Câu 2: Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến nghệ thuật Việt?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
LỚP.....NHÓM 2

CÂU HỎI	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
+ Câu 3: Điều gì ảnh hưởng đến việc bảo tồn các di sản nghệ thuật Việt? + Câu 4: Theo tác giả, thiên hướng sáng tạo nổi bật của nghệ thuật Việt là gì?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
LỚP.....NHÓM 3

CÂU HỎI	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
+ Câu 5: Kiến trúc Việt có những đặc trưng gì? Đặc trưng đó được thể hiện cụ thể như thế nào? + Câu 6: Nền điêu khắc Việt có những điểm gì đáng chú ý?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4
LỚP.....NHÓM 4

CÂU HỎI	DỰ KIẾN TRẢ LỜI
+ Câu 7: Để khẳng định khiếu thẩm mỹ của người Việt, tác giả đã triển khai các ý như thế nào trong đoạn mở đầu văn bản? Ngoài cung cấp thông tin, tác giả đã kết hợp thêm các yếu tố biểu đạt nào để tạo hiệu quả giao tiếp trong văn bản?	

.....

Tiết 84,85: PHỤC HỒI TÀNG OZONE: THÀNH CÔNG HIỂM HOID CỦA NỖ LỰC TOÀN CẦU (Lê My)

Ngày soạn: 28/3/2026

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.
- HS nhận biết được các đặc điểm của loại văn bản thông tin, cụ thể là bản tin qua văn bản được đọc.
- HS nhận biết và phân tích được vai trò của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản, cũng như sự kết hợp giữa chúng với phương tiện ngôn ngữ.
- HS thấy được mối quan hệ giữa câu chuyện về sự thành công của hành trình phục hồi tầng ozone và con đường giải quyết các vấn đề toàn cầu khác.

2. Năng lực

1.1. Năng lực chung:

- NL giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp
- NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết cách xử lí nhiệm vụ theo đúng trọng tâm, sáng tạo trong cách tiếp cận và trình bày vấn đề.

1.2. Năng lực đặc thù:

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ cho học sinh:

- Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp.
- Nêu được ý nghĩa của văn bản thông tin đối với bản thân.
- Phân tích, đánh giá được cách đặt nhan đề và mục đích của người viết, cách đưa tin và quan điểm của người viết bản tin, sự kết hợp giữa các phương tiện giao tiếp trong việc thể hiện thông tin.
- Nhận biết và sử dụng được cách trích dẫn, chú thích trong văn bản; phân tích được vai trò của một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ, ... trong văn bản.
- Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một văn bản thông tin.

2. Phẩm chất:

- Trung thực: Trung thực trong thực hiện và báo cáo các sản phẩm của nhóm
- Trách nhiệm: Trong thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm; Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng; Có thái độ trân trọng đối với những đóng góp lớn của các nhà khoa học, những nỗ lực không ngừng của con người trong việc bảo vệ hành tinh xanh.
- Chăm chỉ: Có tinh thần tích cực trong việc tạo lập văn bản, chia sẻ những cảm nhận của mình về các văn bản thông tin.

3. Phẩm chất

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:

1. Em có theo dõi tin tức không? Em thường theo dõi tin tức trên những kênh truyền thông nào và quan tâm đến những gì khi tiếp nhận thông tin?
2. Hãy theo dõi video sau và ghi lại những tác hại của việc suy giảm tầng ozone?:

<https://www.youtube.com/watch?v=PgeDjhbpZ70>

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh theo dõi video và trả lời câu hỏi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh báo cáo kết quả

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm hiểu về việc phục hồi tầng ozone hiện nay.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Đọc văn bản:

Mục tiêu

- Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề.
- Vận dụng kỹ năng theo dõi, đọc lướt trong quá trình đọc VB.

b. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần Đọc VB (phiếu học tập 01).

c. Tổ chức hoạt động

* **Giao nhiệm vụ HT:** HS đọc to VB trước lớp hoặc đọc cùng nhau trong nhóm, trong quá trình đọc, trả lời các câu hỏi trong khi đọc được nêu ở các thẻ đọc tương ứng. Cụ thể:

- Cách 1: 1 – 2 HS đọc to VB trước lớp, các HS khác lắng nghe, khi đến các phần. Khi xuất hiện các kí hiệu, GV yêu cầu HS tạm dừng khoảng 2 – 3 phút để tất cả HS trong lớp (kể cả HS đang thực hiện nhiệm vụ đọc thành tiếng) trả lời câu hỏi *Trong khi đọc* được nêu ở thẻ câu hỏi tương ứng (HS trả lời độc lập, không trao đổi, thảo luận). Sau đó, GV mời 1 – 2 HS trình bày câu trả lời và tiếp tục tổ chức cho HS đọc to VB.

- Cách 2: Tổ chức cho HS cùng đọc trong nhóm (3 – 4 HS/ nhóm). Tuy nhiên, khi trả lời câu hỏi *Trong khi đọc* ứng với từng thẻ đọc, HS làm độc lập trước khi trao đổi câu trả lời với các bạn trong nhóm. Sau khi trao đổi xong câu hỏi ở phần VB nào thì lại tiếp tục đọc VB và thực hiện các nhiệm vụ đọc tương tự cho đến hết.
- **Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS đọc trực tiếp VB và trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV.
- **Báo cáo, thảo luận**

– Cách 1: Ứng với từng thẻ câu hỏi, GV có thể gọi 1, 2 HS trả lời. Các HS khác nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).

- Cách 2: Ứng với từng thẻ câu hỏi, GV có thể yêu cầu HS trình bày và trao đổi về câu trả lời với các bạn trong nhóm.

Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS; thái độ của HS đối với việc đọc. Đối với câu trả lời của HS, GV không đánh giá đúng/ sai mà tập trung đánh giá cách thức HS thực hiện các kĩ năng đọc thông qua việc trả lời các câu hỏi.

2.2. Tìm hiểu chung

a.Mục tiêu:

- Tìm hiểu xuất xứ của văn bản
- Tìm hiểu những nét cơ bản về thể loại bản tin

b.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm			
Phần này GV giao học sinh chuẩn bị ở nhà, lên lớp chỉ trình bày) -Sử dụng Kỹ thuật HỎI CHUYÊN GIA +HS xung phong (hoặc theo sự phân công của GV) tạo thành các nhóm "chuyên gia" về thể loại Bản tin. + Các "chuyên gia" nghiên cứu và thảo luận với nhau về những tư liệu có liên quan đến bản tin + Một em trưởng nhóm "chuyên gia" sẽ điều khiển buổi "tư vấn", mời các bạn HS trong lớp trong vai “khán giả” đặt câu hỏi rồi mời "chuyên gia" giải đáp, trả lời. - Một số câu hỏi của “khán giả” dành cho "chuyên gia": +Bản tin là gì? Đặc điểm của bản tin? + Cho ví dụ? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Một em trưởng nhóm "chuyên gia" lên điều khiển buổi "tư vấn", mời các bạn HS trong lớp trong vai “khán giả” đặt câu hỏi. - Trưởng nhóm "chuyên gia" có nhiệm vụ trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận	I.Tìm hiểu chung: 1. Xuất xứ: là một bản tin đăng trên báo “Tuổi trẻ cuối tuần”, ngày 30/10/2021) 2. Vài nét về thể loại bản tin - Là một loại của văn bản thông tin, phản ánh sự kiện mới xảy ra hoặc sự kiện được nhiều người quan tâm. Đó có thể là tin ảnh hoặc tin chữ. Văn bản trên có cả kênh hình và kênh chữ nên có thể coi là văn bản đa phương thức. - Đặc điểm: <table><tr><td>Tính thời sự</td></tr><tr><td>Tính chính xác, tin cậy</td></tr><tr><td>Tính hàm súc</td></tr></table>	Tính thời sự	Tính chính xác, tin cậy	Tính hàm súc
Tính thời sự				
Tính chính xác, tin cậy				
Tính hàm súc				

Học sinh trong nhóm "chuyên gia" thay phiên trả lời các câu hỏi của “khán giả”	Cách đưa tin và quan điểm của người viết
Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt những kiến thức cơ bản về văn bản tin GV chốt những kiến thức cơ bản: <i>Ở bản tin trên, tác giả Lê Mỹ đã cung cấp cho người đọc nhiều thông tin về công cuộc phục hồi tầng ozone nhờ nỗ lực của toàn cầu. Thông tin khách quan được truyền tải đầy đủ và chi tiết qua từ ngữ và hình ảnh. Ngoài ra, người đọc dễ dàng nhận ra quan điểm của người viết thông qua những bình luận, phân tích...</i>	Phương tiện phi ngôn ngữ

2.3.Đọc – hiểu chi tiết**a. Mục tiêu:**

- HS quan sát hình thức, cách trình bày văn bản, theo dõi, kết nối thông tin đưa ra trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả.
- NL giao tiếp và hợp tác: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

b.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (1) Cá nhân HS trả lời câu 1 (SGK/ tr. 88). (2) Thảo luận nhóm nhỏ (4 – 6 HS/nhóm), hoàn thành phiếu học tập số 2,34,5 <i>Gợi ý: Em hiểu đề tài của VB là gì? Nếu đề tài của VB được diễn đạt bằng một cụm danh từ, em sẽ dùng cụm từ gì để biểu thị đề tài của VB trên? (Lưu ý: HS có thể đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau miễn là hợp lí.)</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoàn thành phiếu học tập Bước 3: Báo cáo kết quả Đại diện 01 học sinh báo cáo phần tìm hiểu HS khác nhận xét Bước 4: Đánh giá, nhận định GV chốt những kiến thức cơ bản	II. Đọc – hiểu chi tiết 1. Thông tin chính của văn bản, đề tài, nhan đề. - Thông tin chính của văn bản là sự thành công của việc phục hồi tầng ozone. Do tính chất tích hợp của nội dung bài viết nên đây vừa là thông tin khoa học, vừa là thông tin thời sự, chính trị. - Đề tài: bảo vệ sự sống trên Trái đất. - Nhan đề: Giới thiệu khái quát nội dung của VB, tạo sự chú ý và giúp người đọc định hướng nhận biết nội dung VB. Cách đặt nhan đề gây ấn tượng, gồm hai vế, cách giữa bởi dấu hai chấm, hướng việc truyền tải thông tin ngắn gọn, chính xác. Nội dung được triển khai thành các mục được in đậm trong văn bản, có sử dụng kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ. - Sa - pô: Giới thiệu khái quát nội dung của VB, tạo sự chú ý và giúp người đọc định hướng nhận biết nội dung VB. - Phần chữ in đậm: Cung cấp thông tin chính của từng phần/ mục trong VB, tạo bố cục mạch lạc cho VB, giúp người đọc dễ tiếp nhận VB. 2. Những nghiên cứu về tầng ozone (Khoa học vào vai thám tử) . Tầng ozone nằm ở độ cao khoảng 15-40km so với bề mặt Trái Đất, thuộc tầng bình lưu. . Vai trò: như lớp “kem chống nắng” che

- Cùng với đọc, ta còn được “<i>nhìn</i>” hình ảnh trực quan, cụ thể và dễ hình dung nhờ sự hỗ trợ của màu sắc, đường nét. Theo chú thích, thang đơn vị Dobson biểu thị độ dày của lớp Ozone trong khí quyển, người đọc dễ dàng nhận ra sự khác biệt trong hình ảnh mô phỏng lỗ thủng trước khi có giải pháp và sau đó, khi có sự nỗ lực của toàn cầu.	chắn cho hành tinh khỏi tia cực tím(UV). . Nguyên nhân suy giảm tầng ozone: do hợp chất CFC * Hợp chất CFC. - Hợp chất CFC ra mắt lần đầu năm 1930, rẻ tiền, nhiều ứng dụng (làm chất lạnh trong tủ lạnh, máy lạnh...), không tham gia phản ứng hóa học, bay hơi và tích tụ trong bầu khí quyển. - CFC bị phân hủy dưới tia UV, khiến khí Ozone trở thành khí Oxygen, tức bào mòn lớp Ozone. - Những tổn hại to lớn mà chất CFC gây ra đối với tầng ozone được diễn giải bằng các hiện tượng hóa học: một nguyên tử Cl từ một phân tử CFC có thể phá hủy hàng trăm nghìn phân tử ozone. 3. Những nhân tố làm nên thành công của nỗ lực phục hồi tầng ozone (Đồng lòng) - Liên hợp quốc bắt đầu đàm phán về hiệp ước xóa sổ các chất có hại cho tầng ozone từ năm 1986. Năm 1989, Nghị định thư Mông-tơ-rê-an có hiệu lực. - Năm 2008, Nghị định đó của Liên hợp quốc đã được mọi quốc gia trên thế giới phê chuẩn, góp phần đưa đến sự tẩy chay của người tiêu dùng, sự quyết liệt của giới chính trị và nguồn đầu tư vào công nghệ để ngừng sản xuất CFC. 3. Phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ: a. Phương tiện ngôn ngữ: - Chủ yếu sử dụng từ ngữ đơn nghĩa vì nội dung của văn bản cung cấp thông tin có tính học thuật. - Người viết không ngần ngại sử dụng phép tu từ, lối diễn đạt thu hút sự chú ý, gây ấn tượng mạnh với người đọc ngay từ nhan đề. Sa - pô cũng “<i>mời gọi</i>” người đọc: “nếu lâu rồi bạn không nghe tin tức gì về tầng ozone....vận mệnh của mình”. Sa - pô được viết theo cách đưa giả thiết “nếu - thì” và có tính chất đối thoại với người đọc. - Nhiều cách diễn đạt thú vị gọi liên tưởng ở người đọc: <i>khoa học vào vai thám tử, tầng ozone như một lớp kem chống nắng, các nhà khoa học là tuyến phòng thủ đầu tiên...</i> b. Phương tiện phi ngôn ngữ - Hình ảnh lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực giai đoạn 1979-2019 (trích nguồn Đài quan
---	---

Cách kể về sự thành công trong việc phục hồi tầng ozone, cách diễn đạt “<i>gửi gắm</i>” cách đánh giá của cá nhân: “từ đây, cộng đồng quốc tế...”, “<i>Mãi đến năm 1985, thế giới mới giật mình hiểu ra..., may mắn thế giới đã lắng nghe...nhưng cần nhớ rằng công chúng....</i>” thể hiện sự bám sát thông tin của người viết, đồng thời, mỗi chuyển biến của tình thế, người viết lại “<i>nương</i>” theo nội dung mà bộc lộ quan điểm. Trên tổng thể văn bản, người viết đặt niềm tin vào nỗ lực toàn cầu, thể hiện niềm tự hào trước thành quả phục hồi tầng ozone nhờ đồng thuận quốc tế.	sát Trái Đất NaSa) + Các con số thể hiện các mốc thời gian từ năm 1979 đến năm 2019. + Hình vẽ mô phỏng kích thước lỗ thủng qua các năm, mỗi năm độ lớn nhỏ của lỗ thủng sẽ khác nhau nên hình vẽ cũng khác nhau.(từ trái sang phải, từ trên xuống dưới theo thứ tự thời gian) + Thang đơn vị được hiển thị ở góc dưới bên trái của hình ảnh: độ dày của tầng Ozone trong khí quyển theo thứ tự từ mỏng nhất đến dày nhất và biểu hiện bằng màu sắc từ màu đỏ ở mức cảnh báo đến màu xanh đậm là mức an toàn. Các phương tiện phi ngôn ngữ này cho thấy sự thay đổi của lỗ thủng tầng ozone, trong đó có thể nhận thấy xu hướng tăng dần của diện tích lỗ thủng tầng ozone và sự giảm dần độ dày của lớp ozone trong khí quyển qua các năm và những dấu hiệu lạc quan vào năm 2019, khi lỗ thủng tầng ozone cơ bản đã phục hồi độ dày của năm 1979 nhờ những nỗ lực hợp tác toàn cầu. Đây là những dữ liệu cho thấy tầng ozone đang bị đe dọa nghiêm trọng, song con người vẫn có thể chung tay để có thể cải thiện tình trạng này. --> Tác dụng của hình ảnh là cung cấp hình ảnh trực quan, cụ thể và có sử dụng màu sắc hỗ trợ về thông tin lỗ thủng tầng ozone ở Nam cực giai đoạn 1979- 2019 giúp thông tin trong văn bản rõ ràng hơn, người đọc dễ hình dung hơn và thuyết phục được người đọc. 4. Cách bộc lộ quan điểm của người viết - Quan điểm chính: các vấn đề của toàn cầu chỉ có thể được giải quyết khi có sự đồng thuận và chung tay ở cấp độ toàn cầu, giữa công chúng, khoa học và chính trị. Đây là quan điểm hợp lý. - Cách bộc lộ quan điểm: rõ ràng, qua cách đưa tin và quan điểm đưa tin. 5.Một số vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực của toàn cầu và trách nhiệm của công dân toàn cầu. a. <i>Một số vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực của toàn cầu và trách nhiệm của công dân toàn cầu:</i> - Nạn đói.
--	---

	- Ô nhiễm môi trường - Dịch bệnh - Mất cân bằng sinh thái - Bất bình đẳng giới... b. <i>Trách nhiệm công dân toàn cầu:</i> - Chung tay nỗ lực cùng toàn cầu giải quyết vấn đề chung. - Điều chỉnh những hành vi, cách ứng xử của mình với thế giới tự nhiên.
--	---

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu văn bản để thực hành viết kết nối với đọc.

b. Tổ chức thực hiện**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ: HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV với nội dung: Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ nêu suy nghĩ về giải pháp làm giảm rác thải nhựa trên toàn cầu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện bài làm viết kết nối đọc

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS trình bày phần bài làm của mình

Nhận xét bài viết của bạn và chỉnh sửa lại bài viết theo rubric viết

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các bài viết tốt để cả lớp tham khảo

- Gợi ý: Hạn chế sử dụng các sản phẩm từ nhựa và túi nilon, sử dụng các loại túi thân thiện với môi trường, tái sử dụng và tái chế nhựa....

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu hoạt động: HS vận dụng liên hệ với trách nhiệm của bản thân đối với các vấn đề toàn cầu.

b. Tổ chức thực hiện**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**

GV giao nhiệm vụ: HS thực hiện một bài luận ngắn về những việc anh/chị có thể làm để cùng chung tay giải quyết một vấn đề mang tính toàn cầu hiện nay?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS tự lựa chọn một vấn đề mang tính toàn cầu

HS thực hiện bài luận ngắn

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS trình bày phần bài làm của mình. Lắng nghe và nhận xét bài của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chốt lại những nội dung quan trọng

Phụ lục 1. Phiếu học tập

Phiếu học tập số 1. Trả lời câu hỏi <i>Trong khi đọc</i> :	
Câu 1 : Các thông tin về tầng ozone và vai trò của nó? (Quan sát các thẻ đọc: chú ý thông tin về hợp chất CFC, hai nhà khoa học Mô - li-nơ và Rao-lân đã phát hiện ra sự thật gì về chất CFC, những tổn hại to lớn mà hợp chất CFC gây ra với tầng ozone?)	
Câu 2. Liên hợp quốc đã có những nỗ lực gì nhằm xóa sổ các hóa chất có hại cho tầng ozone? Những nhân tố nào làm nên thành công của nỗ lực phục hồi tầng ozone?	

--	--

Phiếu học tập số 2. Trả lời câu hỏi <i>Sau khi đọc:</i>	
Đề tài	Bảo vệ sự sống trên Trái đất
Nhan đề	Khái quát thông tin chính của VB.
Sa - pô	Giới thiệu khái quát nội dung của VB, tạo sự chú ý và giúp người đọc định hướng nhận biết nội dung VB.
Phần chữ in đậm	Cung cấp thông tin chính của từng phần/ mục trong VB, tạo bố cục mạch lạc cho VB, giúp người đọc dễ tiếp nhận VB.

Phiếu học tập số 3.	
<i>Những nghiên cứu về tầng ozone và lỗ thủng tầng ozone</i>	
<i>Vị trí trong bầu khí quyển</i>	
<i>Vai trò</i>	
<i>Hợp chất CFC</i>	
<i>Những nhân tố làm nên thành công của nỗ lực phục hồi tầng ozone</i>	

Phiếu học tập số 4	
<i>Ngôn ngữ của VB này đáp ứng những yêu cầu nào của bản tin? Bạn có đồng tình khi đưa tin coi nhà nghiên cứu khoa học là “thảm tử”, “tuyến phòng thủ” và sự nỗ lực phục hồi tầng ozone là một “cuộc chiến”?</i>	
<i>Tìm những phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ? Nêu tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ?</i>	

Phiếu học tập số 5	
<i>Quan điểm chính của tác giả bài viết?</i>	
<i>Nêu một số vấn đề trên thế giới hiện nay cần đến những nỗ lực của toàn cầu?</i>	
<i>Suy nghĩ về trách nhiệm cá nhân đối với sự tồn vong của nhân loại và Trái Đất?</i>	

.....

Tiết 86, 87. VIẾT**VIẾT MỘT VĂN BẢN NỘI QUY HOẶC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NƠI CÔNG CỘNG**

Ngày soạn: 03/4/2026

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC

Năng lực	Yêu cầu cần đạt (YCCĐ)	Mã hoá YCCĐ hoặc STT
Năng lực đặc thù		
Năng lực viết	Viết được văn bản đúng quy trình.	(1)
	Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng.	(2)
Năng lực chung		
Giao tiếp và hợp tác	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.	(3)
Giải quyết vấn đề	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề, biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	(4)
Phẩm chất		
Trách nhiệm	Có trách nhiệm với công việc được giao.	(5)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

Thiết bị CNTT, phần mềm: Máy tính, điện thoại thông minh, Power Point, phiếu học tập...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

Hoạt động học	Mục tiêu dạy học (Mã hoá của YCCĐ hoặc STT)	Nội dung hoạt động (của HS)	PPDH, KTDH	Phương án đánh giá
Hoạt động 1: Khởi động	(2)	Tìm kiếm hình ảnh trình bày hiểu biết ban đầu về nội dung,	Dạy học hợp tác	Phương pháp: Vấn đáp.

(01 tuần ở nhà trước khi học và 10 phút tại lớp)		hình thức và mục đích sử dụng của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.		
Hoạt động 2: Khám phá kiến thức	(2)	Tìm hiểu đặc điểm của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng và cách viết những văn bản này.	Phân tích mẫu, DH hợp tác.	Phương pháp: Vấn đáp Công cụ: Câu hỏi và đáp án.
Hoạt động 3: Thực hành viết	(1), (2)	Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, có kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ. (GV hướng dẫn từng bước)	Dạy viết dựa trên tiến trình, DH hợp tác	Phương pháp: kiểm tra viết, và đánh giá qua sản phẩm học tập. Công cụ: đề bài, bài viết và bảng kiểm đánh giá bài viết.
Hoạt động 4: Luyện tập (10 phút hướng dẫn trên lớp; hoàn thành bài viết ở nhà)	(1), (2), (3), (4) (5)	Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, có kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.	Dạy viết dựa trên tiến trình, DH hợp tác	Phương pháp: quan sát, kiểm tra viết, và đánh giá qua sản phẩm học tập Công cụ: đề bài, bài viết, bảng kiểm đánh giá bài viết và bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

HOẠT ĐỘNG [1]. [Khởi động]

1. Mục tiêu: HS bước đầu nêu được nhận xét chung về ngôn ngữ trong bản nội quy và bản hướng dẫn nơi công cộng, bước đầu nhận biết được vai trò, hình thức của những văn bản này.

2. Nội dung:

- HS tìm kiếm hình ảnh về nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng
- Tại lớp học, HS xem các hình ảnh do các nhóm đã chuẩn bị ở nhà, trình bày hiểu biết ban đầu về hình thức, nội dung và mục đích sử dụng của chúng.

3. Sản phẩm:

- Hình ảnh giới thiệu một số ví dụ về nội quy và bản hướng dẫn nơi công cộng.
- Câu trả lời của HS (nhận xét chung về hình thức, nội dung và mục đích sử dụng của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng).

4. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ

- GV giao bài tập cho HS. Bài tập cụ thể như sau:

Mỗi nhóm HS:

1. Dùng công cụ Google tìm kiếm hình ảnh về nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, tải xuống và lưu vào máy tính.
2. Nhận xét về **vai trò** của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.
3. Nhận xét khái quát về **ngôn ngữ** được sử dụng trong bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng.
4. Nội quy và bản hướng dẫn nơi công cộng thường được trình bày với **hình thức** như thế nào?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ
- HS quan sát hình ảnh và trả lời cá nhân.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 HS trả lời.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

Dựa trên kết luận về đặc điểm của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, GV nhận xét câu trả lời của HS, ghi nhận những nhận xét bước đầu về ngôn ngữ, vai trò, hình thức của của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng mà HS rút ra được từ việc quan sát hình ảnh

HOẠT ĐỘNG [2]. [Khám phá kiến thức]

1. **Mục tiêu:** (2) Phân tích được đặc điểm cơ bản của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng và trình bày được cách viết những văn bản này.
2. **Nội dung:** HS tìm hiểu văn bản mẫu, trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu, rút ra kết luận về đặc điểm của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng và một số lưu ý khi viết những văn bản này.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời thể hiện kiến thức về đặc điểm văn bản nội quy và văn bản hướng dẫn nơi công cộng và một số lưu ý khi viết những văn bản này.

4. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu phiếu học tập 1, 2, bao gồm văn bản mẫu và câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu; đồng thời phát PHT1 và PHT2 cho các nhóm HS.
- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (nhóm 1, 2 làm phiếu học tập V1; nhóm 3, 4 làm phiếu học tập V2), HS đọc VB mẫu, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập, viết câu trả lời trên giấy A4. Thời gian làm việc cho mỗi nhóm là 10 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm và trình bày sản phẩm (câu trả lời được viết trên giấy A4) ở các vị trí được quy định trong lớp học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện một số nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

- Dựa trên kết luận về đặc điểm của bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV tổng kết, nhấn mạnh:

*** Một số lưu ý khi viết và trình bày bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng:**

** Trước khi viết:*

- Xác định mục đích viết, đối tượng hướng tới, tên bản nội quy/ bản hướng dẫn
- Lập dàn ý: Xác định các nội dung chính, lựa chọn từ ngữ quan trọng, lựa chọn phương tiện phi ngôn ngữ và dự kiến cách trình bày.

** Trong khi viết:*

- Đảm bảo bố cục: tên đơn vị/ tên và chức vụ người ban hành, tên văn bản, nội dung.
- Viết tên văn bản ngắn gọn; diễn đạt các nội dung rõ ràng, cụ thể
- Sắp xếp các nội dung theo thứ tự hợp lý.
- Có thể kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.
- Trình bày khoa học, trang trí phù hợp với nội dung.

** Sau khi viết:* Xem lại bản nội quy/ hướng dẫn và chỉnh sửa nếu cần.

HOẠT ĐỘNG [3]. [Thực hành viết]**1. Mục tiêu:**

- (1) Viết được văn bản đúng quy trình.
- (2) Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, có kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

2. Nội dung: HS thực hành viết một bản nội quy và trình bày trên giấy A4.

3. Sản phẩm: Bản nội quy được HS viết và trình bày trên giấy A4 đáp ứng yêu cầu của đề bài.

4. Tổ chức thực hiện**Bước 1 và 2. Giao nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ**

*** Giao đề bài:**

GV yêu cầu các nhóm HS *thực hành viết một bản nội quy sử dụng trong phòng học Tin học hoặc trong Thư viện trường*. Trong bản nội quy có sự kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ. Nội quy được trình bày trên giấy A4, với các dụng cụ chủ yếu như bút lông, bút màu.

*** Hướng dẫn HS trước khi viết**

- GV hướng dẫn HS **chuẩn bị trước khi viết, tìm ý và lập dàn ý** bằng cách trình chiếu một số câu hỏi để HS thảo luận trong 10 phút:

*** Câu hỏi hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết:**

- + Bản nội quy này được sử dụng ở đâu?
- + Ai là người có thể đọc bản nội quy này?

- + Ai là người ban hành nội quy?
- + Tên của bản nội quy là gì?
- + Bản nội quy sẽ được viết với bố cục như thế nào?
- * Câu hỏi hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:
 - + Bản nội quy sẽ tập trung vào những nội dung nào?
 - + Những nội dung đó nên được thể hiện bằng bao nhiêu điều quy định?
 - + Trong mỗi điều nên nhấn mạnh những từ ngữ nào?
 - + Cách diễn đạt của các điều quy định phải đảm bảo những yêu cầu gì?
 - + Có thể sử dụng kết hợp những phương tiện phi ngôn ngữ nào trong bản nội quy?

- HS thảo luận và viết lên giấy A4.

*** Hướng dẫn HS viết**

- GV phát bảng kiểm số 1 cho mỗi nhóm, nội dung bảng kiểm là các tiêu chí đánh giá bản nội quy.

Bảng kiểm số 1

Đánh giá bản nội quy

Tiêu chí đánh giá	Đạt
1. Bố cục đủ 3 phần: tên nội quy, nội dung và tên đơn vị/ tên và chức vụ người ban hành nội quy.	
2. Tên nội quy ngắn gọn, làm rõ nội dung được quy định	
3. Các quy định được trình bày rõ ràng, cụ thể, theo thứ tự hợp lý	
4. Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ	
5. Tuân thủ quy tắc chính tả, ngữ pháp.	
6. Hình thức trình bày khoa học, trang trí phù hợp với nội dung	

- GV trình chiếu bảng kiểm số 1, phân tích, giải thích các tiêu chí; yêu cầu HS dựa trên dàn ý đã làm và bảng kiểm số 1, viết và trình bày bản nội quy trên giấy A4 trong thời gian 20 phút.

- HS viết và trình bày bản nội quy trên giấy A4.

*** Hướng dẫn HS xem lại và chỉnh sửa**

- GV yêu cầu HS dựa trên các tiêu chí trong bảng kiểm số 1, xem lại bản nội quy đã viết và chỉnh sửa nếu cần. Thời gian thực hiện 10 phút.

- HS xem lại và chỉnh sửa bản nội quy đã viết.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho các nhóm HS dán sản phẩm (bản nội quy đã viết và trình bày trên giấy A4) lên vị trí đã quy định và thuyết minh ngắn gọn.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

- Mỗi nhóm HS dùng bảng kiểm số 1 để đánh giá bài của 1 nhóm khác (theo sự phân công của GV) và GV cũng dùng bảng kiểm này để đánh giá bài của từng nhóm HS.

- Các nhóm HS phản hồi, rút kinh nghiệm và tự chỉnh sửa bản nội quy sau khi nhận được góp ý từ GV và các nhóm khác.

HOẠT ĐỘNG [4]. [Luyện tập]**1. Mục tiêu:**

- (1) Viết được văn bản đúng quy trình.
- (2) Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng, có kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.
- (3) Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
- (4) Có trách nhiệm với công việc được giao trong nhóm.

2. Nội dung:

- GV sử dụng Power Point hướng dẫn HS viết bản nội quy có kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.
- HS viết một bản nội quy dạng Infographic

3. Sản phẩm: Bản nội quy được HS viết và trình bày ở dạng Infographic, đáp ứng yêu cầu của đề bài

4. Tổ chức thực hiện:***Bước 1. Giao nhiệm vụ***

+ GV giao đề bài: *Năm nay em tham gia vào Câu lạc bộ Văn học trong trường. Hãy cùng các bạn viết một bản nội quy sinh hoạt của câu lạc bộ.*

+ GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ được giao theo nhóm. GV phát cho mỗi nhóm bảng kiểm số 2, trong đó có các tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm. HS căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để thảo luận, phân công và thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

Bảng kiểm số 2:**Đánh giá hoạt động nhóm**

Tiêu chí đánh giá	Đạt
1. Các thành viên trong nhóm đã cùng nhau phân tích nội dung của những việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.	
2. Mỗi thành viên trong nhóm đều được phân công nhiệm vụ rõ ràng.	
3. Nội dung nhiệm vụ phù hợp với khả năng của từng thành viên.	
4. Mỗi thành viên trong nhóm đều cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao.	

+ GV yêu cầu HS thảo luận tại lớp về các công việc cần thực hiện để viết bản nội quy với các yêu cầu như đề bài đã nêu và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm HS thảo luận tại lớp về các công việc cần thực hiện để viết bản nội quy với các yêu cầu như đề bài đã nêu và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày các việc nhóm cần làm và danh sách nhiệm vụ cụ thể được phân công cho từng thành viên trong nhóm.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

- GV dựa trên quy trình viết bản nội quy để nhận xét, góp ý cho bảng phân công công việc của các nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP 1

Đọc văn bản *Nội quy học trực tuyến* và trả lời các câu hỏi.

1. Quan sát **bố cục** của bản nội quy, có thể chia bản nội quy thành mấy phần? Đó là những phần nào?
2. Bản nội quy có mấy điều? Nhận xét về **cách diễn đạt** của các điều quy định.
3. a. Bên cạnh phương tiện ngôn ngữ, bản nội quy còn sử dụng **phương tiện phi ngôn ngữ** nào?
b. Phương tiện đó được trình bày như thế nào trong bản nội quy?
- c. Nhận xét về tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ đó.
4. Từ những điều quan sát được, em hãy chỉ ra **một số nội dung cần lưu ý khi viết** một bản

PHIẾU HỌC TẬP 2

Đọc văn bản *Hướng dẫn sử dụng thang máy* và trả lời các câu hỏi.

- 1.** Quan sát **bố cục** của bản hướng dẫn, có thể chia bản hướng dẫn thành mấy phần? Đó là những phần nào?
- 2.** Bản hướng dẫn bao gồm mấy nội dung hướng dẫn chi tiết? Nhận xét về **cách diễn đạt** của các hướng dẫn chi tiết.
- 3.**
 - a. Bên cạnh phương tiện ngôn ngữ, bản hướng dẫn còn sử dụng **phương tiện phi ngôn ngữ** nào?
 - b. Phương tiện đó được trình bày như thế nào trong bản hướng dẫn?
 - c. Nhận xét về tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ đó.
- 4.** Từ những điều quan sát được, em hãy chỉ ra **một số nội dung cần lưu ý khi viết** một bản hướng dẫn nơi công cộng.

Tiết 88**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:****SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ**

Ngày soạn: 08/4/2026

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:** Giúp HS:

- Nhận biết và phân tích được một văn bản thông tin có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ;
- Biết vận dụng những ưu thế của phương tiện phi ngôn ngữ để tạo lập được một văn bản thông tin vừa đúng đặc trưng thể loại, vừa sinh động, hấp dẫn.

2. Năng lực**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: *đọc, tìm hiểu* văn bản thông tin ở phần ĐỌC gồm: *Sự sống và cái chết, Nghệ thuật truyền thống của người Việt, Phục hồi tầng Ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu; tìm kiếm* các nguồn tư liệu liên quan (tranh ảnh, video, bài viết...); *huy động* những trải nghiệm của bản thân (nếu có) về các loại văn bản thông tin.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: xác định được mục đích, nội dung, phương pháp giao tiếp; biết chia sẻ nguồn tư liệu và trải nghiệm của cá nhân; thảo luận nhóm; thuyết trình, đối thoại với các giáo viên và bạn học về các vấn đề của bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: xử lý các tình huống được đặt ra trong bài học.

2.2. Năng lực chuyên biệt: Năng lực ngôn ngữ

- Biết phân tích, đánh giá được vai trò của các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản thông tin;
- Biết đọc - hiểu phương tiện phi ngôn ngữ
- Biết vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ trong thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt đồng thời chú trọng các phương tiện phi ngôn ngữ để phục vụ cho hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả.
- Biết học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi.
- Máy tính, máy chiếu.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Học liệu

- SGK, SGV Ngữ văn 10 (KNTT và CS)
- Kế hoạch bài dạy

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức: GV ổn định, kiểm diện sĩ số

2. Kiểm tra:

- Nêu các đặc trưng của văn bản thông tin?
- Kể tên một số văn bản thông tin đã học và đã tìm hiểu?

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Giúp HS huy động vốn kiến thức và kĩ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức, tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Nội dung

GV chiếu một văn bản thông tin trên báo chí có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

Việt Nam đối mặt với dân số già

25/12/2020 08:56 GMT+7

TTO - Sau khi bắt đầu thời kỳ già hóa dân số vào năm 2011 với tỉ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên chiếm 9,9%, VN sẽ trải qua giai đoạn dân số già từ 2026 - 2054 khi tỉ lệ người 65 tuổi trở lên chiếm từ 10 - 19,9%.

Anh Trần Văn Quỳnh (35 tuổi) và chị Nguyễn Thị Lệ Thu (33 tuổi) cùng các con đi Thảo cầm viên Sài Gòn chiều 24-12 - Ảnh: DUYÊN PHAN

Như vậy, như nhiều chuyên gia từng cảnh báo, VN chưa giàu nhưng dân số đã bắt đầu già hóa. Và từ 2054 - 2069, VN sẽ trải qua giai đoạn dân số rất già, khi người từ 65 tuổi trở lên chiếm 20 - 29,9%. VN cũng được xem là quốc gia có thời gian chuyển từ "già hóa dân số" sang "dân số già" vào nhóm nhanh trên thế giới, dự báo là 20 năm, trong khi Nhật Bản và Trung Quốc là 26 năm, Anh và Tây Ban Nha 45 năm...

Dân số già nhanh

Phát biểu tại hội thảo "Dân số và phát triển", được Tổng cục Dân số - kế hoạch hóa gia đình (Bộ Y tế) tổ chức ngày 24-12, ông Nguyễn Doãn Tú, tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - kế hoạch hóa gia đình, cho rằng một trong những chính sách để hạn chế tốc độ già hóa dân số là duy trì mức sinh thay thế. "Việt Nam đã duy trì được mức sinh thay thế, giữ được tổng tỉ suất sinh ở mức xung quanh 2 con/bà mẹ từ 2006 đến nay" - ông Tú chia sẻ.

Tuy nhiên, những chính sách để hỗ trợ thêm còn rất ít, thậm chí chưa có. "Hãy đặt mình vào vị trí của các công nhân, sinh con nhưng nhà trẻ, trường mẫu giáo... đều ít có hoặc chi phí cao, các gia đình trẻ ít dám sinh con. Ngay các gia đình ở thành thị, hai vợ chồng có công việc ổn định nhưng mức lương thông thường cũng rất khó khăn khi nuôi 2 con ăn học" - ông Tú bình luận.

Chính vì lý do này, dù đã có chính sách nhằm nâng mức sinh ở vùng có mức sinh thấp dưới mức sinh thay thế, đồng thời giảm mức sinh ở vùng có mức sinh cao, nhưng mức sinh được thông báo gần nhất ở TP.HCM ở mức trên 1,3 con/bà mẹ vẫn là mức sinh thấp nhất nước và còn có xu hướng giảm thêm.

"Kinh nghiệm ở Hàn Quốc và nhiều quốc gia cho thấy nếu mức sinh đã xuống thấp sẽ rất khó để tăng sinh trở lại. Khi mức sinh thấp, dân số càng già với tốc độ nhanh hơn" - ông Tú khuyến cáo.

Trong khi đó, theo ông Nguyễn Xuân Trường, vụ trưởng Vụ Cơ cấu và quy mô dân số (Tổng cục Dân số - kế hoạch hóa gia đình), đặc điểm của người cao tuổi ở Việt Nam là trên 70% phải tự lao động kiếm sống với sự hỗ trợ của con cháu, chỉ 25,5% sống bằng lương hưu và trợ cấp xã hội.

Con số này dự báo không có thay đổi nhiều trong thời gian tới. Trong năm 2020, Hà Nội chỉ mới có khoảng 40% người lao động tham gia bảo hiểm xã hội và theo mục tiêu đến năm 2021, 45% người lao động cả nước sẽ tham gia bảo hiểm xã hội. Khi bước vào thời kỳ dân số già, số người già tăng cao cùng với tỉ lệ người già không có lương hưu/trợ cấp cũng tăng theo vô hình trung sẽ là một gánh nặng về an sinh xã hội.

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Dân số -

c. Sản phẩm: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức lớp theo nhóm nhỏ (2 HS cùng bàn)

- GV chuẩn bị câu hỏi đặt vấn đề và các câu hỏi gợi mở giúp HS giải quyết vấn đề.

+ Câu hỏi 1: Quan sát văn bản thông tin vừa trình chiếu trên, em hãy cho biết văn bản trên cung cấp thông tin gì?

+ Câu hỏi 2: Để chuyển tải được những thông tin trên, người viết đã sử dụng những phương tiện nào?

+ Câu hỏi 3: Việc sử dụng kết hợp các phương tiện trên giúp ích gì cho quá trình đọc và tiếp nhận thông tin từ văn bản?

- GV yêu cầu nhóm HS cử đại diện để trả lời câu hỏi của GV

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận: GV yêu cầu một số nhóm trình bày sản phẩm và nhận xét.

Dự kiến sản phẩm HS:

- Văn bản trên cung cấp thông tin ở Việt Nam đang đối mặt với tình trạng dân số già.

- Người viết đã sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (các số liệu được minh họa kèm biểu đồ một cách cụ thể, chi tiết)

- Việc sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ giúp cho người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin, tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin

B4: Kết luận, nhận định

GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới: Đọc, tiếp nhận và tạo lập một văn bản thông tin là một nhu cầu tất yếu của xã hội hiện đại. Bên cạnh việc sử dụng thành thạo phương tiện chủ yếu là ngôn ngữ, văn bản thông tin còn sử dụng các loại phương tiện khác để cung cấp thông tin cụ thể, chính xác đồng thời làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin - đó là phương tiện phi ngôn ngữ. Vậy thế nào là phương tiện phi ngôn ngữ và cách thức sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin thế nào cho hiệu quả, hôm nay chúng ta sẽ đến tiết 7, bài 8 phần thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**Nội dung 1. Bài tập 1 (Trang 89, SGK)**

a. Mục tiêu: HS hiểu những vấn đề thông qua hệ thống câu hỏi a,b,c ở bài tập 1, trang 89 SGK và mục tiêu phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm.

b. Nội dung:

- GV nêu câu hỏi ở bài tập 1, trang 89, SGK;
- GV chia lớp thành 4 nhóm (Mỗi nhóm 10 HS), nhóm 1 trả lời câu hỏi 1a, nhóm 2 trả lời câu hỏi 1b, nhóm 3 trả lời câu hỏi 1c, nhóm 4 làm quan sát viên;
- HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu câu hỏi, yêu cầu các nhóm tiến hành trao đổi, thảo luận và tranh biện. Yêu cầu HS đều phải đưa ra ý kiến để nhóm hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- GV yêu cầu nhóm 4 đóng vai quan sát viên quan sát quá trình làm việc của các nhóm sau đó dùng *Rubrics đánh giá hoạt động nhóm* để đánh giá việc làm của mỗi nhóm.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện trao đổi, thảo luận và hoàn thành Phiếu học tập 1.

B3: Báo cáo thảo luận

- GV xem sản phẩm của HS và yêu cầu HS báo cáo kết quả;
- Dự kiến sản phẩm của HS:

a, Những thông tin được cung cấp trong hình ảnh của văn bản Phục hồi tầng ozone:

- Các con số thể hiện các mốc thời gian từ năm 1979 đến 2019 (40 năm);
- Hình ảnh mô phỏng lỗ thủng tầng ozone ở Nam Cực;
- Thang đơn vị biểu thị độ dày của tầng ozone trong khí quyển.

b, Các thông tin được trình bày một cách rõ ràng, trực quan, sinh động (Có số liệu cụ thể, có hình ảnh, màu sắc đẹp mắt, có nguồn trích dẫn rõ ràng

c, Tác dụng của các hình ảnh giúp cho người đọc thấy được:

- Sự thay đổi của lỗ thủng tầng ozone trong đó có thể nhận thấy xu hướng tăng dần diện tích lỗ thủng tầng ozone và sự giảm dần độ dày của lớp ozone trong khí quyển qua các năm và dấu hiệu lạc quan ở năm 2019 khi lỗ thủng tầng ozone cơ bản đã được phục hồi độ dày của năm 1979 nhờ những nỗ lực hợp tác toàn cầu

--> Đây là những dữ liệu cho thấy tầng ozone đang bị đe dọa nghiêm trọng, song con người vẫn có thể chung tay để cải thiện tình trạng này.

B4: Kết luận, nhận định

Nhờ việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, các thông tin được biểu đạt cô đọng, trực quan, hệ thống, giúp người đọc nắm bắt thông tin một cách hiệu quả.

Nội dung 2.

a. Mục tiêu: HS hiểu những vấn đề thông qua hệ thống câu hỏi a,b,c,d ở bài tập 2, trang 89 SGK và mục tiêu Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm

b. Nội dung: GV nêu câu hỏi ở bài tập 2, trang 89, SGK;

- GV chia lớp thành 5 nhóm (Mỗi nhóm 8 HS), nhóm 1 trả lời câu hỏi 2a, nhóm 2 trả lời câu hỏi 2b, nhóm 3 trả lời câu hỏi 2c, nhóm 4 trả lời câu hỏi 2d, nhóm 5 làm quan sát viên;

- HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 2.

- GV yêu cầu HS thảo luận rút ra kết luận khái quát về các loại phương tiện phi ngôn ngữ thường được sử dụng và tác dụng, cách dùng của từng loại phương tiện.

c. Sản phẩm: HS thực hiện trao đổi, thảo luận và hoàn thành Phiếu học tập 2.

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu câu hỏi, yêu cầu các nhóm tiến hành trao đổi, thảo luận và tranh biện.

- GV yêu cầu nhóm 5 đóng vai quan sát viên quan sát quá trình làm việc của các nhóm sau đó dùng *Rubrics đánh giá hoạt động nhóm* để đánh giá việc làm của mỗi nhóm.

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện trao đổi, thảo luận và hoàn thành Phiếu học tập 2.

B3: Báo cáo thảo luận

- GV xem sản phẩm của HS và yêu cầu HS báo cáo kết quả;

- Dự kiến sản phẩm của HS:

a, Sơ đồ hướng dẫn du lịch sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, đường nét, màu sắc.

b, Những phương tiện đó được trình bày đẹp mắt, logic, khoa học, trong đó, các hình ảnh như cây, hoa, hồ nước biểu thị các điểm tham quan.

- Các nét liền màu đỏ biểu thị đường ô tô, nét đứt màu đỏ biểu thị đường đi bộ, các mũi tên biểu thị hướng đi;

- Các con số biểu thị thứ tự di chuyển, lộ trình di chuyển tới các điểm tham quan.

--> Các phương tiện này được sắp xếp, mô phỏng theo cách sắp đặt, bài trí của không gian thực.

c, Những phương tiện phi ngôn ngữ và phương tiện ngôn ngữ trong sơ đồ được kết hợp một cách hài hòa, trực quan nhằm hỗ trợ tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả đến du khách khi tiến hành đến điểm tham quan.

d, Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ có tác dụng giúp cho người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin, hình dung một cách cụ thể vị trí các không gian, lộ trình di chuyển.

B4: Kết luận, nhận định

. Các loại phương tiện phi ngôn ngữ thường sử dụng gồm: hình ảnh, số

liệu, bảng biểu, sơ đồ...

- Mỗi loại phương tiện phi ngôn ngữ có chức năng biểu đạt ý nghĩa khác nhau. Cụ thể, số liệu thường được sử dụng để cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác. Các đường nối giữa các hình vẽ thường để biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin. Các biểu đồ, sơ đồ giúp trình bày thông tin một cách hệ thống. Các hình ảnh làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin... Tùy theo mục đích sử dụng mà người viết lựa chọn loại phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp.

- Một số lưu ý khi đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ:

+ Chú ý tên, nguồn gốc các hình ảnh, sơ đồ...

+ Quan sát và giải mã ý nghĩa của các phương tiện phi ngôn ngữ,

+ Tìm ra mối liên hệ giữa các phương tiện để phân tích cấu trúc logic của thông tin,

+ Đối chiếu tổng hợp với phần thông tin được trình bày bằng ngôn từ với thông tin được trình bày bằng phương tiện phi ngôn ngữ để hệ thống hóa tri thức.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. **Mục tiêu:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc hiểu để làm bài tập đọc hiểu văn bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

b. **Nội dung:**

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập,

- Giữ nguyên nhóm như đã phân chia ở nhiệm vụ trước, yêu cầu HS tiến hành thảo luận, làm bài tập.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu một văn bản thông tin trên báo chí có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

SỐ CA MẮC SỐT XUẤT HUYẾT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 TĂNG GẤP 22, 7 LẦN SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2021

Thứ tư - 06/07/2022 11:55

Đây là nội dung được Sở y tế báo cáo trong cuộc họp với Đoàn giám sát của Bộ y tế về công tác phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue (SXHD) diễn ra vào chiều qua, ngày 6/7/2022

Tình hình bệnh sốt xuất huyết Dengue
Theo đó, Quận Liên Chiểu, Cẩm Lệ, huyện Hòa Vang có số ca mắc SXHD/100.000 dân cao hơn trung bình 5 năm. Quận Liên Chiểu có tỷ lệ mắc SXHD/100.000 dân năm 2022 cao nhất thành phố và cao gấp 3,56 lần so với trung bình 5 năm.

Biểu đồ phân bố số ca mắc SXHD theo tháng năm 2022 so với cùng kỳ và so với đường cong chuẩn 5 năm gần nhất

- GV tổ chức lớp theo nhóm nhỏ (2 HS cùng bàn), đặt câu hỏi yêu cầu HS trả lời.

+ Câu hỏi 1: Quan sát văn bản thông tin vừa trình chiếu trên, em hãy cho biết văn bản trên đã sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nào?

+ Câu hỏi 2: Nêu tác dụng, hiệu quả của việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ nhằm biểu đạt thông tin?

- GV yêu cầu nhóm HS cử đại diện để trả lời câu hỏi của GV

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp và thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận: GV yêu cầu một số nhóm trình bày sản phẩm và nhận xét.

Dự kiến sản phẩm HS:

- Văn bản trên sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như: số liệu, dùng biểu đồ, dùng hình ảnh..

- Tác dụng, hiệu quả: Thông tin chính xác, khách quan, sinh động về diễn tiến tình hình dịch SXH...

B4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại một số vấn đề cần lưu ý khi đọc hiểu văn bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng năng lực ngôn ngữ để tạo lập được văn bản thông tin có sự kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ.

b. Nội dung:

- HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập,

- HS làm bài tập vào vở ở nhà theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh (Vở bài tập)

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao bài tập cho học sinh: Viết một văn bản thông tin (trong đó sử dụng ít nhất hai loại phương tiện phi ngôn ngữ) để phản ánh không khí sôi nổi của tuổi trẻ lớp 10A trường THPT Trần Quốc Tuấn hưởng ứng các hoạt động tháng thanh niên năm 2023.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS vận dụng kiến thức đã được trang bị để viết được một văn bản theo đúng yêu cầu

B3: Báo cáo thảo luận

- HS báo cáo vào đầu tiết học tiếp theo,

- GV nhận xét, góp ý và ghi điểm

B4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại một số vấn đề cần lưu ý tạo lập bản thông tin có sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ

Phụ lục (Phiếu học tập)**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:****Nhóm:****Họ tên các thành viên nhóm:****Câu hỏi: Quan sát hình ảnh (trang 86) trong văn bản Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn cầu và cho biết:**

Câu hỏi	Câu trả lời
A, Những thông tin được cung cấp trong hình ảnh?	
B, Các thông tin đó được trình bày như thế nào?	
C, Tác dụng của hình ảnh này là gì?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**Nhóm:****Họ tên các thành viên nhóm:****Câu hỏi: Quan sát sơ đồ (Bài tập 2 trang 89, SGK) và cho biết:**

Câu hỏi	Câu trả lời
A, Ngoài các phương tiện ngôn ngữ, sơ đồ trên còn sử dụng những phương tiện nào khác?	
B, Những thông tin đó được trình bày như thế nào và biểu đạt thông tin gì?	
C, Những phương tiện phi ngôn ngữ và những phương tiện ngôn ngữ trong sơ đồ có mối quan hệ với nhau như thế nào?	
D, Những phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong sơ đồ có tác dụng gì	

RUBRICS 1: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ	Tốt	Khá	Trung bình	Cần điều chỉnh
Tiêu chí	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp.	Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu hết thời gian.	Tham gia nhưng thường lảng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng hiện những công việc không liên qua

2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không đưa ra kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến những viên khác và không hợp tác đưa ra ý kiến chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian. thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

RUBRICS 2: CHẤM PHẢN THẢO LUẬN NHÓM

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chĩn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm

	dừng lại ở mức độ biết và nhận diện		Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

NÓI VÀ NGHE

Tiết 90: THẢO LUẬN VỀ VĂN BẢN NỘI QUY HOẶC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN NƠI CÔNG CỘNG

Ngày soạn: 8/4/2026

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đánh giá được văn bản dựa trên các tiêu chí: tính mạch lạc, tính logic của bố cục; sự tường minh của các điều khoản; tính chuẩn mực của ngôn ngữ diễn đạt và chính tả; sự hợp lý của các hình ảnh, lô gô được sử dụng; hiệu quả tác động vào thị giác của phong chữ, màu chữ...

-Nêu được phương án chỉnh sửa cụ thể để có được văn bản hoàn chỉnh.

2. Năng lực:

-Học sinh biết lắng nghe, đối thoại, góp ý, đánh giá, phản biện với những ý kiến khác trên tinh thần xây dựng.

3. Phẩm chất: Biết tôn trọng những quy tắc, quy định chung của nơi công cộng để trở thành một người văn minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

-HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thảo luận.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Phiếu quan sát và thảo luận

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi: -Mỗi khi đi đến nơi công cộng em có hay đọc bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng hay không? -Theo em bản hướng dẫn này có quan trọng trong đời sống không? - Khi đọc văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng em thường nắm được những thông tin gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án: • Khi đến những nơi công cộng cần đọc những văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng. • Văn bản này rất quan trọng để duy trì sự văn minh của quý khách và sự vận hành của nơi công cộng. • Hs nêu những điều mình đã nhớ khi đọc.

Hoạt động 2: Tổ chức hoạt động

-Học sinh có thể điều khiển được hoạt động nói và nghe; có thể trao đổi ý kiến, phản biện với các nhóm khác.

-Học sinh có thể chỉnh sửa để hoàn thiện một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.

b. Nội dung:

Học sinh đọc sách giáo khoa, làm việc nhóm, chuẩn bị trước văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.

c. Sản phẩm: Bài thảo luận của học sinh, lời nhận xét vào phiếu đánh của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập -Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị -HS đọc và ghi chép lại	I. Chuẩn bị nghe - nói 1. Chuẩn bị nói a. Lựa chọn đề tài - Đề tài nói cần được giáo viên giao cho các nhóm chuẩn bị từ nhà. b. Tìm ý và sắp xếp ý - Đặt tên bài nói, chia bố cục... - Xác định và sắp xếp các ý

các thông tin và suy nghĩ của bản thân -HS thực hành lập dàn ý và nói Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói theo chủ đề Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	c. Xác định từ ngữ then chốt Sử dụng các cụm từ phù hợp như: theo tôi, theo ý kiến tôi,... d. Phương tiện hỗ trợ Chuẩn bị phần trình chiếu và văn bản đưa ra thảo luận. 2. Chuẩn bị nghe - Tìm hiểu trước về bài nói - Ghi lại thông tin trong quá trình nghe. II. Thảo luận Khi thảo luận người nói – người nghe cần đảm bảo yêu cầu: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> - Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao </td><td> - Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình </td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao	- Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình
Người nói	Người nghe				
- Nêu đề tài bài nói, trình bày lí do lựa chọn bài nói - Trình bày các ý theo đề cương - Tóm tắt bài nói và mở rộng nâng cao	- Chú ý lắng nghe bài nói - Nghe trên tinh thần xây dựng - Đặt câu hỏi - Trao đổi với người nói một số quan điểm của mình				

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói theo rubic nghe và nói

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Ví dụ: Văn bản nội quy công viên dưới phụ lục 1 Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành thảo luận, các bạn trong lớp nhận xét, chia sẻ theo mẫu phụ lục 2. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	III. Luyện tập 1. Chuẩn bị Đọc kĩ văn bản, lựa chọn và xác định được văn bản nội quy công viên - Mục đích: - Đối tượng: tất cả quý khách ra vào trong công viên. 2. Tìm ý và lập dàn ý -Tiêu đề: Nội quy công viên Giải trí Kittyd & Minnied -Lời dẫn: Các quy định... -Các mục: Gồm 8 mục được đánh
---	---

	theo số thứ tự rõ ràng.
--	-------------------------

Hoạt động 4: củng cố, mở rộng**a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh trao đổi và rút ra các vấn đề từ chính bài nói**b. Nội dung thực hiện:** HS thực hành nói – nghe và trao đổi ý kiến**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV dựa vào bài nói của HS. Có thể tham khảo bài nói ở phụ lục

Hoạt động 5: Thực hành đọc (SGK)**Phụ lục 1****NỘI QUY CÔNG VIÊN GIẢI TRÍ KITTYD & MINNIED**

Các quy định và chính sách của Công viên được đưa ra nhằm đảm bảo cho Quý khách có những trải nghiệm thú vị, thoải mái và an toàn tại Công viên Giải trí Kittyd & Minnied. Do vậy, kính mong Quý khách tôn trọng và thực hiện các quy định sau:

1. Kiểm soát tại cổng:

Nhân viên an ninh, Ban quản lý có quyền kiểm tra trực quan, kiểm tra trực tiếp hoặc kiểm tra bằng các thiết bị đối với quần áo, áo khoác và hành lý cá nhân của khách tham quan trước khi vào hoặc đã vào trong Công viên.

2. Vật dụng mang vào Công viên:

Tất cả các vật dụng lớn, cồng kềnh đều không được phép vào trong Công viên. Quý khách tự giữ gìn, bảo quản tài sản, đồ dùng cá nhân.

Không mang đồ ăn, thức uống vào Công viên, trừ một số loại đồ ăn dành riêng cho trẻ em dưới 6 tuổi, người ăn theo chế độ đặc biệt (có giấy chỉ định của bác sĩ).

3. Các phương tiện vận chuyển, di chuyển trong Công viên:

Vì lý do an toàn, Quý khách không được phép sử dụng xe đạp, xe tay ga hoặc bất kỳ phương tiện nào khác, có gắn động cơ hoặc không gắn động cơ trong Công viên, trừ khi được yêu cầu cho mục đích y tế và có chứng minh với Nhân viên an ninh, Ban quản lý bằng văn bản.

4. Trang phục:

Phải thực hiện trang phục đầy đủ, phù hợp với thuần phong mỹ tục của Việt Nam khi vào Công viên.

5. Đối với trẻ vị thành niên:

Trẻ em dưới 12 tuổi phải đi kèm với cha mẹ hoặc người lớn có trách nhiệm để mua vé vào Khu Công viên và giám sát các em trong khi tham quan Công viên. Hãy luôn luôn giám sát trẻ em.

6. Động vật:

Không cho phép động vật vào trong Công viên, ngoại trừ các động vật hỗ trợ người khuyết tật hoặc động vật hỗ trợ các chương trình biểu diễn. Động vật phải được giữ bằng dây xích và có sự kiểm soát của chủ sở hữu.

7. Tính hợp lệ của vé:

Quý khách phải tự xác minh tính xác thực và tính hợp lệ các vé vào cửa.

8. Trường hợp ra/ vào Công viên:

Quý khách ra khỏi điểm soát vé của Công viên xem như kết thúc vé vui chơi, các trường hợp ngoại lệ sẽ do Công viên quyết định.

Phụ lục 2. Rubic chấm bài nói – nghe

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được thể thức và yêu cầu với một văn bản nội quy hoặc văn bản hướng dẫn nơi công cộng.		
2	Nêu được nhận xét xác đáng về ưu điểm, nhược điểm của văn bản tham gia thảo luận.		
3	Các ý tưởng trình bày rõ ràng, thuyết phục.		
4	Phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hợp lí.		
5	Thực hiện việc đối thoại trên tinh thần hợp tác, tạo ra không khí thảo luận cởi mở, có tinh thần xây dựng.		
6	Thống nhất được với những người tham gia thảo luận về phương án sửa chữa, hoàn thiện văn bản.		

BÀI 9: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG (11 tiết)
Tiết 91,92 VĂN BẢN 1 : VỀ CHÍNH CHÚNG TA

Ngày soạn 10/4/2026

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức

- Mục đích, quan điểm của người viết.
- Cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.
- Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.

2. Năng lực

*** Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.
- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.
- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

*** Năng lực chung**

- Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm.
- Biết hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ học tập.
- Biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

3. Phẩm chất

- Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ: sử dụng trong dạy đọc, viết.
- Phiếu hướng dẫn đọc, phiếu viết, phiếu nói và nghe, bảng tự đánh giá và đánh giá sau khi đọc.
- Clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – con Giấc – sơn ở phần Khởi động

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Ngữ văn 10

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)

a. Mục tiêu:

Trường THPT Đỗ Thị Thu Thủy

Năm học 2025-2026

Huy động, kích hoạt kiến thức đã học trước đó và trải nghiệm của HS có liên quan đến mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Tạo tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

b. Nội dung

- HS xem clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – con Giắc – sơn để nhận ra quan điểm của tác giả về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.
- HS chia sẻ ý kiến về câu hỏi trong SGK: *Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên;* và chia sẻ về vấn đề mối quan hệ của con người với tự nhiên.

c. Sản phẩm

Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS xem clip *Bài ca Trái đất (Earth Song)* của Mai – con Giắc – sơn để nhận ra quan điểm của tác giả về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên được gợi nên từ bài hát.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (theo bàn), rút ra quan điểm của tác giả Mai – con Giắc – sơn về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên và chia sẻ ngắn gọn ý kiến của mình về câu hỏi trong SGK: *Bạn suy nghĩ như thế nào về quan niệm cho rằng con người là chúa tể của tự nhiên.*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và thảo luận nhóm bàn để chia sẻ suy nghĩ của mình.
- GV quan sát, hỗ trợ nhóm HS gặp khó khăn (nếu có).

B3: Báo cáo thảo luận

- GV gọi 3,4 học sinh thuộc nhóm bất kì chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.
- HS ghi lại các ý kiến thảo luận của các nhóm khác vào phiếu ghi chép và nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét phần thảo luận, chia sẻ của HS, ghi nhận những đóng góp tích cực và tôn trọng những ý tưởng khác biệt.
- GV có thể giới thiệu thêm một số quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên như quan niệm của Thiên chúa giáo, Phật giáo, quan điểm của Darwin trong thuyết tiến hóa... (tham khảo các thông tin trong sách giáo viên).

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (55 phút)

Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

* Năng lực đặc thù

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản.
- Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh tri thức hiện đại làm nền tảng cho việc nhận thức lại về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của tác giả.
- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với nhận thức của bản thân về vị trí của mình trong thế giới tự nhiên.

*** Năng lực chung**

- Biết tự tìm kiếm thông tin, tư liệu liên quan tác giả, tác phẩm.
- Biết hợp tác để giải quyết vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ học tập.
- Biết đưa ra được căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó; tôn trọng người đối thoại.

*** Phẩm chất**

- Biết tôn trọng, ứng xử hài hoà với tự nhiên.
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung

- HS thực hiện yêu cầu của GV
- HS sử dụng SGK, hoàn thành Phiếu học tập

c. Sản phẩm

Câu trả lời của HS, phiếu học tập số 1 của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 3-4 học sinh luân phiên đọc thành tiếng văn bản. Các HS khác theo dõi bạn đọc và văn bản trong SGK; trong quá trình đọc cần chú ý các thẻ bên phải văn bản, các từ ngữ khó ở chú thích cuối mỗi trang sách, để hỗ trợ cho việc đọc hiểu. - Yêu cầu HS xác định bố cục, thể loại của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc nối tiếp văn bản; chú ý các thẻ đọc; tham khảo chú thích SGK để giải nghĩa những từ ngữ khó; xác định bố cục văn bản. B3: Báo cáo thảo luận - HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong văn bản, thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải. B4: Kết luận, nhận định - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận	I.Đọc hiểu khái quát 1. Đọc, xác định bố cục của văn bản *Đọc, giải thích từ khó (tham khảo phần chú thích trong sách giáo khoa) * Bố cục: - Phần 1 (đoạn 1,2) (từ đầu đến <i>chúng ta cũng là một phần của thế giới ấy</i>): trình bày quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới. - Phần 2 (đoạn 3-9) (từ <i>Chúng ta</i>, con người đến <i>ngay chính linh hồn của chúng ta cũng chỉ là một ví dụ bé nhỏ</i>): trình bày các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình. - Phần 3 (đoạn 10-13) (từ <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta</i> đến hết): kết luận. * Thể loại: Văn nghị luận
	II. Đọc – hiểu chi tiết
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc kĩ đoạn 1,2 – sgk	1. Phần 1 (đoạn 1,2): Quan điểm của tác giả về vị trí của con người trong thế giới

và trả lời các câu hỏi sau: - Theo em, tác giả nêu hàng loạt câu hỏi ở đoạn 1 có dụng ý gì ? - Câu văn nào trong đoạn 2 thể hiện quan điểm của tác giả? - Nhận xét về cách đặt vấn đề của tác giả? GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (nhóm năm sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn) trình bày kết quả ra bảng phụ. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm. B3: Báo cáo thảo luận - GV nêu câu hỏi, đại diện các nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học	- Dẫn dắt: Tác giả nêu một loạt câu hỏi về vị trí, vai trò của chúng ta trong thế giới vô tận, sinh động. - Nêu quan điểm: “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học, và chúng ta cũng là một phần của cái thế giới ấy.” => Cách đặt vấn đề gợi sự tò mò, kích thích suy nghĩ của tác giả, gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. => Tác giả nêu quan điểm rõ ràng, ngắn gọn. Đó là quan điểm của một nhà khoa học.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS sử dụng phiếu học tập số 1 - Chia lớp 4 nhóm, GV yêu cầu các nhóm đọc đoạn 3 - 9 (sgk), tiến hành trao đổi, thảo luận, hoàn thành phiếu học tập. Yêu cầu HS sử dụng bảng phụ để ghi kết quả thảo luận của mỗi nhóm. - GV yêu cầu 4 HS quan sát quá trình làm việc của các nhóm sau đó dùng Phiếu học tập số 3 Rubrics đánh giá hoạt động nhóm để đánh giá việc làm của mỗi nhóm. Câu hỏi 1: Xác định các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình. (Gợi ý: Hs đọc kỹ các đoạn văn và xác định câu chủ đề của mỗi đoạn. Từ đó xác định các luận điểm chính của tác giả được thể hiện trong văn bản.) Câu hỏi 2: Để làm sáng tỏ các luận điểm chính, tác giả đã sử dụng những	b. Phần 2: Các luận điểm chính của tác giả để bảo vệ cho quan điểm của mình. - Đoạn 3: “Chúng ta”, con người, trước hết là những chủ thể biết quan sát thế giới này; những nhà sáng lập tập thể của bức tranh về thực tại mà tôi đã cố gắng mô tả lại”. - Đoạn 4: “Nhưng chúng ta còn là một bộ phận hữu cơ của thế giới mà ta cảm nhận được; chúng ta không phải người quan sát đứng ngoài cuộc” - Đoạn 5: Khi hiểu biết tăng lên, chúng ta đã biết rằng sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ, và là phần rất nhỏ bé trong đó. - Đoạn 7: “Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới” - Đoạn 9: “Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng mang tính hiện thực không kém vì là một phần của tự nhiên, vì được chia sẻ với thế giới động vật, hay vì được quyết định bởi sự tiến hoá mà loài chúng ta đã trải qua suốt hàng triệu năm”. => Các luận điểm chính:

lí lẽ, bằng chứng nào? Những thông tin khoa học trong văn bản có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính.

(Gợi ý: Hs xác định lí lẽ, bằng chứng theo từng luận điểm. Chú ý:

+ Đoạn 6: Lí lẽ mà tác giả đưa ra dựa trên cơ sở nào? Lí lẽ đó có thuyết phục không? Vì sao?

+ Đoạn 9: Những tri thức khoa học nào đã được đề cập đến trong văn bản? Những tri thức đó bắt nguồn từ đâu? Những tri thức đó có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính?)

Câu hỏi 3: *Chỉ ra và phân tích tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm, các biện pháp tu từ trong văn bản*

Câu hỏi 4: *Tác giả đã trình bày quan điểm về mối quan hệ về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn nào, với một thái độ như thế nào?*

(Gợi ý:

+ Đọc kĩ thông tin về tiểu sử tác giả, liên hệ thông tin này với những thông tin được trình bày trong văn bản.

+ Xem lại các bằng chứng, lí lẽ của tác giả trong văn bản và xác định nguồn gốc của các bằng chứng, lí lẽ đó.

+ Xác định điểm nhìn của nhân vật xưng “tôi” trong văn bản, chú ý đến những thông tin như: “ Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay”, “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học”,...)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập

B3: Báo cáo thảo luận

- HS treo bảng phụ ghi kết quả hoạt động nhóm. GV gọi đại diện 1 nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn.

1-Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ

2-Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới

3-Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.

*** Luận điểm 1: Sự tồn tại của chúng ta chỉ là một phần của vũ trụ**

- Lí lẽ:

+ *Chúng ta là các nút trong một mạng lưới...*

+ *Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử... các thiên hà*

- Dẫn chứng:

+ *Chúng ta được làm ra từ cùng những nguyên tử, cùng những tín hiệu ánh sáng giống như nguyên tử”,*

+ *Chúng ta từng nghĩ rằng mình là thứ tồn tại duy nhất, một chủng loài tách biệt hẳn các động vật và thực vật, rồi phát hiện ra rằng mình là hậu duệ có cùng các tổ tiên với mọi sinh thể quanh ta.*

- Biện pháp tu từ:

+ *Chúng ta từng tin rằng mình... hoá ra không phải vậy. Chúng ta nghĩ rằng mình... rồi phát hiện ra rằng...Chúng ta...Chúng ta...*

Cách nói khẳng định để rồi phủ định, kết hợp với biện pháp điệp ngữ “*chúng ta*” nhấn mạnh đối tượng vấn đề là con người, làm rõ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, tạo nên giọng điệu mạnh mẽ, thể hiện niềm tin chắc chắn của tác giả vào quan điểm của mình.

+ *Chúng ta giống như đứa trẻ, khi lớn lên nhận ra rằng thế giới không chỉ vền vẹn là những gì ở quanh mình như nó tưởng khi còn bé;...*

Biện pháp so sánh có tác dụng:

- Tạo cho lời văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn, không khô khan mà uyển chuyển, bay bổng, giàu sức biểu cảm.
- Gợi hình, gợi cảm, hình dung sự hiểu biết của con người về vũ trụ

HS sử dụng phiếu học tập số 3 Rubric để đánh giá HS hoạt động nhóm.

B4: Kết luận, nhận định

GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học

giống như hiểu biết của đứa trẻ về thế giới xung quanh nó khi còn bé

*** Luận điểm 2: Tri thức của chúng ta chung quy đều phản ánh thế giới**

- Lí lẽ:

+ Mọi vật đều không ngừng tương tác với nhau, và khi làm thế, mỗi người trong chúng ta đều mang theo cái dấu vết của cái mà ta đã tương tác và theo nghĩa ấy, mọi vật không ngừng trao đổi thông tin về nhau

+ Chất liệu căn bản làm nên tư duy của chúng ta là tập hợp vô cùng phong phú các thông tin được tích lũy, trao đổi và không ngừng được xây dựng kĩ lưỡng.

- Bằng chứng: Một giọt mưa chứa thông tin về sự hiện diện của một đám mây trên trời, một tia sáng chứa thông tin về màu sắc của chất đã gửi nó đến mắt ta... tích lũy từ trải nghiệm của tôi.

=> Lí lẽ, dẫn chứng được đưa ra là những tri thức triết học, khoa học tự nhiên hiện đại dựa trên nền tảng của học thuyết tiến hoá, thiên văn học, di truyền học. Đó là những tri thức khách quan, được kiểm chứng bởi các nhà khoa học có uy tín, đã được chứng minh bằng khoa học hiện đại nên chúng rất đáng tin cậy, từ đó góp phần làm sáng tỏ, tăng sức thuyết phục cho luận điểm chính.

- Yếu tố miêu tả và biện pháp tu từ: nhờ sử dụng biện pháp miêu tả tạo nên diễn đạt giàu hình ảnh; sử dụng biện pháp liệt kê một loạt dẫn chứng phong phú để tăng sức thuyết phục cho luận điểm.

*** Luận điểm 3: Các giá trị đạo đức của chúng ta, cảm xúc của chúng ta, tình yêu của chúng ta cũng là một phần của tự nhiên.**

- Lí lẽ, dẫn chứng: Thực tại của chúng ta là những giọt nước mắt và nụ cười, lòng biết ơn và vị tha, sự trung thành và phản bội, là quá khứ luôn ám ảnh chúng ta và sự thanh thản. Thực tại của chúng ta được làm nên từ xã hội của chúng ta, từ cảm xúc nhờ âm nhạc đem lại, từ các mạng lưới kiến thức chung đan dệt phong phú mà chúng ta cùng nhau xây đắp...

- Biện pháp liệt kê, điệp ngữ: “Thực tại

	<i>của chúng ta</i>” giúp lí lẽ, dẫn chứng phong phú, chính xác, giọng văn mạnh mẽ, thuyết phục. * Nhận xét chung: - Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, thuyết phục làm rõ quan điểm (luận đề). - Ngôn ngữ: các biện pháp tu từ, các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp cho người đọc hình dung rõ hơn về các yếu tố được nêu trong đoạn văn; giúp văn bản nghị luận trở nên uyển chuyển, xúc động, sinh động, hấp dẫn, thuyết phục. * Góc nhìn, thái độ của tác giả khi trình bày quan điểm về mối quan hệ giữa con người và thực tại: - Tác giả là một nhà vật lí học thiên văn -> tác giả thể hiện quan điểm về thế giới với tư cách một nhà khoa học, góc nhìn khoa học => vấn đề được nhìn nhận khách quan, chân thực, thuyết phục - Tác giả còn là một nhà triết học -> tác giả thể hiện sự suy tư, cắt nghĩa về bản chất của thực tại, về mối quan hệ giữa con người và thực tại từ góc nhìn triết học => từ đó giúp ông nhận rõ sự nhỏ bé của con người trước sự lớn lao, kì vĩ và vẻ đẹp tuyệt đối của thực tại.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV phát vấn, HS thảo luận nhóm: - Đoạn 10-13 đã kết thúc vấn đề nghị luận như thế nào? - Câu hỏi 5: Tác giả nghĩ gì về khả năng nhận thức thế giới của con người? - Biện pháp nghệ thuật và tác dụng của chúng? - Câu hỏi 6: “<i>Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình</i>”. Bạn nghĩ gì về nhận định của tác giả? Gợi ý: + Tại sao bạn lại nghĩ như vậy? + Lí lẽ, dẫn chứng của bạn là gì? + Liệt kê những lập luận của bạn	c. Phần 3 (đoạn 10-13) (từ <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta</i> đến hết): kết luận - Tác giả khẳng định và nâng cao vấn đề: <i>Tự nhiên là nhà của chúng ta, và sống trong tự nhiên nghĩa là chúng ta đang ở nhà của mình</i>” => Biện pháp so sánh => nhấn mạnh lại mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ giữa con người và tự nhiên, kết luận nâng cao quan điểm chính: <i>Chúng ta là một phần của tự nhiên. Tự nhiên là nhà của chúng ta</i> -> đó là quan điểm đúng đắn. - Tác giả trình bày quan điểm của tác giả về khả năng nhận thức thế giới của con người: + <i>Ai mà biết rằng còn tồn tại bao nhiêu những điều phức tạp phi thường gì khác, dưới các dạng thức mà có lẽ chúng ta không thể hình dung nổi, trong những khoảng không vô tận của vũ trụ</i> + <i>Tri thức của chúng ta về thế giới không</i>

có logic và thuyết phục hay không? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo thảo luận GV nêu câu hỏi, đại diện các nhóm HS trình bày câu trả lời của nhóm. Các nhóm khác góp ý, bổ sung cho phần trình bày của nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận, yêu cầu HS ghi lại những kiến thức quan trọng nhất của bài học	<i>ngừng tăng lên</i> + <i>đại dương mênh mông những gì chưa biết, rực sáng lên vầng hào quang của sự huyền bí</i> -> Biện pháp ẩn dụ => nhấn mạnh những gì chúng ta biết là rất nhỏ bé. -> Yếu tố miêu tả giúp người đọc hình dung được vẻ đẹp kì diệu của thế giới mà ta đang sống -> Yếu tố biểu cảm giúp bộc lộ tình yêu, sự ngưỡng mộ của tác giả đối với sự kì diệu của thực tại. => Quan điểm của tác giả: thế giới mà chúng ta đang sống là mênh mông, vô hạn; những gì mà chúng ta khám phá ra là hữu hạn. Còn rất nhiều điều mà chúng ta vẫn chưa tìm hiểu hết. Nhưng trí tò mò của con người là vô hạn, vì thế, tri thức của ta không ngừng tăng lên.
B1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản bằng câu hỏi: + Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào? + Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản thông tin này? + Đánh giá chung về tác giả. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi của GV. B3: Báo cáo thảo luận 2,3 HS trả lời; các HS khác nhận xét, bổ sung. B4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, chốt lại kiến thức	III. Tổng kết - Nội dung: + Văn bản đã trình bày quan điểm của tác giả về mối quan hệ chặt chẽ của con người với tự nhiên, vị trí của con người trong tự nhiên; chứa đựng những suy tư mang tính chất triết học về thế giới và con người. + Trong đó khoa học, triết học văn chương và tôn giáo đã được kết hợp một cách hài hoà, cho người đọc thấy được vẻ đẹp huyền bí của thế giới. - Nghệ thuật: + Nghệ thuật lập luận chặt chẽ, lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục, yếu tố miêu tả biểu cảm kết hợp. + Ngôn ngữ chính xác mà giàu hình ảnh, biểu cảm, hấp dẫn nhờ sử dụng linh hoạt, hiệu quả các biện pháp tu từ so sánh, điệp cấu trúc, liệt kê và các yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Qua văn bản, tác giả thể hiện tư suy sắc bén của một nhà khoa học, nhà triết học.

Liên hệ và vận dụng thực tiễn
- GV hướng dẫn HS rút ra những bài học, kinh nghiệm cho bản thân bằng cách viết tiếp các gợi ý

Hoạt động 3: Luyện tập (20 phút)

KẾT NỐI ĐỌC - VIẾT

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn nghị luận ngắn (150 chữ) trình bày về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản
- Biết thuyết trình, nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình quan điểm của người nói; Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; Đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó trên tinh thần tôn trọng người đối thoại
- Chăm chỉ, tự giác, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung

Viết đoạn văn

c. Sản phẩm

Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ Đề bài: Nhận thức nào từ văn bản <i>Về chính chúng ta</i> mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình? Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) để chia sẻ về điều này. * Trước khi viết: - GV hướng dẫn HS tự đặt các câu hỏi để tìm hiểu yêu cầu của đề bài: Đề bài yêu cầu viết kiểu bài gì? Nội dung và phạm vi của bài viết như thế nào? - HS chia sẻ quan điểm của mình về câu hỏi: <i>Nhận thức nào từ văn bản “Về chính chúng ta” mà bạn muốn mang theo trong hành trang cuộc sống của mình</i> - GV hướng dẫn HS xác định mục đích của bài viết và người đọc bằng cách gợi ý: văn bản đặt ra rất nhiều vấn đề: mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, khả năng nhận thức của con người về thực	- Nội dung: + Giới thiệu văn tắt thông điệp hoặc bài học mà mình lĩnh hội được khi đọc văn bản <i>Về chính chúng ta</i>. + Trình bày ngắn gọn quan điểm của mình về thông điệp/ bài học ấy. + Chọn lọc các lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình. - Hình thức: + 1 đoạn văn có độ dài khoảng 150 chữ + Sử dụng các kiểu cấu trúc như diễn dịch, quy nạp, tổng hợp, song hành, móc xích để

tại và trả lời các câu hỏi:

- + Bài viết của em hướng tới vấn đề gì?
 - + Tại sao em muốn bình luận về vấn đề này?
 - GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài viết nhiều cách khác nhau. Ví dụ:
 - + Em hãy viết tự do tất cả những ý tưởng nảy sinh trong đầu em về vấn đề hành trang muốn mang theo trong cuộc sống từ văn bản.
 - + Dự định các ví dụ để minh chứng, lấy từ đâu?
 - + Em hãy vẽ sơ đồ tư duy để tìm ý và phát triển ý.
 - + Em có thể dùng bảng biểu để tìm ý và sắp xếp ý.
- Bảng biểu có thể như sau:

Vấn đề nghị luận:		
Luận điểm	Dẫn chứng	Đánh giá của em
1. Luận điểm 1		
2. Luận điểm 2...		

- GV hướng dẫn HS lập dàn ý: GV hướng dẫn HS sắp xếp các ý theo một trật tự để tạo thành dàn bài phù hợp cho bài viết.

*** Viết đoạn văn:**

GV lưu ý cho HS khi viết đoạn văn nghị luận hay cần tác động đến cả lí trí và cảm xúc người đọc.

*** Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết:**

- GV Yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết của mình và HS chỉnh sửa bài cho nhau.
- Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không...

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân thực hiện viết đoạn văn, kết hợp nhóm đôi

B3: Báo cáo thảo luận

- GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả viết bài; và nhận xét điều chỉnh sau khi viết bao gồm cả dàn ý và bài viết hoàn chỉnh.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.
- HS sử dụng phiếu học tập số 2 – Thang đo đánh giá phần thuyết trình tranh biện của HS và Phiếu học tập số 4 – Đánh giá viết đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết.

Dựa trên phản hồi của các HS và câu hỏi hướng dẫn kiểm tra bài viết, GV đánh giá kết quả bài làm của

triển khai đoạn văn.

- + Tác động đến cảm xúc bằng những từ ngữ mạnh miêu tả cảm xúc của người viết, khơi gợi ý thức, trách nhiệm của người đọc hay bằng những câu chuyện cảm động.
- + Yêu cầu chính tả, ngữ pháp

3. Chỉnh sửa đoạn văn:

Kiểm tra lại tất cả các câu xem có tập trung làm nổi bật quan điểm hay không, câu đã có đủ các thành phần chính hay chưa, trình tự sắp xếp các câu có hợp lí không...

HS và hướng dẫn HS những gì cần điều chỉnh, bổ sung.	
--	--

Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút)**a. Mục tiêu:**

HS vận dụng kĩ năng đọc văn bản nghị luận để đọc mở rộng các văn bản nghị luận khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

b. Nội dung**c. Sản phẩm**

Phiếu học tập 3

d. Tổ chức thực hiện:**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Tìm thêm các văn bản, tài liệu khác về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Chỉ ra quan điểm, các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng để bảo vệ quan điểm của mình

HS sử dụng Phiếu học tập số 5 và 6

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và điền các thông tin mình thu thập được vào phiếu học tập sau giờ học

B3: Báo cáo thảo luận

HS chia sẻ các tài liệu mà mình thu thập được cho các bạn trong lớp và nộp lại phiếu học tập cho GV (có thể trưng bày trong bảng tin lớp hoặc trên facebook, padlet...)

B4: Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích

PHỤ LỤC**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 - HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN TRÊN LỚP**

Câu hỏi	Hướng dẫn	Trả lời	
1	- Tìm câu chủ đề của các đoạn văn; chú ý các đoạn 1,2,3,4,7,9 - Tìm mối liên hệ giữa các câu chủ đề - Xác định quan điểm, các luận điểm chính của tác giả		
2	- Tìm các lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm chính; chú ý các đoạn 6,7,8,9 - Đánh giá vai trò của các lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ các luận điểm - Đánh giá tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng Gợi ý: + Đoạn 6: Lí lẽ mà tác giả đưa ra dựa trên cơ sở nào? Lí lẽ đó có thuyết phục không? Vì sao? + Đoạn 9: Những tri thức khoa học nào đã được đề cập đến trong văn bản? Những tri thức đó bắt nguồn từ đâu? Những tri thức đó có ý nghĩa gì trong việc làm sáng tỏ những luận điểm chính?		

3	Xác định và phân tích giá trị của các chi tiết có yếu tố miêu tả, biểu cảm và các biện pháp tu từ		
4	• Đọc kĩ thông tin về tiểu sử tác giả, liên hệ với những thông tin được trình bày trong văn bản • Xem lại các bằng chứng, lí lẽ của tác giả trong văn bản và xác định nguồn gốc, cơ sở của những bằng chứng, lí lẽ của tác giả • Xác định điểm nhìn của nhân vật xưng tôi, các từ ngữ thể hiện thái độ, đánh giá của “tôi” với các đối tượng được nhắc tới; chú ý đến những thông tin như: “ Trong bức tranh khoa học rộng lớn ngày nay”, “Tôi đã trình bày thế giới trông như thế nào dưới ánh sáng khoa học”,...)		
5	• Tìm các chi tiết cho thấy quan điểm của tác giả trong 4 đoạn cuối của văn bản • Khái quát quan điểm của tác giả được ngầm biểu hiện qua những chi tiết vừa tìm được		
6	• Giải thích từ ngữ thể hiện rõ quan điểm của người viết • Đánh giá về tính khách quan, trung thực, tin cậy của nhận định • Nêu quan điểm của mình • Tìm các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

THANG ĐO ĐÁNH GIÁ PHẦN THUYẾT TRÌNH TRANH BIỆN CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí	Mức độ đạt được			
	Tốt (4)	Khá (3)	Trung bình (2)	Cần điều chỉnh (1)
Luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục				
Lập trường vững vàng				
Sử dụng đa dạng, phù hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi trình bày (sơ đồ, hình ảnh)				
Trả lời tốt các câu hỏi của người đối thoại				
Tự tin, lịch sự, tôn trọng người đối thoại				
Tương tác tốt với người nghe				
Giọng nói rõ ràng, lưu loát, truyền cảm				
Điều bộ, nét mặt, cử chỉ phù hợp...				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

RUBRICS ĐÁNH GIÁ HS HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ Tiêu chí	Tốt	Khá	Trung bình	Cần điều chỉnh
	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả thời gian trên lớp.	Tham gia đầy đủ, chăm chỉ làm việc trên lớp hầu hết thời gian.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng hiện những cô không liên qua
2. Trao đổi, tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của những người khác. Thường không có ý kiến riêng trong hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của những người khác, không được ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến những thành viên khác nhưng chưa hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến những thành viên khác và hợp tác đưa ra chung.
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian. thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và làm đình trệ công việc của nhóm.	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời gian và thường buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4
ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN (PHẦN LUYỆN TẬP)

Tiêu chí	Có	Điểm
----------	----	------

- Đảm bảo hình thức của đoạn văn nghị luận			1,0
- Đảm bảo dung lượng của bài luận (400 chữ).			
- Đảm bảo nội dung của đoạn văn nghị luận: + Xác định đúng vấn đề nghị luận + Có lí lẽ, bằng chứng để làm rõ vấn đề			3,0
- Đảm bảo yêu cầu về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp			0,5
- Sáng tạo			0,5

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5
PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN Ở NHÀ (VẬN DỤNG)

TÊN VĂN BẢN	TÊN TÁC GIẢ	QUAN ĐIỂM	LUẬN ĐIỂM	LÍ LẼ	BẰNG CHỨNG

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6
PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐỌC VĂN BẢN Ở NHÀ (VẬN DỤNG)

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1.	Đọc kĩ văn bản		
2.	Xác định luận đề		
3.	Xác định luận điểm chính (đánh dấu vào văn bản/ ghi chú ra giấy nháp)		
4.	Xác định lí lẽ, dẫn chứng		
5.	Xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm, biện pháp tu từ		

.....

Bài 9: HÀNH TRANG CUỘC SỐNG

Tiết 93,94

Văn bản 2: CON ĐƯỜNG KHÔNG CHỌN (Tiết 3 - 4)

Ngày soạn 12/4/2026

Rô-bốt Phờ-rót (Robert Frost)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Giúp HS:

- Biết vận dụng các tri thức đã học về thơ để chiêm lĩnh bài thơ của Rô-bốt Phờ-rót, thông qua hai bản dịch đã được giới thiệu trong SGK.

- Qua việc tìm hiểu bài thơ, HS nhận thức được sự khó khăn và tầm quan trọng của việc quyết định hướng đi cho bản thân trong cuộc sống, sự can đảm và ý thức chịu trách nhiệm trước những lựa chọn của bản thân.

- Hiểu được ý nghĩa giáo dục của bài thơ: Cần lựa chọn giá trị nào làm hành trang cho cuộc sống của mình? Việc lựa chọn này đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình trưởng thành của mỗi cá nhân.

2. Năng lực: Giúp HS:

a. Năng lực chung

Tự chủ và tự học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, sử dụng CNTT...

b. Năng lực chuyên biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến một văn bản thơ nước ngoài mang ý nghĩa triết lý và giáo dục.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con đường không chọn*.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất: Giúp HS:

- Trân trọng những tác phẩm văn học có giá trị giáo dục, nhân sinh lâu bền.

- Thấy được sự cần thiết của văn học đối với con người, vì từ đó, con người có thể rút ra nhiều nhận thức sâu sắc về ý nghĩa cuộc sống, biết nhìn lại mình, định vị bản thân và theo đuổi những giá trị xứng đáng.

- Sống có trách nhiệm với bản thân và những lựa chọn của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, phấn, máy chiếu

2. Học liệu: SGK, sách bài tập, phiếu học tập, tranh ảnh minh họa, bài làm của học sinh.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú và sự chú ý cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Con đường không chọn*.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS tham gia một trò chơi **MẢNH GHÉP**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và bức tranh được mở ra sau những mảnh ghép.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV thông qua luật chơi với HS:

- Một bức tranh bị che đi bởi 6 mảnh ghép. Mỗi mảnh ghép là một câu hỏi liên quan đến những nội dung bài học đã được yêu cầu chuẩn bị ở nhà.

- HS giơ tay sẽ được tùy chọn 1 mảnh ghép bất kỳ để trả lời (mỗi câu trả lời đúng, HS sẽ được nhận một bông hoa may mắn để cộng điểm cho bài kiểm tra thường xuyên sắp tới)

Câu 1: Rô-bốt Phờ-rôt là nhà thơ hiện đại người nước nào?

A. Anh B. Mỹ C. Pháp D. Nga

Đáp án: B

Câu 2: Thành công trong sự nghiệp thơ ca của Rô-bốt Phờ-rót được ghi nhận bằng giải thưởng gì?

Đáp án: Giải thưởng Pu-lít-đơ

(Giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực như báo chí, văn chương, âm nhạc... Rô-bốt Phờ-rót từng được 4 lần nhận giải)

Câu 3: Nhân vật trữ tình của bài thơ *Con đường không chọn* là ai? Trong hoàn cảnh nào?

Đáp án: Nhân vật trữ là “tôi” khi đứng trước một khu rừng với hai lối rẽ và không biết chọn lối nào để đi.

Câu 4: Điền những từ còn thiếu vào câu sau nói về thời điểm ra đời của bài thơ *Con đường không chọn*.

Bài thơ của Phờ-rót ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại mình từng từ bỏ.

Đáp án: lựa chọn – con đường

Câu 5: Bài thơ *Con đường không chọn* của Rô-bốt Phờ-rót được lấy cảm hứng từ thực tế cuộc sống nào của chính nhà thơ?

Đáp án: Những cuộc dạo chơi trong rừng cùng người bạn của ông – nhà thơ Ét-uốt Thô-môt-xơ

Câu 6: Hình ảnh trung tâm trong bài thơ *Con đường không chọn* là hình ảnh nào?

Đáp án: Hình ảnh con đường

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS tham gia trò chơi để mở dần những mảnh ghép của bức tranh của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời từng câu hỏi GV đưa ra.
- Mở được bức tranh

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt.
- GV dẫn dắt vào bài: Bức tranh vừa được mở ra với 6 mảnh ghép là hình ảnh một khu rừng nhỏ với hai con đường mòn hướng về hai phía khác nhau. Trong thực tế cuộc sống, mỗi chúng ta chắc cũng sẽ có một lần đứng trước hoàn cảnh đó mà chúng ta chưa biết lựa chọn con đường nào để đi, để tiếp tục cuộc hành trình của mình. Và bài thơ *Con đường không chọn* của nhà thơ hiện đại người Mỹ Rô-bốt Phờ-rót là những trải nghiệm và triết lý có giá trị của con người trước những ngã rẽ như vậy.

HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu

- Hiểu được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm và vấn đề xã hội đặt ra từ bài thơ.
- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích của văn bản.

- Sau văn bản này học sinh được thực hành đọc 1 số văn bản khác cùng chủ đề: đoạn trích trong “ *Mãi mãi tuổi hai mươi*” (Nguyễn Văn Thạc), “ *Bài ca ngắn đi trên bãi cát*” (Cao Bá Quát)...

b. Nội dung

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

c. Sản phẩm

- Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.
- Kết quả trình bày của HS một số nét cơ bản về tác giả và bài thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu tác giả Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về tác giả Rô-bốt-phơ-rôt. ? Nêu hiểu biết về tác giả (vị trí, ảnh hưởng...) Bước 2. HS suy nghĩ Bước 3. HS trả lời miệng Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. *Nhiệm vụ 2. Đọc văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những hình ảnh. - GV đọc mẫu một đoạn. - HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó. - Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ -HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó. -GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận -Tổ chức trao đổi -HS nhận xét lẫn nhau.	1. Tác giả - (1874-1963) - Nhà thơ Mỹ có tầm ảnh hưởng lớn trong văn học hiện đại. - Ông 4 lần được nhận giải thưởng Pu-lit-đơ – giải thưởng thường niên uy tín của Mỹ trao cho các lĩnh vực báo chí, văn chương, âm nhạc... 2. Tác phẩm a. Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK

Bước 4: Đánh giá, kết luận GV- nhận xét cách đọc của HS. *Nhiệm vụ 3. GV hướng dẫn tìm hiểu chung Bước 1: GV giao nhiệm vụ (phiếu học tập) ? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào? ? Tại sao tác giả lại đặt nhan đề là “<i>Con đường không chọn</i>” chứ không phải “<i>Con đường tôi chọn</i>” hay “<i>Con đường ít người đi</i>”? ?Nhan đề cho thấy tác giả đặt trọng tâm vào điều gì? ? Chia bố cục bài thơ như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận cặp đôi + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức kĩ năng.	b.Tìm hiểu chung - Hoàn cảnh ra đời + Sáng tác năm 1915, lấy cảm hứng từ những cuộc đi dạo trong rừng với người bạn của ông. + Bài thơ ra đời vào thời điểm nhiều người hoài nghi về lựa chọn của bản thân và thường nghĩ rằng họ nên quay lại con đường mình từng từ bỏ. - Nhan đề “<i>Con đường không chọn</i>” +Làm rõ tâm lí phổ biến của con người: Thường nuối tiếc về những gì mình đã không chọn, vì phần lớn những lựa chọn thực tế đều có vẻ bất toàn, không dẫn đến điều mong đợi. +Tâm lí “<i>đứng núi này trông núi nọ</i>” khiến người ta không dốc lòng vào con đường mà mình đã chọn, cũng không đủ can đảm để làm lại, bỏ sang con đường có thể chọn nhưng cuối cùng đã không chọn. -Bố cục: 3 phần +Khổ 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình +Khổ 2,3. Cách chọn đường của nhân vật trữ tình +Khổ 4. Tâm trạng của nhân vật trữ tình
---	--

Nội dung 2: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội của VB; nêu được ý nghĩa của VB đối với quan niệm sống của bản thân.
- Hiểu hoàn cảnh, tâm trạng và sự lựa chọn của nhân vật trữ tình trong bài thơ cũng như tâm trạng chung của một bộ phận trong xã hội lúc bấy giờ.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

* Nhiệm vụ 1. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ - Đọc thầm khổ 1 của văn bản - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm (5 phút) ? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai và đang đứng trước tình huống nào? ? Em đã biết những bài thơ nào	1.Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình - Tình huống: + “<i>thân phận lữ hành</i>”, “<i>đứng mãi</i>” + “<i>chỉ có thể chọn một</i>” + “<i>nhìn theo một lối rẽ bên này</i>” =>Nhân vật trữ tình đang đứng trước con đường có 2 lối rẽ, đang phải chọn một lối đi, đang băn khoăn không biết nên chọn lối đi nào.

nói đến hình ảnh con đường? ? Con đường trong khổ thơ có điểm gì giống và khác so với con đường mà bài thơ khác nói đến? ? Hình ảnh “con đường” và “lối rẽ” trong khổ thơ ẩn dụ cho điều gì? Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ (phiếu học tập) -Tổ chức cho HS thảo luận nhóm (3 nhóm) Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp -GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận -Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. -HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Kết luận: GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung.	- Hình ảnh “con đường” và “lối rẽ” là ẩn dụ về đường đời, về những khúc ngoặt mà bất cứ ai cũng có lúc phải lựa chọn.
--	--

*** Nhiệm vụ 2. Cách chọn con đường của nhân vật trữ tình**

a. Mục tiêu:

- Nhận biết những từ ngữ miêu tả hình ảnh con đường.
- Hiểu được băn khoăn, trăn trở của nhân vật trữ tình khi đứng trước 2 con đường, 2 lối rẽ và cuối cùng đã lựa chọn 1 con đường.
- Hiểu được thông điệp về sự lựa chọn con đường đối với bản thân mỗi con người.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, kỹ thuật mảnh ghép để tìm hiểu sự lựa chọn con đường cho mình của nhân vật trữ tình.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ -HS đọc thầm khổ 2 và 3 của văn bản. - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (7 phút) ? Tìm từ ngữ miêu tả hình ảnh 02 lối rẽ trong khổ thơ. ? Hai lối rẽ ấy khác nhau hay giống nhau nhiều hơn? ? Vì sao nhân vật trữ tình cảm thấy khó khăn khi phải lựa chọn 1 trong 2 lối rẽ? ? Nếu như nhân vật trữ tình không thể lựa chọn cả 2 lối	2. Cách chọn con đường của nhân vật trữ tình - Lối rẽ: “<i>cỏ rậm...lá rơi đầy...chưa đến vết chân ai...</i>”. - Cả 2 lối rẽ đều có vẻ giống nhau và đều “<i>giữ bí mật</i>” về những gì ở phía trước. -> Đó là tình thế khó khăn của đời sống, nhất là khi ta không thể phóng tầm mắt lên trước để xem con đường này dẫn ta tới đâu và liệu nơi đó có như ta kì vọng không? - Tình huống nhân vật trữ tình phải đối mặt thực sự
--	---

rẽ cùng lúc thì anh ta có thể không lựa chọn bất cứ lối rẽ nào được chẳng? Vì sao? ? Cuối cùng nhân vật trữ tình đã đưa ra lựa chọn nào của mình? Anh ta có thực sự tin rằng lối rẽ mình chọn là con đường tốt hơn? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (phiếu học tập) - HS thảo luận. - Các nhóm khớp các phiếu học tập lại thành bảng tổng hợp - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận -Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Kết luận - GV tổng hợp ý kiến, sửa lỗi sai, chốt kiến thức vào bảng tổng hợp chung.	rất khó khăn vì anh ta không thể cùng lúc đi trên 2 con đường. Nhưng nếu từ bỏ sự lựa chọn thì cuộc hành trình không thể bắt đầu và anh ta chỉ mãi giậm chân tại chỗ. Đây không phải là trạng thái sống đúng nghĩa. - Cuối cùng nhân vật trữ tình vẫn lựa chọn 1 lối đi. Nhưng anh ta không tin chắc con đường mình chọn là con đường tốt hơn con đường mình đã không chọn. -> Đó cũng là trạng thái phân vân, băn khoăn khá phổ biến của bộ phận con người không đủ can đảm để dấn thân đến cùng trên hành trình của mình.
---	---

Nhiệm vụ 3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình

a. Mục tiêu

- Hiểu được tâm trạng của nhân vật trữ tình sau khi đã lựa chọn 1 con đường đi.
- Tâm trạng chung của một bộ phận trên hành trình lựa chọn tương lai cho bản thân.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng của NV trữ tình sau khi đã lựa chọn cho mình con đường đi. ? Em có đồng cảm với trạng thái do dự, phân vân của nhân vật trữ tình không? Vì sao? ? Em đã từng lâm vào trạng thái của nhân vật trữ tình chưa? ? Hãy nêu 1 thông điệp có ý nghĩa đối với bản thân em? ? Làm thế nào để chúng ta can đảm hơn trong những lựa chọn của mình trên hành trình trưởng thành?	3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình - Tâm trạng: <i>thở dài</i> -> Dù đã lựa chọn một lối đi nhưng nhân vật trữ tình vẫn do dự, băn khoăn, buồn và nuối tiếc, bởi không tin chắc con đường mình lựa chọn là tốt nhất. -> NV tự đối diện với chính mình, giải đáp những trăn trở, thắc mắc nảy sinh từ chính lòng mình. - NVT cũng tự nhận ra cơ hội khám phá mình, hiểu mình. -> Con người cần dũng cảm trải nghiệm và có lựa chọn con đường cho tương lai.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Trả lời câu hỏi: Sự giống và khác nhau giữa các vị thần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện một nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục 3	
---	--

Nội dung 3. Tổng kết

IV. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB, rút ra thông điệp sâu sắc cho bản thân.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d. Tổ chức thực hiện

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hoạt động cá nhân ? Nhận xét đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ. ? Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với em qua bài thơ này? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. • Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV hướng dẫn, theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV chốt: Rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thần	1. Nghệ thuật 2. Nội dung, ý nghĩa

thoại:	
--------	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức về văn bản *Con đường không chọn* đã học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn, gợi ý cho HS viết một đoạn văn liên quan đến một nội dung trong bài học.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con đường trong bài thơ *Con đường không chọn*.

- GV hướng dẫn HS chọn theo các bước: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hình ảnh con đường. Phân tích ý nghĩa tả thực để từ đó hiểu về ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con đường trong bài...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV yêu cầu HS nào đã làm xong bài, có thể đem lên để GV nhận xét, chỉnh sửa.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV cho cả lớp nghe một số đoạn văn, yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thành nốt đoạn văn (nếu chưa viết xong).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những kiến thức đã được học trong bài để suy nghĩ về định hướng chọn trường, chọn nghề cho bản thân mỗi HS khi đang ngồi trên ghế nhà trường.

b. Nội dung: Dựa vào một bài báo viết về chọn nghề để HS cùng bàn luận, trao đổi và cùng định hướng con đường phía trước.

c. Sản phẩm: Bài viết, bài nói của HS thể hiện những quan điểm và định hướng của cá nhân mình khi mới đang là học sinh lớp 10.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu lên cho HS cùng đọc một bài báo: *Ba lời khuyên lựa chọn nghề nghiệp* – Tiến sĩ Trần Đình Lý – báo Thanh niên, diễn đàn của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam (<https://thanhnien.vn/3-loi-khuyen-lua-chon-nghe-ngiep-post546940.html>)

- GV yêu cầu HS cùng thảo luận về nội dung bài báo và đưa ra ý kiến, định hướng của riêng mình về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đọc bài báo và hoàn thành các câu hỏi.

- GV hỗ trợ HS khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

GV mời 1 – 2 HS trình bày ý kiến cá nhân, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét, góp ý, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, góp ý cho HS.

- Định hướng cho tất cả HS trong lớp.

HOẠT ĐỘNG 5: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- + Nộp sản phẩm vào tiết học sau.
- + GV sử dụng rubric đánh giá
- Tìm đọc thêm các bài thơ cùng chủ đề trong và ngoài nước.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu về văn bản “Một đời như kẻ tìm đường” (trả lời câu hỏi trong SGK)

.....

Tiết 95,96 Văn bản 3: MỘT ĐỜI NHƯ KẺ TÌM ĐƯỜNG

(Trích Phan Văn Trường)

Ngày soạn: 13/4/2026

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài viết.
- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của bài viết.
- Nhận biết được quan điểm của người viết trong văn bản.
- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.

2 . Năng lực:

- Năng lực sáng tạo: HS trình bày suy nghĩ và cảm xúc của bản thân trước nội dung của bài viết.
- Năng lực hợp tác: Thảo luận nhóm để thể hiện cảm nhận của cá nhân và lắng nghe ý kiến của bạn để tự điều chỉnh cá nhân mình.
- Năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ: HS nhận ra được những giá trị thẩm mỹ trong bài viết.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như chăm chỉ, cố gắng, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Video giới thiệu về tác giả và những bài viết khác.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a)

Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** Câu chuyện về sự lựa chọn bản thân:

Cuộc sống là những chuỗi lựa chọn, nhiều lúc chúng ta đi trên một con đường mà chúng ta không hề ngờ đến và rồi nói một câu hên xui may rủi: Nghề chọn mình chứ mình không

chọn nghề hoặc số nó hên nên vậy.

Hai người nông dân muốn rời xa quê để kiếm sống, một người đặt vé đi Thượng Hải, còn

một người đặt vé đi Bắc Kinh, họ ngồi chờ tàu và ngồi tâm sự với nhau về cuộc sống quê nhà.

Nhiều người cùng quê nghe thấy cuộc trò chuyện của 2 người đàn ông lần đầu tiên rời xa

quê nhà thì đều khuyên người đặt vé đi Thượng Hải nên đổi vé đi, vì người Thượng Hải

ranh ma lắm, hỏi đường cũng phải tốn tiền còn người Bắc Kinh thấy không có ăn thì

đồ ăn, lạnh thì cho chăn bông, quần áo cũ.

2 người nghe vậy lẳng lặng ra quầy đổi vé và bất ngờ vì người đặt vé đi Bắc Kinh muốn

đặt vé để đi Thượng Hải còn người đi Thượng Hải lại muốn đặt vé đi Bắc Kinh, vậy là họ

đổi vé cho nhau.

Người trước đây đi Bắc Kinh nghĩ bụng: May quá, chưa đi Bắc Kinh. Thượng Hải để

đường cũng phải chi tiền thế thì không có việc gì mà không thể kiếm được tiền cả.

Còn người định đi Thượng Hải thì lại nghĩ: Bắc Kinh hay hơn, không kiếm được tiền cũng

không đến nỗi chết đói.

Người đi Bắc Kinh cảm thấy cuộc sống ở Bắc Kinh thật tuyệt, anh có thể ăn các món miễn

phí trong siêu thị, có thể uống nước lọc miễn phí ở vài nơi,...

Còn người đi Thượng Hải sau một thời gian sống, cảm thấy đây là một miền đất hứa đối

với mình.

Anh vận dụng kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình, ra vùng ngoại ô Thượng Hải lấy

những bao đất và trộn với lá cây và cát bán cho những người trồng cây cảnh.

Lần đầu tiên, anh kiếm được 60 NDT.

Rồi anh dần dần tiết kiệm được tiền mua được một cửa hàng nhỏ, Rồi một thời gian sau,

ông để ý rất nhiều cửa hàng sạch sẽ nhưng có bảng hiệu rất dơ bẩn, ông ngạc nhiên tìm

hiểu và biết rằng các công ty vệ sinh chỉ dọn dẹp bên trong nhà hàng nhưng lại không quét

dọn các bảng hiệu.

Vậy là ông thành lập công ty chuyên lau chùi bảng hiệu, và hiện tại số nhân công làm cho

ông đã lên tới 150 người.

Sau khi đã có một tài sản nhất định, người đàn ông đi Thượng Hải quyết định bắt tàu đi

Bắc Kinh để tìm hiểu xem có cơ hội kiếm tiền từ thành phố thủ đô này không, Khi đến

Bắc Kinh, một người nhặt rác thò tay và toa giường mềm để xin vỏ lon nhựa, và bất ngờ

thay, người đó lại là người đổi vé với ông năm xưa.

Mỗi sự lựa chọn đều đã định trước cuộc sống sau này của bạn, nếu bạn chọn con đường

với sự ỷ lại, với suy nghĩ tiêu cực thì chắc chắn cuộc sống sau này chẳng bao giờ khấm

khá được đâu, may ra có cô tiểu thư/ chàng nhà giàu nào để mắt tới và rước về nhưng tỷ

lệ này cũng cực kỳ nhỏ bé, may ra được 0,0001 % thôi và nếu có cưới về chắc cũng là

vợ/chồng kiêm thêm chức osin.

Đừng ỷ lại vào người khác nữa, cuộc sống là do chính bạn lựa chọn.--

-Sưu tầm-

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

- GV: gọi 1 – 3 HS chia sẻ về những lựa chọn mình đã thực hiện trong cuộc sống và những hệ quả của những lựa chọn đó.

- GV đặt câu hỏi: Lựa chọn của chúng ta hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai.

- GV đặt câu hỏi: Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

- GV dẫn dắt vào bài học: “Trên đời người thú vị nhất là đến lúc mình đang tìm đường, thì con đường tự nó hiện ra trước mặt mình, làm cho mình chẳng còn chọn lựa gì nữa, phải cứ tiến lên thôi!” (Giáo sư Phan Văn Trường)

Phải khẳng khái mà nói rằng, khi đọc tự truyện của những bậc tiền bối của thế hệ trước, không phải lựa cha chú mà là lựa cha chú của cha chú mình thì mới thấy được cái phong văn hóa và bối cảnh thời đại mà họ sống vĩ đại đến nhường nào. Từng câu chuyện thực tế họ chia sẻ đến những triết lý họ chiêm nghiệm khiến mình đi từ rúng động này đến rúng động khác, cả tâm can dường như bị chấn động mà khó có một tác giả Việt Nam hay nước ngoài nào ở lứa tuổi cha chú mình có thể làm được điều này, nhưng lớp thế hệ vàng trước đó lại là một đẳng cấp hoàn toàn khác. Hôm nay, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản được trích trong “ Một đời như kẻ tìm đường “ của Phan Văn Trường. Để chúng ta có thể thấu hiểu hơn về cuộc sống đã được đọc giả thu tóm được những kinh nghiệm hết sức quý báu từ một người đã sống trọn vẹn hơn 70 năm cuộc đời.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2: Đọc văn bản

a)**Mục tiêu:** Hs đọc, bước đầu cảm nhận nội dung văn bản

b)**Nội dung:** GV yêu cầu HS đọc văn bản

c)**Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d)**Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 3-4 học sinh luân phiên đọc thành tiếng văn bản. Các HS khác theo dõi bạn đọc và văn bản trong SGK; trong quá trình đọc cần chú ý các thẻ bên phải văn bản, các từ ngữ khó ở chú thích cuối mỗi trang sách, để hỗ trợ cho việc đọc hiểu. - Yêu cầu HS xác định bố cục, thể loại của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc nối tiếp văn bản; chú ý các thẻ đọc; tham khảo chú thích SGK để giải nghĩa những từ ngữ khó; xác định bố cục văn bản. B3: Báo cáo thảo luận - HS thảo luận về cách phân chia bố cục trong văn bản, thực hiện các nhiệm vụ ở các thẻ đọc phía bên phải. B4: Kết luận, nhận định - GV ghi nhận các ý kiến của HS, nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm và rút ra kết luận	1. Đọc văn bản - Hs đọc - Hs thảo luận trả lời các câu hỏi ở thẻ hướng dẫn đọc
Hoạt động 3: khám phá văn bản	

a) Mục tiêu: HS nắm được cách đọc văn bản

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản

* GV hướng dẫn cách đọc: HS đọc to rõ.

GV đọc trước một đoạn.

* GV cho HS trả lời các câu hỏi ở phần đọc:

- *Mỗi lựa chọn của chúng ta ngày hôm nay có ảnh hưởng như thế nào tới cuộc sống của chúng ta trong tương lai? Làm thế nào để đưa ra những lựa chọn đúng trong cuộc đời?*

- *Dựa đoán về nội dung sẽ được trình bày trong văn bản.*

- *Người viết đã nêu lên những tình huống lựa chọn nào?*

- *Chủ ý những suy ngẫm, đúc rút của người viết.*

- *Chủ ý cách lý giải về mối quan hệ giữa lựa chọn và số phận.*

- *Những đúc rút, suy ngẫm của người viết.*

- *Giọng điệu của người viết.*

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: GV phân nhiệm vụ chia nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi ở SGK.

Nhóm 1: Theo bạn, mục đích của bài viết này là gì?

Xác định quan điểm chính của tác giả trong bài viết này.

Quan điểm ấy đã được triển khai qua hệ thống lí lẽ và bằng chứng như thế nào?

Nhóm 2: Chỉ ra các yếu tố tự sự, biểu cảm và phân tích tác dụng của chúng trong văn bản.

Nhan đề của bài viết là *Một đời như kẻ tìm đường*. Nhưng trong bài viết, tác giả lại nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.” Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa?

Nhóm 3: Hãy nêu một luận điểm trong bài viết trên mà bạn thấy tâm đắc hoặc còn băn khoăn. Lí do nào khiến bạn thấy luận điểm ấy thuyết phục mình hay làm bạn muốn đối thoại với tác giả?

Nhóm 4: Từ bài thơ *Con đường không chọn* và bài

II. Đọc – hiểu văn bản

Nhóm 1: Mục đích của bài viết là muốn

truyền tải đến người đọc rằng trong cuộc đời có nhiều lúc chúng ta phải lựa chọn, lựa chọn đó có thể làm thay đổi cuộc sống của chúng ta hoặc là thành công, hạnh phúc hoặc thất bại, đau khổ và điều đó tùy vào chính tâm trạng của chúng ta.

- Quan điểm chính của tác giả trong bài viết này là cuộc đời của chúng ta như một con đường với hàng ngàn khúc quanh, đến khúc quanh nào chúng ta cũng bắt buộc phải có những lựa chọn dù những lựa chọn đó chưa chắc đã là cuộc đời tương lai của chúng ta.

- Những lí lẽ, bằng chứng được triển khai là:

+ Đầu tiên là câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên trong cuộc đời của người viết năm mười bốn tuổi, lựa chọn môn

viết *Một đời như kẻ tìm đường*, bạn suy nghĩ gì về những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống?

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

học, chương trình học và ngành nghề tương lai.

+ Những lựa chọn bất đắc dĩ mà người viết phải chọn như không chọn Pháp nhưng phải đi Pháp, tốt nghiệp kĩ sư dù chưa bao giờ nghĩ tới, cũng chưa bao giờ mơ tới quyền lực nhưng lại có những vị trí quyền lực.

+ Số phận và lựa chọn của người viết: làm kĩ sư cầu đường nhưng chưa bao giờ thiết kế đường, chưa bao giờ học kinh tế nhưng đã làm tư vấn về kinh tế và đã dạy kinh tế trong trường đại học, ...

+ Những con đường mà chúng ta chọn rồi cũng sẽ là thành công và hạnh phúc vì thành công và hạnh phúc không phụ thuộc vào con đường đã chọn mà vào tâm trạng của chính chúng ta, vào thành quả mà chúng ta gặt hái được.

Nhóm 2: - Các yếu tố tự sự, miêu tả là:

+ Yếu tố tự sự là ở đoạn văn kể lại câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên của người viết năm

	mười bốn tuổi, ở chi tiết về các tình huống lựa chọn được đưa ra trong quá trình bàn bạc với bố mẹ. + Yếu tố biểu cảm là ở những đoạn văn viết về suy ngẫm, đúc rút của người viết, những cảm xúc hạnh phúc, thỏa mãn của người viết khi nói về cuộc đời của mình. - Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm là giúp cho bài viết thêm hấp dẫn hơn, giàu tính hình ảnh; người đọc có thể dễ dàng hòa vào suy nghĩ của người viết, cảm nhận được rõ hơn cảm xúc của người viết. - Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>. - Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người,
--	--

	ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình. Nhóm 3: - Luận điểm mà tôi thấy tâm đắc là về những sự kì lạ trong cuộc đời người viết, phải đưa ra một quyết định những rồi như thể chẳng liên quan đến mình; tìm cách giải quyết, tìm hướng đi nhưng số phận đưa anh đến một lối đi khác. - Lí do luận điểm ấy thuyết phục tôi vì tôi cảm thấy cuộc đời tôi lúc này cũng giống vậy, những thứ tôi lựa chọn dường như chẳng liên quan đến tôi và khi tôi tìm đường đi cho mình thì số phận đã chỉ đường cho tôi. Tôi không thích môn văn nhưng lại vào lớp chuyên văn, tôi muốn thi tiếng anh nhưng không đỗ tiếng anh. Nhóm 4: Theo tôi, những lựa chọn của mỗi người trong cuộc sống có thể là quyết định từ sâu trong suy nghĩ của mình hoặc là quyết định không mong
--	---

	muốn, đôi khi bản thân như người vô hình trong sự lựa chọn ấy. Mỗi người luôn phải đưa ra những sự lựa chọn dẫn lối tương lai, đôi khi sự lựa chọn ấy chưa chắc đã là tương lai của bạn, số phận có thể sẽ đưa bạn đến với lối đi khác trong cuộc đời.
C. Tổng kết a) Mục tiêu: HS nắm được những nội dung và ý nghĩa bài thơ b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Hướng dẫn HS tổng kết bài học * GV nêu câu hỏi:	III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Các yếu tố tự sự, miêu tả là: + Yếu tố tự sự là ở đoạn văn kể lại câu chuyện về sự lựa chọn đầu tiên của người viết năm mười bốn tuổi, ở chi tiết về các tình huống lựa chọn được đưa ra trong quá trình bàn bạc với bố mẹ. + Yếu tố biểu cảm là ở những đoạn văn viết về suy ngẫm, đúc rút của người viết, những cảm xúc hạnh phúc, thỏa mãn của người viết khi nói về cuộc đời của

	mình. - Tác dụng của các yếu tố tự sự, biểu cảm là giúp cho bài viết thêm hấp dẫn hơn, giàu tính hình ảnh; người đọc có thể dễ dàng hòa vào suy nghĩ của người viết, cảm nhận được rõ hơn cảm xúc của người viết. 4. Ý nghĩa nhan đề - Trong bài viết, tác giả nói: “Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra rằng chẳng có đường để tìm.”, điều này không thể hiện sự mâu thuẫn với nhan đề <i>Một đời như kẻ tìm đường</i>. - Theo tác giả, việc tìm đường là một việc có rất nhiều ý nghĩa, tìm đường cũng như tìm về ý nghĩa của cuộc sống, tìm về quan điểm sống. Trong cuộc đời của mỗi người, ai cũng sẽ đi tìm đường như tìm về chính bản thân mình và dù cho không tìm được đường thì chúng ta vẫn có thể tìm được ý nghĩa trong cuộc đời mình.
Hoạt động 4: Kết nối đọc – viết a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực	

hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung:

HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

Theo bạn, thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên trong cuộc đời? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) thể hiện quan điểm của bạn về vấn đề.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:
- Xác định quan điểm của bản thân về quan điểm thành công và hạnh phúc phụ thuộc vào lựa chọn của chúng ta hay vào những may rủi ngẫu nhiên.
- Triển khai và sắp xếp các luận điểm, lí lẽ cho quan điểm của bản thân và viết đoạn văn theo yêu cầu.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Có người đã từng nói với tôi rằng: Bạn không thể quyết định việc mình sinh ra ở đâu nhưng bạn hoàn toàn có thể quyết định mình sống như thế nào. Đúng như ý nghĩa của câu nói trên, tương lai của bản thân sẽ do chính mình tự quyết định, tương lai thành công và hạnh phúc hay thất bại và đau khổ không phải dựa vào may rủi mà nó phụ thuộc vào chính bản thân chúng ta. Trong cuộc sống hiện tại và tương lai, chúng ta luôn phải đứng trước những ngã rẽ của cuộc đời, phải đưa ra những lựa chọn dù muốn hay không và những lựa chọn đó sẽ chính là bước đi tiếp theo của chúng ta. Để thành công trong cuộc sống, để tương lai tốt đẹp cần phải có trí tuệ sáng suốt để phân đoán, suy luận; có kĩ năng làm việc; có ý chí, nghị lực và quyết tâm cao để vượt qua mọi trở ngại, khó khăn; có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao mới tạo được niềm tin với người khác; có kĩ năng giao tiếp để nắm bắt cơ hội, để hợp tác chia sẻ trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay; có cơ sở vật chất ban đầu và có sự may mắn. Không biết đã bao nhiêu lần chúng ta buông tay từ bỏ khi mà chỉ cần một chút nỗ lực, một chút kiên trì nữa thôi là chúng ta sẽ đạt được thành công. Câu chuyện về một người thợ đã mua lại một mảnh đất hoang với giá cao vì ông tin rằng dưới lòng đất có một mỏ kim cương quý giá, ông đã bỏ nhiều công sức, tiền của và nhiều năm để đào bới mảnh đất

nhưng không thu được gì. Vì quá chán nản, ông ấy đã bán lại khu đất cho một người khác mà không ngờ rằng chỉ 2 tháng sau đó, người chủ mới khu đất đã tìm thấy một mỏ kim cương khổng lồ nằm sâu trong đất. Chúng ta đôi khi cũng giống như người thợ trong câu chuyện vậy, chúng ta thiếu đi sự kiên nhẫn, thiếu nghị lực để rồi bỏ lỡ mất thành công ngay trước mắt và đổ lỗi cho sự may rủi. Sự may rủi không phải là cái quyết định thành công và hạnh phúc của chúng ta mà chính bản thân chúng ta mới là yếu tố quyết định thành công và hạnh phúc. Trong hành trình tìm kiếm tình yêu và hạnh phúc, kết quả chỉ đến với những ai biết kiên nhẫn, biết lắng nghe, biết nỗ lực và dũng cảm đương đầu với thử thách. Nếu bạn không phạm sai lầm, nghĩa là bạn còn chưa cố gắng đủ.

Hướng dẫn TỰ HỌC:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- + Nộp sản phẩm vào tiết học sau.
- + GV sử dụng rubric đánh giá
- Tìm đọc thêm các câu chuyện liên quan.
- Chuẩn bị soạn bài:.....

*Rút kinh nghiệm:

.....

.....

Tiết 97: Thực hành tiếng Việt

Ngày soạn 15/4/2026. **SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ**
(tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biểu đồ, sơ đồ trong văn bản thông tin.
- Học sinh nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ cơ bản như biểu đồ tròn, sơ đồ Venn, biểu đồ thời gian, sơ đồ cây.

2. Về phẩm chất

Học sinh có ý thức tôn trọng trong làm việc nhóm và tranh luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu, bảng, ...
2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD1: KHỞI ĐỘNG

a- Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh trong học tập để các em sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b- Nội dung hoạt động:

Thảo luận nhóm để tìm ra thông tin từ hình ảnh GV cung cấp (Phụ lục 1)

c- Sản phẩm: Kết quả thảo luận của HS.

- Hình 1: Ra dấu hiệu ...
- Hình 2: Biểu hiện cảm xúc ...

d- Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Quan sát hình ảnh và nêu ý nghĩa thông điệp qua hình ảnh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.

Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề và dẫn vào bài.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a- Mục tiêu:

- HS nhận biết được một số loại biểu đồ, sơ đồ.
- HS hiểu được ý nghĩa - tác dụng của biểu đồ, sơ đồ.

b- Nội dung hoạt động:

- HS thực hiện yêu cầu của GV.
- HS sử dụng SGK làm bài tập 1 để hoàn thành phiếu học tập

c- Sản phẩm:

HS thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.

d- Tổ chức thực hiện:

HD CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập - Quan sát các dạng biểu đồ và sơ đồ trong sơ đồ. - GV phát phiếu học tập (phụ lục 2) cho HS. - Tổ chức thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát biểu đồ, sơ đồ. HS thảo luận nhóm làm bài tập 1. Bước 3: Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề.	I- Phương tiện phi ngôn ngữ: II- Thực hành Bài tập 1: Kết quả thảo luận của nhóm. - Sơ đồ cây kết hợp với biểu đồ thời gian. - Sơ đồ cây cho thấy kế hoạch “Tôi của tương lai” trên năm phương diện: Tài chính; Sở thích; Công hiến; Công việc; Gia đình. - Biểu đồ thời gian cho thấy sự tiến triển cụ thể của “Tôi của tương lai” theo từng phương diện kể trên.
HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về phương tiện phi ngôn ngữ để làm bài tập và vận dụng vào cuộc sống. b- Nội dung hoạt động: - HS thực hiện yêu cầu của GV - Tưởng tượng về cuộc sống của bạn trong 30 – 40 năm tới bằng các phương tiện phi ngôn ngữ (bài tập 2)	

c- Sản phẩm: Bài làm của học sinh (tham khảo, phụ lục 3). d- Tổ chức thực hiện:	
HD CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập HS làm bài tập 2 dưới hình thức bài làm cá nhân. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS dựa vào phần gợi ý trong SGK và suy nghĩ làm bài. Bước 3: Báo cáo kết quả HS trình bày bài làm. Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề.	- Xác định các thông tin cần trình bày. - Xác định loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp để biểu đạt thông tin. - Sử dụng hình ảnh, màu sắc, đường nét, ... để cụ thể hóa, trực quan hóa các thông tin. Tham khảo phụ lục 3.
HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG	
a- Mục tiêu: - Giúp HS biết kết nối nội dung của phần đọc với nội dung phần thực hành. - HS nhận biết và sử dụng được một số loại biểu đồ, sơ đồ. b- Nội dung hoạt động: - HS thực hiện yêu cầu của GV. - Thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ cho phù hợp với nội dung thông tin trong bài tập 3. - Các dạng biểu đồ, sơ đồ cơ bản: Biểu đồ tròn; Biểu đồ thời gian Sơ đồ Veen; Sơ đồ cây. c- Sản phẩm: Bài làm của HS (tham khảo phụ lục 4) d- Tổ chức thực hiện:	
HD CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập HS thảo luận nhóm làm bài tập số 3. Yêu cầu HS dựa vào thông tin trong đoạn trích để thiết kế một biểu đồ hoặc sơ đồ phù hợp. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận nhóm làm hoàn thành bài tập 3. Bước 3: Báo cáo kết quả Đại diện nhóm trình bày bài thảo luận. Bước 4: GV nhận xét chốt lại vấn đề.	- Xác định mục đích giao tiếp. - Lựa chọn các thông tin cần trực quan hóa thành sơ đồ. - Lựa chọn loại sơ đồ, biểu đồ phù hợp. - Bài làm của HS. (Tham khảo phụ lục 4)

Phụ lục 1: Quan sát hình ảnh và nêu ý nghĩa của thông điệp qua hình ảnh.

Phụ lục 2: Kể tên sơ đồ, biểu đồ và tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ trong BT 1

	Sơ đồ	Biểu đồ
Tên		
Tác dụng		

Phụ lục 3: Tham khảo- Cuộc sống của tôi trong 30 – 40 năm tới (BT 2)

Phụ lục 4: Tham khảo thêm về bài tập 3

Các dạng biểu đồ, sơ đồ

Phụ lục 5: Rubric đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 - 4 điểm)	LÀM TỐT (5 - 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 - 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày không cẩn thận	2 điểm Bài làm đầy đủ. Trình bày được Kết cấu hợp lí	3 điểm Bài làm đầy đủ Trình bày đẹp Kết cấu hợp lí.
Nội dung (7 điểm)	1 - 4 điểm	5 - 6 điểm	7 điểm

Tiết 98.99 VIẾT

Ngày soạn 15/4/2026

VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN**Thời gian thực hiện: Tiết 8 - 9****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- HS biết cách trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc bằng những trải nghiệm có thực của mình.

2. Về kĩ năng

- HS viết được một bài luận về bản thân đáp ứng được các yêu cầu: có quan điểm rõ ràng, thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu của mình, sử dụng bằng chứng là những trải nghiệm có thực, sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm và tự sự.

3. Về phẩm chất

- HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu,

2. Học liệu: phiếu học tập, tư liệu tham khảo

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra****3. Bài mới****Hoạt động 1: Mở đầu****a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được các yêu cầu của kiểu bài viết bài luận về bản thân
- HS hiểu được ứng dụng của bài luận về bản thân trong các tình huống giao tiếp đời sống

b. Nội dung

- Thảo luận: Một bài luận về bản thân tốt cần đáp ứng những yêu cầu gì? Những yêu cầu này khác gì với yêu cầu cần đạt trong một bài nghị luận về một vấn đề xã hội?

c. Sản phẩm

- Sơ đồ so sánh yêu cầu cần đạt của bài nghị luận về bản thân và bài nghị luận về một vấn đề đời sống

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Đọc phần giới thiệu kiểu bài và yêu cầu cần đạt ở trang 113, so sánh với yêu cầu cần đạt và bối cảnh sử dụng của bài nghị luận về vấn đề xã hội Bước 2: HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ Vene để so sánh yêu cầu cần đạt của hai kiểu bài Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình Bước 4: Giáo viên kết luận: điểm khác biệt quan trọng nhất của bài luận về bản thân so với bài nghị luận về vấn đề xã hội là những bằng chứng được sử dụng trong bài viết là những trải nghiệm có thực của người viết, bài viết thể hiện được cá tính, thiên hướng, lựa chọn, niềm tin, quan điểm riêng của người	1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

viết.

Hoạt động 2: Luyện viết

1. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của bài luận về bản thân

a. Nội dung

Phân tích bài viết tham khảo

b. Sản phẩm

Phiếu trả lời câu hỏi

c. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi: + Phần mở đầu bài luận có những thông tin gì? Quan điểm của người viết được trình bày dưới hình thức nào? + Thông điệp chính của bài viết là gì? Thông điệp đó được trình bày dưới hình thức nào? + Những trải nghiệm của người viết được trình bày theo trật tự nào? Chúng có tác dụng gì? + Những suy ngẫm, bàn luận, cảm xúc của tác giả được đặt ở vị trí nào trong bài viết? Những thông tin này tác động thế nào tới độc giả? + Giọng điệu của tác giả trong bài viết là gì? Giọng điệu đó được tạo nên bằng cách nào? Bước 2: HS đọc bài viết và trả lời câu hỏi Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình Bước 4: Giáo viên kết luận:	2.1. Đọc bài viết tham khảo 1. Phần mở đầu: + Nêu trích dẫn--> thu hút sự chú ý của người đọc + Thể hiện quan điểm: Hãy luôn sống cống hiến, sống hết mình như thể cuộc sống không còn ngày mai 2. Bài viết đã trình bày thông điệp chính bằng cách nào: + Sử dụng yếu tố tự sự để nói về trải nghiệm của bản thân □ tăng tính chân thực □ tạo tính hấp dẫn thu hút người đọc + Sử dụng yếu tố biểu cảm: nêu những cảm xúc của người viết thông qua trải nghiệm □ tăng tính thuyết phục cho quan điểm của người viết + Dùng những suy ngẫm, bàn luận về trải nghiệm của bản thân để nêu lên thông điệp của mình + Người viết thông qua trải nghiệm của bản thân đã tác động vào nhận thức, tình cảm của người đọc và từ đó kêu gọi họ hành động: Hãy can đảm sống theo sự mách bảo của trái tim và trực giác. + Giọng điệu: dí dỏm, hài hước 3. Cấu trúc của Bài luận về bản thân thường có cấu trúc 3 phần: + Phần mở đầu thể hiện quan điểm riêng của người viết và thông điệp chính của văn bản. + Phần thân bài thể hiện những suy nghĩ, đúc rút về cuộc sống từ những trải nghiệm có thực của mình. + Phần kết bài nhắc lại thông điệp chính

hoặc kêu gọi hành động.

2. Thực hành viết**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết một bài luận về bản thân
- HS thực hành các bước để viết bài luận về bản thân dựa trên hướng dẫn của GV

c. Nội dung

Thực hành viết theo các bước

d. Sản phẩm

Phiếu hướng dẫn viết

e. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Thực hành viết một bài luận về bản thân để xin học bổng một trường Đại học ở nước ngoài dựa trên các hướng dẫn trong phiếu học tập số 1. Bước 2: HS đọc phần thực hành viết trong SGK, thảo luận nhóm để thực hiện các bước theo hướng dẫn và điền kết quả thảo luận nhóm vào PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT. Bước 3: HS chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm. Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, làm mẫu cách triển khai một bài viết cụ thể, chốt lại các vấn đề cần lưu ý khi viết một bài luận về bản thân	2.2. Thực hành viết theo các bước - Chia sẻ phần các thao tác và kĩ năng khi viết bài Thực hiện các bước B1. Chuẩn bị viết • Hoàn thiện Phiếu hướng dẫn viết B2. Tìm ý, lập dàn ý • Thiết kế dưới dạng sơ đồ B3. Viết bài B4. Chỉnh sửa, hoàn thiện - Học sinh tiến hành lập dàn ý (Tham khảo phụ lục)

PHIẾU HƯỚNG DẪN VIẾT

HƯỚNG DẪN	THỰC HÀNH
1. Xác định ý tưởng và thông điệp chính	
2.Xác định các luận điểm chính để làm rõ thông điệp	
3.Lựa chọn bằng chứng là các trải nghiệm có thực của bản thân	

4.Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic	
---	--

Hoạt động 3: Vận dụng**a. Mục tiêu:**

- HS viết được đoạn văn nghị luận ngắn (150 chữ) trình bày về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản, hoặc xem video

b. Nội dung

- Viết đoạn văn

c. Sản phẩm

Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: viết một bài luận về bản thân để chia sẻ một bài học mà bạn đã lĩnh hội được trong cuộc sống. Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài. Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà. Bước 3: GV thu lại một số bài viết của HS, đọc trước cả lớp và cho HS nhận xét về các bài viết Bước 4: GV hướng dẫn HS cách viết, cách chỉnh sửa bài viết.	3. Viết bài luận về bản thân • Hs viết bài + Lựa chọn văn phong phù hợp + Có sử dụng kết hợp các PTBD, các phương tiện phi ngôn ngữ, các BPTT để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn của bài viết • GV dùng Bảng kiểm hướng dẫn Hs đánh giá lẫn nhau • Hs trao đổi, thảo luận • HS chỉnh sửa bài viết theo góp ý

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: viết về những bài học cuộc sống mình đã đúc rút được sau khi đọc văn bản, hoặc xem video	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các phương tiện phi ngôn ngữ linh hoạt, hấp dẫn	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc mang cá tính riêng, hấp dẫn; có cách diễn đạt mới mẻ.	

Tiết 100:**TRẢ BÀI VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN (tiếp)****Ngày soạn 22/4/2026.****Thời gian thực hiện: 1 tiết****I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- HS khắc sâu được cấu trúc, đặc trưng của một bài luận về bản thân

2. Về kĩ năng

- HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá bài viết của bạn
- HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài

3. Về phẩm chất

- HS hiểu về bản thân, biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Thiết bị dạy học:** Bảng, máy tính, máy chiếu**2. Học liệu:** phiếu học tập, tư liệu tham khảo**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Ổn định tổ chức****2. Kiểm tra****3. Bài mới****Hoạt động 1: Mở đầu****a. Mục tiêu**

HS khắc sâu cấu trúc, đặc trưng của kiểu bài viết luận về bản thân

b. Nội dung

Tái hiện kiến thức về kiểu bài

c. Sản phẩm

Phiếu bài tập số 1

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV-HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập: Dựa vào những kiến thức đã học và thực hành ở 2 tiết trước, hoàn thành phiếu học tập. Bước 2: HS thực hành làm phiếu bài tập Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình Bước 4: Giáo viên nhận xét, kết luận	

Hoạt động 2: Trả bài**Nội dung 1: Đọc nhận xét, đánh giá chung****a. Mục tiêu**Phát hiện được những ưu, nhược điểm của bài làm qua nghe đọc
Thống nhất tiêu chí nhận xét, đánh giá bài làm**b. Nội dung**

Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết

c. Sản phẩm

Bảng đánh giá

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Lựa chọn và đọc to một bài viết của HS, yêu cầu cả lớp cùng hoàn thành phiếu đánh giá thông qua hình thức giơ tay biểu quyết, rút ra những tiêu chí đánh giá bài làm

Bước 2: HS đọc bài viết và cùng hoàn thành phiếu

Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình

Bước 4: Giáo viên kết luận và thống nhất tiêu chí đánh giá:

- Đảm bảo cấu trúc
 - Xác định đúng ý tưởng, mục đích
 - Xác định được luận điểm, trải nghiệm thực tế
 - Cách sắp xếp luận điểm, lí lẽ hợp lí, đảm bảo tính liên kết
 - Yêu cầu về sử dụng từ ngữ, ngữ pháp, chính tả
- Khuyến khích sáng tạo, biết kết hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm

Nội dung 2. Học sinh trao đổi chéo, đánh giá bài viết của bạn

a. Mục tiêu

Nhận xét, đánh giá được bài viết của bạn.

b. Nội dung

Đọc, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn

c. Sản phẩm: Bảng đánh giá

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Trao đổi bài với bạn cùng bàn, hoàn thành phiếu đánh giá theo các tiêu chí đã thống nhất

Bước 2: HS đọc, thực hành hoàn thành phiếu đánh giá

Bước 3: Một vài HS trực tiếp trình bày bài nhận xét của bạn theo các tiêu chí.

Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày, phần nhận xét, đánh giá của HS đối với bài làm của bạn, từ đó nhận xét những ưu, nhược điểm chung, rút kinh nghiệm bài học khi thực hành viết bài luận về bản thân.

Hoạt động 3: Đọc lại, sửa chữa bài viết của bản thân

a. Mục tiêu

Nhận thấy được ưu, nhược điểm của bài viết

Sửa chữa, khắc phục được những lỗi sai

b. Nội dung

Đọc bài, chữa bài viết

c. Sản phẩm: Phiếu tự nhận xét đánh giá

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Đọc lại bài viết và tự đánh giá bằng cách hoàn thành phiếu tự nhận xét, đánh giá

Bước 2: HS thực hành

Bước 3: GV thu lại một số phiếu học tập bất kì kiểm tra

Bước 4: GV nhấn mạnh lại một lần nữa những lưu ý khi làm bài luận về bản thân.

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1

Học sinh hoàn thành phiếu bài tập bằng cách điền các cụm từ cho trước vào các ô còn trống: *kêu gọi hành động, quan điểm, trải nghiệm thực tế cá nhân, thông điệp, suy nghĩ cá nhân, nhắc lại thông điệp, bài học.*

Cấu trúc	Nội dung
1. Mở bài	
2. Thân bài	
3. Kết bài	

BẢNG ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT LUẬN VỀ BẢN THÂN

STT	Tiêu chí	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Đảm bảo cấu trúc bài văn: mở bài, thân bài, kết bài			
2	Xác định đúng ý tưởng, mục đích: Giới thiệu bản thân để xin học bổng			
3	Xác định được hệ thống luận điểm làm rõ thông điệp			
4	Lựa chọn được những dẫn chứng, những trải nghiệm thực tế của bản thân			
5	Bài làm có tính liên kết, trật tự sắp xếp luận điểm hợp lí, lựa chọn thao tác lập luận phù hợp			
6	Bài viết đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.			
7	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; sự đan xen các yếu tố tự sự, biểu cảm...			

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Ưu điểm cần phát huy	Nhược điểm cần khắc phục

.....

Tiết 101. NÓI VÀ NGHE:
THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÓ SỬ DỤNG KẾT HỢP PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ VÀ PHƯƠNG TIỆN PHI NGÔN NGỮ
Ngày soạn 25/4/2026

I.MỤC TIÊU

1.Về kiến thức:

- HS hiểu được cấu trúc một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội

- HS hiểu được vai trò, tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ trong thuyết trình

2.Về kĩ năng

- HS biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề dưới hình thức thuyết trình
- HS biết sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lý, hiệu quả
- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh biện xoay xung quanh vấn đề thuyết trình

3.Về phẩm chất

- HS có ý thức tôn trọng trong thảo luận, tranh biện

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Kiểm tra

3. Bài mới

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu:

- HS nêu được các yếu tố của bài thuyết trình
- HS nêu lên được hiệu quả của yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong bài thuyết trình được nghe

b. Nội dung

- HS theo dõi 1 bài thuyết trình của một diễn giả (video: <https://www.youtube.com/watch?v=VyGxue5QEUM>- Bệnh vô cảm)

c. Sản phẩm

- Viết cảm nhận, trao đổi thảo luận

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyên giao nhiệm vụ: HS xem video và thực hiện các yêu cầu của giáo viên

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video: Bệnh vô cảm trong xã hội của chúng ta

B3: Báo cáo thảo luận: HS trao đổi về hiệu quả của các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng

B4: Kết luận, nhận định: Để tăng tính thuyết phục của bài văn nghị luận cần sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ như: Bảng, biểu đồ

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Chuẩn bị nói và nghe

a. Mục tiêu:

- HS nêu được tiến trình, các thao tác triển khai một bài thuyết trình về vấn đề xã hội

b. Nội dung

Tóm tắt những thao tác chính để triển khai một bài thuyết trình

c. Sản phẩm

Phiếu ghi chép

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: đọc phần hướng dẫn trong SGK, tóm tắt các thông tin quan trọng nhất, so sánh với cách triển khai các hoạt động nói khác	

Bước 2: HS đọc SGK và tóm tắt thông tin Bước 3: HS trình bày kết quả làm việc của mình Bước 4: Giáo viên kết luận: các thao tác chính trong một bài thuyết trình về bản thân	
---	--

Nội dung 2. Thực hành nói và nghe

a. Mục tiêu:

- HS áp dụng các kiến thức đã biết ở hoạt động trên vào xây dựng một bài thuyết trình

b. Nội dung

HS thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ

c. Sản phẩm

- Các sản phẩm thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình - ATGT và giới trẻ trong xã hội ngày nay - Ứng xử với các di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống ở địa phương nơi bạn sinh sống Bước 2: HS làm việc nhóm, lựa chọn vấn đề thuyết trình, xây dựng bài thuyết trình theo các hướng dẫn đã học ở phần trên Bước 3: Đại diện HS các nhóm thuyết trình về một vấn đề xã hội mà nhóm mình đã lựa chọn. Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ trong phiếu học tập số 1. Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ	1. Thực hành nói: - Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu – triển khai – kết luận - Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ 2. Thực hành nghe - Theo dõi, lĩnh hội thông tin: Ngôn ngữ và phi ngôn ngữ - Chuẩn bị ý kiến và quan điểm để trao đổi

Nội dung 3. Trao đổi, thảo luận

a. Mục tiêu

- HS đánh giá được sản phẩm của người khác:
- Biết cách sử dụng có hiệu quả yếu tố phi ngôn ngữ trong thuyết trình

b. Nội dung

- HS trao đổi thảo luận

c. Sản phẩm

- Phiếu đánh giá sản phẩm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Đánh giá sản phẩm chéo nhóm theo phiếu đánh giá Bước 2: HS làm việc nhóm, đánh giá, cho điểm Bước 3: Nhận xét, trao đổi, thảo luận	Các Phiếu đánh

Bước 4: Gv nhận xét phần trình bày của các nhóm, nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ	giá sản phẩm nhóm
---	-------------------

Hoạt động 4: củng cố, mở rộng (sgk)

a. Mục tiêu

- Hs lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân

b. Nội dung

- Viết tham luận tham gia hội thảo về định hướng nghề nghiệp

b. Sản phẩm

- Các văn bản tham luận

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: tổ chức một hội thảo về định hướng nghề nghiệp. GV chia nhóm, phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề cụ thể như sau:

- Những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh sau khi tốt nghiệp phổ thông
- Các xu hướng nghề nghiệp của tương lai: những nghề triển vọng và những nghề có nguy cơ biến mất
- Những kỹ năng cần có để thích ứng với mọi nghề nghiệp
- Kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo có ảnh hưởng như thế nào đến xu thế nghề nghiệp

Bước 2: HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: GV tổ chức buổi hội thảo trên lớp, trong giờ hoạt động ngoại khóa hoặc trên môi trường kỹ thuật số

Bước 4: GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được sau buổi hội thảo, lưu ý những kỹ năng quan trọng cần lưu ý.

Phụ lục:

1. Phiếu đánh giá sản phẩm

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn vấn đề có ý nghĩa, hứng thú, hấp dẫn		
2	Có đủ 3 phần: Mở đầu, triển khai, kết luận		
3	Thông tin và quan điểm về vấn đề được trình bày rõ ràng, sinh động		
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng hiệu quả: Kết hợp hài hòa và phù hợp với tính chất vấn đề cần trình bày		
5	Phong thái trình bày tự tin, có tương tác khi trình bày		
6	Có tinh thần cầu thị, cởi mở sẵn sàng tiếp nhận và đối thoại với các quan điểm khác nhau về vấn đề trình bày		

